




ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Cao Đài Giáo Lý

HẠ BÌNH THÂN
2016



 NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Cao Đài Giáo Lý • HẠ BÌNH THÂN 2016

**CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, QUẬN I, TP.HCM.**

CAO ĐÀI GIÁO LÝ • HẠ BÌNH THÂN 2016

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ (04) 37.822.845 – Fax: (04) 37.822.841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám Đốc – Tổng Biên Tập: **NGUYỄN CÔNG OÁNH**

Biên tập: **LÊ HỒNG SƠN**

Trình bày & Kỹ thuật: **LÊ ANH THU**

Sửa bản in: **DIỆU NGUYỄN**

Đơn vị liên kết: Ông Đoàn Thiện Tâm

Địa chỉ: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM

Số lượng in: 1000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại XN in FAHASA

774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TP.HCM

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số ĐKXB: **1256-2016/CXBIPH/18-80/TG**

Mã ISBN: **978-604-61-3648-4**

QĐXB: **267/QĐ-NXBTG**, ngày 10-05-2016.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2016

BÀI VỞ, THƯ TỪ, NGÂN PHIẾU, TÀI CHÁNH

CHUNG SỨC THỰC HIỆN XIN GỬI VỀ

Giáo sĩ Huệ Ý, Đoàn Thiện Tâm

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM

☎ 0937.65.94.51 – ✉ caodai2026@gmail.com

TK: Sacombank chi nhánh Sài Gòn, PGD Cống Quỳnh

Số TK: 0601 0892 2845

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

Cao Đài Giáo Lý
HẠ BÍNH THÂN 2016

Nhà xuất bản **Tôn Giáo**
Hà Nội – 2016



Cao Đài Giáo Lý • Hạ Bính Thân 2016

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

171B CỐNG QUỲNH, P. NGUYỄN CỬ TRINH, Q.1, TP.HCM

mục lục

SUY NGẪM : VẠN GIÁO NHẤT LÝ	6
THÁNH GIÁO: NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO	9
XUÂN THÁNH ĐỨC	12
<i>Thiện Chí</i>	
ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ	21
<i>Hồng Phúc</i>	
MÙA TU XUÂN PHÂN	35
<i>Huệ Chơn</i>	
ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN VÀ LUẬT CẢM ỨNG	41
<i>Xuân Mai</i>	
LỜI ĐỨC THỂ TÔN DẠY TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ	49
<i>Diệu Nguyên</i>	
THÁNH GIÁO SONG NGŨ	58
<i>Ban dịch thuật Văn Hóa Vụ.</i>	
THOÁT VÒNG TỬ KHỔ	70
<i>Chí Thật</i>	
CHIẾC ÁO THIÊN ÂN	80
<i>Chí Thật</i>	
TÌM HIỂU LỜI PHẬT DẠY: “NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO”	92
<i>Xuân Mai</i>	
LƯỢC SỬ NGHI THỨC BẢY LẠY	104
<i>Đạt Tường và Ngô Chơn Tuệ</i>	
BÀI HỌC TỪ HAI CÂU CHUYỆN TRONG TRANG SỬ ĐẠO	130
<i>Trần Bửu Long</i>	

KỶ NIỆM 70 NĂM MẶT TRẬN GIỒNG BÓM	144
<i>Cao Bạch Liên</i>	
VỀ LÝ TƯỞNG XÂY DỰNG TÔN GIÁO TOÀN CẦU	153
<i>Thiện Chí</i>	
NHỮNG MẪU CHUYỆN TỪ CƠ BÚT	163
<i>Đạt Tường trích lục</i>	
THỬ TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH VÀ NÓI CHUYỆN ĐẠO	166
<i>Lý Tâm Thiên</i>	
THƠ: CHO HAY QUẢ ĐẤT VẪN XOAY VÒNG	185
<i>Thiện Chí</i>	
THƠ: NGUYÊN TIÊU	
<i>Phục Nguyên</i>	
THƠ: HỌC PHẬT QUA THÁNH HUẤN CAO ĐÀI	190
<i>Phục Nguyên</i>	
VIÊN CHỐNG ẨM	198
<i>Công Huy</i>	
VỌNG CỔ: ÂN ĐỨC CHÍ TÔN	202
<i>Chí Thật</i>	
GIA CHÁNH: ĐẬU HŨ CUỐN LÁ LỐT	205
<i>Bạch Tuyết</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	207
<i>Thanh Hiển</i>	
TRUYỆN TRANH: NGÀI NGÔ VẪN CHIÊU: MÔN ĐỆ ĐẦU TIÊN CỦA CAO ĐÀI (KỶ 2)	210
<i>Lời: Bửu Long • Vẽ: Cọ Trắng</i>	

ĐÍNH CHÍNH

Bài thơ "Tìm Không" của tác giả Tố Nga trong CĐGL Xuân Bính Thân, câu thứ nhất của vé thứ tư xin được sửa lại là: "Nhập vào cuộc là ngời yên tĩnh lặng". Xin thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả.

BBT■

SUY NGÃM

Vạn giáo Nhất lý



Chú thích ảnh: Tam Giáo Tổ Sư.

Qua diễn tiến lịch sử nhân loại bao gồm luôn lịch sử tôn giáo, từ tín ngưỡng thô sơ đến đa thần rồi độc thần, ngày nay trên thế giới, đất nước nào cũng có nhiều tôn giáo du nhập từ nước ngoài hoặc phát sinh trong bản địa. Đó là điều đáng mừng cho con đường xây dựng đạo đức từ cá thể đến cộng đồng xã hội. Nhưng do nhiều xuất xứ khác nhau, mỗi tôn giáo có những bản sắc riêng tạo nên sự phân cách, khó thông cảm, thậm chí đố kỵ trong giới tín đồ giữa các tôn giáo.

Thật ra, cách nay trên 2.500 năm, Đức Lão Tử đã đề xướng chân lý đạt đến chiều sâu của tôn giáo tức Đạo. Đó cũng là chân lý vĩnh cửu, cứu cánh của tất cả đạo giáo, thể hiện tinh thần “vạn giáo nhất lý”.

Lão Tử Đạo Đức Kinh, chương 52 viết:

“Kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường. Dụng kỳ quang, phục quy kỳ minh, vô di thân ương, thị vi tập thường.”

(Thấy được tế vi mới là minh, giữ được mềm yếu mới là cường. Dùng ánh sáng của Đạo, để quay về sự quang minh của Đạo, thân không sợ tai ương, đó là tìm về vĩnh cửu.)¹

Do đó, tu học chủ yếu là tìm ra ánh sáng của Đạo để nương theo đó hành đạo trở về nguồn gốc, chính là chỗ “nhất lý” của vạn giáo.

Đức Lão Tử là một Giáo Tổ trong Nhị Kỳ Phổ Độ, đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế khai minh Đại Đạo, Ngài lâm phạm bằng thiên điển, xưng danh Thái Thượng Đạo Tổ, vẫn nhắc lại chân đạo ngàn xưa:²

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xuất hiện do Đấng Giáo chủ chí tôn chí trọng chủ quyền ban hành chánh pháp phổ độ nhơn sanh cho đến ngày này. Với tôn chỉ vạn giáo nhất lý, đã nêu rõ và lần lần in sâu vào tâm linh của các hàng nguyên nhân thánh thiện...”

Ngài dạy một Hội Thánh phải là một tác dụng “thủ trung trong Tam Kỳ Phổ Độ.”

“Thủ đây không phải là giữ. Giữ riêng cho một nghĩa đờn phương của nó, mà thủ là đầu căn cơ Đại Đạo.

Trung đây không phải là ở giữa, mà trung là Lý duy nhất của căn cơ...”

Ngài dạy thêm:

“Hỡi môn sanh..., có còn nhớ câu này chăng? “Thiên trường địa cửu, sở dĩ trường cửu giả dã, kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh. Thị dĩ

1. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ lược dịch.

2. Trích Thánh giáo tại Minh Lý Thánh Hội, Tý thời, 26 rạng 27-11 Kỷ Dậu (03-01-1970).

*Thánh nhân, kỳ hậu thân nhi thân tiên, kỳ ngoại thân nhi thân tôn.*³
(Trời dài, đất lâu. Trời đất sở dĩ dài lâu chính vì không tư dục, không mong cầu sự sống riêng tư, vì thế nên trường sinh. Do đó Thánh nhân để thân ra sau mà thân ở trước; để thân ra ngoài mà thân còn.)

“Đạo pháp đã đưa môn sanh đến chỗ giác tuệ, thì đừng để một lớp bụi hồng nào phủ mờ làm cho môn sanh phải chịu nhiều chướng ngại trên đường tu niệm.

... tất cả và tất cả, vân vân... đều là những phương tiện của hình thức, nếu có chứa đựng được chơn pháp siêu mẫu chẳng là ở nơi môn sanh vậy.

*Lão cũng nhắc một lời nữa: Vi giả bại chi, chấp giả thất chi, thị dĩ Thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất*⁴

Suy ngẫm thánh huấn trên đây của Đức Đạo Tổ, tuy ban ơn tại Minh Lý Thánh Hội, mà cũng áp dụng cho toàn thể cơ đạo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ba bài học căn bản:

- Thủ trung: Nhắm đến cái Lý duy nhất, căn cơ của Đạo.
- Không đề cao cái riêng tư, Thánh nhân đứng sau mà thành trước (Khiêm hạ sẽ được quý trọng), đứng ngoài mà thành còn (Không đấu tranh nên tồn tại).
- Làm như không làm nên không hồng; không giữ nên không mất.

Với các bài học này, các tôn giáo sẽ vượt khỏi tháp ngà cố hữu của hình thức, của giáo điều, mới gặp nhau nơi Lý duy nhất là Đại Đạo. ■

3. Đạo Đức Kinh, chương 7

4. Câu này trong Đạo Đức Kinh, chương 64.

(Làm thì hồng, giữ thì mất. Do đó, Thánh nhân không làm, cho nên không hồng; không giữ, cho nên không mất.)



THÁNH GIÁO

NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO

■ HUỒN CUNG ĐÀN, TÝ THỜI, 08-4 TÂN SỬU (21-5-1961) LỄ PHẬT ĐÀN

THI

BỔN tự kệ kinh độ chúng sanh,

sư tăng ni sĩ độ công thành;

THÍCH gia truyền giáo lưu thiên cổ,

CA ngợi thiện nhơn chí nhiệt thành.

BỔN sư mừng Thiên mạng lương phái cùng chư thiện tín đấng
đẳng. Bốn Sư miễn lễ đàn tiền an tọa nghiêm trang.

Hỡi này chư Thiên mạng cùng thiện tín! Chư môn đồ đã và đang sống trong kiếp đời thừa thãi, cơ tiêu diệt đã gần, bao cảnh tang thương khốc liệt của vạn loài diễn khắp chung quanh các môn đồ. Biết bao sự khổ của đời mang đến cho các môn đồ, dầu Bốn Sư chẳng nhắc, các môn đồ cũng hiểu. Vậy, giờ phút báo nguy sắp đến, các môn đồ chỉ còn một nẻo đường duy nhất để cứu lấy một phần chơn linh là đường tu công bồi đức. Bốn Sư khuyên toàn thể chư môn đồ nên hăng hái trên đường sứ mạng để chóng đến ngày điểm Đạo.

Các môn đồ ôi! Thế gian đều là giả tạm, dầu cho bậc đế vương, tể tướng mà không biết đường tu hành thì đó cũng chỉ một kiếp giả trần thôi. Những gì có trên quả địa cầu này rồi cũng phải chịu tiêu mất theo thời gian, chỉ tồn tại là con đường đạo đức. Các môn đồ phải ráng lo tu mới kịp ngày Long Hoa điểm Đạo.

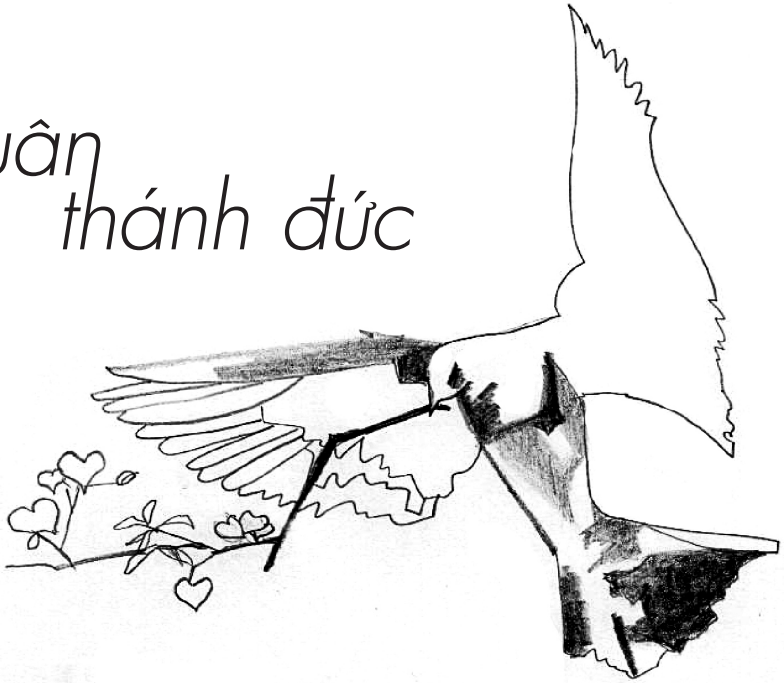
Giờ nay, các môn đồ dâng lễ hiến Bốn Sư. Bốn Sư chúng lòng thành cùng ban ơn phước cho cả thầy đồng chung vui trên đường lập đức.

BÀI

Ngày giáng sanh Bốn Sư chúng kiến,
Năm Sửu này phát triển đạo tâm,
Nhìn xem đàn nội vui thâm,
Nữ nam đồ đệ nguyện tâm lý chơn.
Đời nay lắm nhiều cơn điều đứng,
Đạo toan lo lái vững chiếc thuyền,
Kéo khi gió mạnh lắc nghiêng,
Sóng nhồi lững đững không yên người ngồi.
Trong Tam Giáo ba ngôi như một,
Hình thức riêng chỉ cốt bề ngoài,
Suy ra chơn lý không hai,
Độ người lánh dữ, lành rày nên lo.
Tôn giáo tự con đồ rước khách,
Ai sang qua chẳng trách giàu nghèo,
Miễn là chí quyết noi theo,
Đặng xa bể khổ lên đèo thung dung.
Muốn Tây Thiên trùng phùng ngôi vị,
Thì trần gian tập ý vị tha,
Từ bi theo hạnh Di Đà,
Công bình, bác ái, hải hà bao dung.

NHƠN ĐẠO dạy tam tòng tứ đức,
Ngũ thường lo đúng mức thuận phong,
Gia đình, xã hội cũng đồng,
Nói gương mỹ tục giống dòng Nghiêu Vương.
THẦN ĐẠO lập con đường phải lối,
Phận công dân sớm tối lo tròn,
Quan trường, tể tướng, tôi con,
Vẹn tròn hiếu nghĩa lòng còn thanh liêm.
THÁNH ĐẠO chuộng một niềm ngay thẳng,
Chí công bình trong trắng tâm thanh,
Không thiên không vị em anh,
Lời ngay, lẽ phải, phân rành quang minh.
TIÊN ĐẠO chỉ xử tình, xử thế,
Bác ái trau tập thể hòa thương,
Yêu cùng nhơn loại bốn phương,
Thanh nhàn thỏa chí dặm trường ngao du.
PHẬT ĐẠO dụng đường tu thanh tịnh,
Từ bi hành nhường nhịn lẫn nhau,
Không chê kẻ thấp người cao,
Chẳng vì chức tước nghèo giàu phân tranh.
ĐẠI ĐẠO gồm năm nhánh tôn giáo,
Kể trên đây đào tạo lọc lừa,
Hợp thời độ thế tùy ưa,
Hậu, trung, thượng, đủ đều vừa ý chung.
Giờ Bốn Sứ trùng phùng đồ đệ,
Dạy đôi điều ráng để vào tâm,
Chung lo cứu thế lạc lăm,
Trở về đạo đức lo tâm non tiên.
(XEM TIẾP TRANG 34)

Xuân thánh đức



■ THIÊN CHÍ

Minh họa: Cọ Trắng.

Mùa xuân là mùa đầu tiên của một năm, và những ngày tháng đầu xuân được chú trọng đặc biệt do ý nghĩa khởi phát của niên vận. Người ta thường đặt vào đó niềm hy vọng mở đầu mọi sự hanh thông trong bốn mùa, 12 tháng, nên mới có những phong tục hội hè, chúc tụng lẫn nhau. Đối với thiên nhiên, mùa xuân khí hậu ôn hòa, hoa cỏ xanh tươi; đối với người đời, tâm hồn hân hoan, cởi mở, nên xuân còn được ca ngợi là Chúa Xuân. Đặc biệt, trong giới đạo giáo còn cho rằng đi chùa quanh năm không bằng ngày Rằm tháng Giêng, nhất là liên hệ với sự tích ngày Thiên Quan Tứ Phước.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tháng Giêng có 3 thời điểm rất thiêng liêng: Lễ cúng Giao thừa; lễ Vía Đức Chí Tôn, lễ Thiên

Quan Tú Phước. Riêng đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý (PTGL), do sứ mạng đặc biệt đối với Cơ Đạo nhằm thống nhất tinh thần toàn đạo bằng đường lối “*Phổ biến giáo lý chơn tu, phổ truyền chánh pháp Đại Đạo*” nên được Đức Chí Tôn chọn ngày Thiên Quan Tú Phước Rằm tháng Giêng làm ngày khai mạc Văn phòng PTGL năm Ất Tỵ 1965, và được đặc ân cung thỉnh Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đến chứng lễ.

Thế nên, đón mừng xuân thiên nhiên, để cao ý nghĩa xuân của đất trời, đồng thời phải triển khai ý nghĩa thánh đức của xuân để ứng dụng công cuộc xây dựng thế giới đại đồng thánh đức, thì thường xuân mới trọn vẹn.

Đức Chí Tôn từng dạy rằng Thầy khai Đại Đạo cũng như đem lại mùa xuân cho nhân loại.

Muốn có Xuân thánh đức phải có con người thánh đức.

Đạo Trung Nhứt, người yên vật thanh,

Hiệp cơ Trời, tạo cảnh lập đời,

Lập đời Thánh đức yên vui,

Nhà không đóng cửa, cửa rơi mặc tình.

1. CON NGƯỜI THÁNH ĐỨC LÀ CON NGƯỜI ĐẠT NGÔI TRUNG HÒA

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư từng dạy về ngôi Trung Hòa Hoàng Cực như sau:

“Hiện tình thế sự ngày nay, từ đời đến đạo đều đảo điên phân tán. Đó không phải đạo hay đời, mà là lòng người chẳng đứng an định trước cơn phong ba bão tố phũ phàng. Người thiếu nhân bản, thiếu lương tri lương năng, chỉ biết xu hướng theo vật chất hữu hình, quên mất ngôi Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực. Cán cân công bình của nhân sinh đã chênh lệch. Con người và con người đuổi xô nhau vào hố thẳm vực sâu, quên mất bản linh chân tánh. (...)

*Hoàng Cực tức là ngôi Trung Hòa giữa thiên địa vạn vật vậy.
Đời có được an bình, có lập được Thượng nguơn Thánh đức, là
chính mỗi con người phải nhận chân một Di Lạc thực sự ở con người.
Từ bi, bác ái, công bình, chánh trực, đại đồng – năm căn bản
này sẽ thị hiện Di Lạc Thiên Tôn.*

Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín – đó là ngôi Hoàng Cực.”

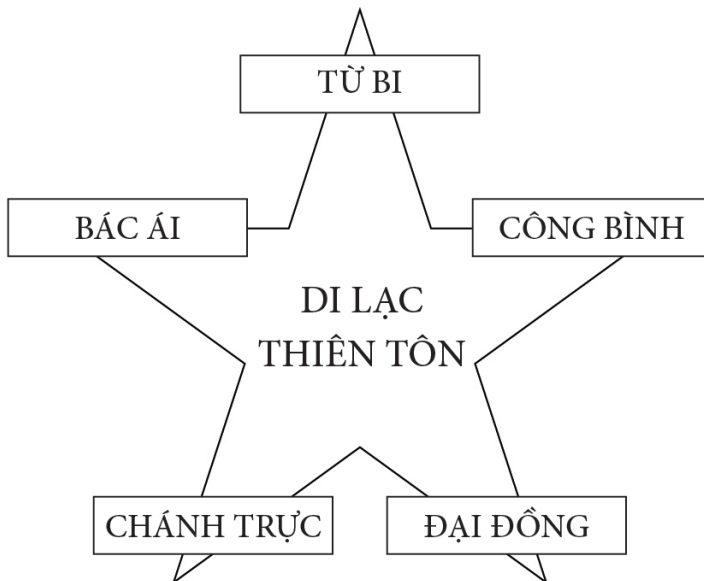
a) Năm căn bản này sẽ thị hiện Di Lạc Thiên Tôn.

Từ bi thuộc Phật đạo.

Bác ái thuộc Tiên đạo.

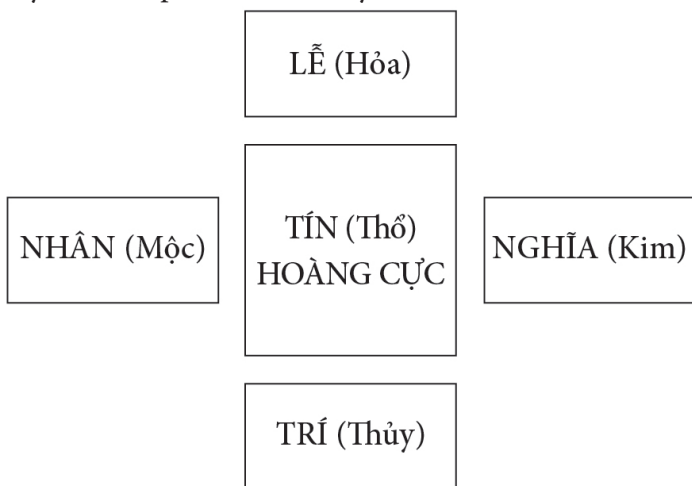
Công bình, Chánh trực, Đại đồng thuộc Thánh đạo.

Vậy, cái ngôi vị nào, quyền pháp nào mà điều khiển được ba nguyên lý của Tam giáo đạo để an định con người và thế giới? Hãy đáp ngay: Đó là Đại Đạo. Ở đây Đại Đạo được nhân cách hóa thành Di Lạc Thiên Tôn làm **chủ nhân ông** cho con người Thánh đức.



b) Dùng Ngũ hành, Ngũ đức bày ra thành một mô hình, người học đạo sẽ thấy vị trí trung ương của chủ nhân ông, từ đó mọi động thái vận hành, điều hòa tâm đức của chủ thể đều mang phẩm chất hài hòa thông suốt không thiên lệch, cố chấp trong bất cứ trạng huống của đối tượng hay hoàn cảnh nào. Phẩm chất ấy, quyền năng ấy, Thánh nhân cho là đức tính của Ngôi Trung Hòa.

Hãy khảo sát phác đồ dưới đây:



“Thổ là chữ “Tín,” làm linh hồn cho Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Nếu đánh lạc linh hồn này, thì dầu có nói nhân, nói nghĩa, nói lễ, nói trí, cũng là giả nhân, lễ giả, trí giả, nghĩa giả mà thôi.

Tất cả tư tưởng, ý chí, ngôn ngữ, hành động đều có chữ Tín, thì việc đó là chơn. Bằng mất Tín rồi thì vạn sự, ô hô, đều là mê vọng.

Vũ Trụ vạn vật nương cậy ở ngôi Trung mà đứng vững. Ngôi Trung đã sanh khởi và trưởng thành vạn hữu, vạn hữu đều có ngôi này làm chủ tể ở tâm, nên hằng sống và thăng hoa.”¹

1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chỉ Nam.

“Trung” bản nhứt, vô thiên, vô ý,
“Hòa” ứng thông, tình ý tương tham,
Cho hay trong Thánh có phàm,
Trong phàm có Thánh, bao hàm rộng sâu.²

Vậy Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực chính là Ta, là Chân Ngã, cái Ta mà Đức Thế Tôn tuyên bố “*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn.*” Nói một cách thực tế, dễ hiểu hơn, cái Ta làm chủ này phải chủ động làm những gì để xứng đáng là Chủ Nhơn Ông Hoàng Cực. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư giảng:

“*Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, đó là ngôi Hoàng Cực. Ngược lại dòng thời gian, (...) toàn cả nhân loại đã tiến bộ đến mức độ cao, vật chất thịnh hành, tinh thần suy yếu, không còn giữ được lòng nhân trước tha nhân, không còn gìn chính nghĩa đối với nghĩa vụ, không còn nể nếp thượng hạ tôn ti phải trái đối với tư cách nhân vị nghi lễ một con người, không còn chủ trương hành động lương tâm để tròn đức trí, không còn gieo một niềm tin vào tha nhân vào sự vật để đủ đức tín của con người. Như thế, từ bi, bác ái, công bình, chánh trực, đại đồng, đó cũng chỉ là lớp sơn phủ kín bên ngoài đó thôi.*”³

Đó là xây dựng con người thánh đức theo Đạo học.

2. CON NGƯỜI THÁNH ĐỨC, THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI, ĐỨC QUAN THẾ ẨM DẠY GỒM HAI MẶT NỘI NGOẠI CÔNG

“*Con người muốn toại hưởng cõi thanh bình phải nhắm vào thực hành các điểm sau đây:*

1. Nội công tu tiến.
2. Ngoại công đức hạnh.

2. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chi Nam, Chương I, Tiết 4, Mục 5.

3. Trúc Lâm Thiền Điện. 07-4 Canh Tuất (11-5-1970).

3. Quá khứ tâm nên dứt bỏ.
4. Hiện tại tâm không có.
5. Vị lai tâm đừng vọng tưởng.

Đó là hạng tu tiến một quãng đường khá dài mới có thể thực hành được trọn vẹn.”⁴

3. PHƯƠNG PHÁP TU THÂN TRỞ THÀNH NGƯỜI THÁNH ĐỨC THEO KINH DỊCH

Theo Dịch học, Hệ Từ hạ, người quân tử tu thân bằng chín quẻ căn bản:

“Hệ Từ hạ chỉ ra chín quẻ mà người quân tử phải nghiên ngẫm để sửa đức, tức các quẻ:

– Lý (Thiên Trạch Lý) ☱☲, cái nền của đức, vì Lý là lễ, cung kính, thận trọng.

– Khiêm (Địa Sơn Khiêm) ☶☵, cái cán của đức, khiêm là khiêm tốn, tự hạ.

– Phục (Địa Lôi Phục) ☶☳, cái gốc của đức, vì phục là trở lại, khôi phục lại Thiên lý.

– Hằng (Lôi Phong Hằng) ☳☴, là cái bền vững của đức, vì hằng là giữ lòng cho bền, không thay đổi.

– Tổn (Sơn Trạch Tổn) ☶☱, là sự trau giồi đức, trau giồi bằng cách bớt lòng dục, bớt lòng giận.

– Ích (Phong Lôi Ích) ☳☶, là sự nảy nở đầy đủ của đức, ích có nghĩa là tăng tiến cái đức.

– Khốn (Trạch Thủy Khốn) ☱☵, là để nghiệm xem đức mình cao hay thấp, vì có gặp thời khốn, gặp nghịch cảnh mới biết mình giữ được đạo, được tư cách không.

4. Minh Lý Thánh Hội, 14-01 kỷ Dậu (02-3-1969).

- Tỉnh (Thủy Phong Tỉnh) ☵☱, là sự dày dặn của đức, tỉnh là giếng là nơi nước không cạn mà cũng không tràn, giúp ích cho đời, công dụng đầy khắp dày dặn.

- Tốn (Tốn Vi Phong) ☱☵, là sự chế ngự đức, để được thuận thực, linh hoạt, biết quyền biến.⁵

4. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI THÁNH ĐỨC THEO HỒNG PHẠM CỬU TRÙ

Lạc Thư đã giúp Đại Võ và Cơ tử lập ra Hồng Phạm Cửu Trù, một hiến chương dùng để trị quốc, an bang. Từ nguyên có ghi: Hồng Phạm Cửu Trù là phương pháp đại quy mô để cai trị thiên hạ.

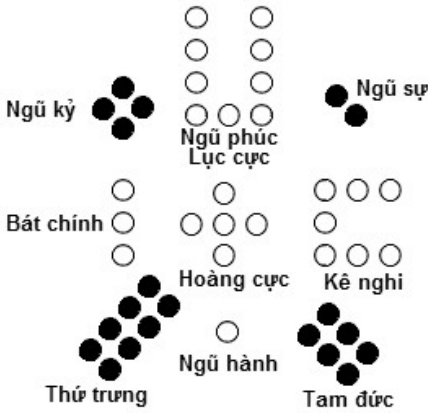
Điều kỳ diệu là từ ngàn xưa các bậc minh vương đã ứng dụng Nho tông để trị thế bằng cảm nang “Hồng Phạm Cửu Trù” (HPCT). Mà HPCT là kế sách an bang tế thế được diễn dịch ra từ Lạc Thư. Hơn nữa, HPCT lại định ngôi Trung ương là Hoàng Cực. Thế nên ngôi Hoàng Cực trong trời đất, trong con người, trong kế sách định an thiên hạ đều là Ngôi Trung; nên Hoàng Cực còn gọi là Hoàng Cực Đại Trung. (xem hình)

Chín Chương Hồng Phạm Cửu Trù

4. NGŨ KỶ	9. NGŨ PHÚC - LỤC CỰC	2. NGŨ SỰ
3. BÁT CHÍNH	5. HOÀNG CỰC	7. KÊ NGHI
8. THỨ TRUNG	1. NGŨ HÀNH	6. TAM ĐỨC

Hình vẽ dưới đây giúp ta hiểu rõ liên lạc giữa Lạc Thư và Hồng Phạm Cửu Trù:

5. Nguồn: “<http://maxreading.com/sach-hay/kinh-dich-dao-cua-nguoi-quan-tu/chuong-7-1494.html>.”



1. Ngũ hành: Âm tượng vật lý
2. Ngũ sự: Phương pháp tu thân
3. Bát chính: Phương pháp trị dân
4. Ngũ kỳ: Âm tượng lịch số
5. Hoàng Cực: Thay Trời trị dân (Ngôi Trung Hòa)
6. Tam đức: Chính trực, cương nhu
7. Kê nghi: Hội ý thần dân
8. Thứ trưng: Xem xét đường lối cai trị khi có điềm Trời
9. Ngũ phúc, Lục cực: Ảnh hưởng tốt xấu đến dân do tài cai trị của vua

Nền Đạo Học Chỉ Nam viết: “Hoàng Cực theo Cửu trụ dựa đồ Lạc Thơ, vạch thành một hiến chương quyền pháp, đặt sứ mạng cho họ⁶ chủ tể thay Trời trị dân. Bốn biển muốn thanh bình, phải dưới trên nhứt trí ở ngôi Trung, thì phúc lành được ban, chảy đến mười phương. Ôn Trời quyết ở nơi Hoàng Cực.

Hoàng Cực là trung tâm sự sống của thiên hạ, mẫu mực bảo vệ giá trị nhơn cách của vạn dân. Con người phối đồng thiên địa,

6. Các vì vua, các nhà cai trị.

nhau rún là đó, tánh mạng ở đó, thường phạt nơi đó, còn mất do đó, trị loạn tại đó: Mọi việc đều ở đó.

Hoàng Cực là tối cao. Đó là nền móng chung, của thông công trong tam Cực. Đó là trung tâm của một quốc gia để bảo đảm cuộc sống còn và đẩy bước nhưn sanh lên đàng chánh giáo, hoàn thành thể đạo nhưn tâm, hưởng cơ thịnh trị.”

TẠM KẾT

Xuân thiên nhiên mỗi năm trở về phô bày sức sống tiềm ẩn từ buổi đông thiên, cỏ cây nảy nở, hoa lá xanh tươi, chim bay én lượn; người người hân hoan, đó là sắc màu tình tiết của xuân theo chu kỳ năm tháng bốn mùa.

Xuân thánh đức là xuân của bản tâm đặc Nhất, Trung hòa, hội nhập vào cuộc sống thể nhân mà không vương bận ân oán thân thù của thể nhân. Đó là xuân miên viễn, không hạn cuộc bởi không thời hay buồn vui đặc thất.

Cái bản vị tối trọng phát sinh Xuân Thánh Đức, Đạo học gọi là “Ngôi Hoàng Cực.” Hoàng Cực chủ sử mọi hành vi, tình cảm đối nhân xử thế, quyết đoán mọi liên hệ hài hòa giữa xã hội, giữa người với người, nên còn gọi Hoàng Cực là Chủ Nhân Ông.

*Từ cá thể lập thành xã hội,
Xã hội thành các khối liên bang,
Chung tay xây đắp giang san,
Cái vui thiên hạ, mình an phận mình!
Đem vũ trụ làm tình mặc khái,
Lấy non sông làm đại gia đình,
Ngũ hồ, tứ hải đệ huynh,
Kho Trời vô tận, chính mình Phật Tiên!⁷ ■*

7. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương IV, Tiết 3, Mục 3.

đặc điểm của

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

■ HỒNG PHÚC

Sự ra đời của tôn giáo Cao Đài trong buổi Hạ ngươn là một sự kiện hy hữu chưa từng có trong lịch sử nhân loại, do bởi vì Giáo chủ sáng lập cũng chính là Đấng Tạo Hóa vô hình vô ảnh; và Ngài không chỉ mang đến cho con người những lời giáo huấn mang tính giáo điều tôn giáo mà còn lập nên một đại cuộc cứu độ, với sự tái lập mô hình tổ chức và vận hành của cả vũ trụ càn khôn mà từ xưa con người vẫn mong mỏi tìm hiểu khám phá. Có thể nói là Đức Thượng Đế đã mở toang cánh cửa huyền vi để con người thấy được chân lý mà quày bước trở về cho kịp với ngươn hội quy nguyên của chu kỳ vũ trụ. Chính vì vậy mà tôn giáo Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có những điểm đặc biệt so với các tôn giáo đã từng hiện hữu trong xã hội loài người.

THƯỢNG ĐẾ TRỰC TIẾP KHAI MINH VÀ LÀM GIÁO CHỦ ĐẠO CAO ĐÀI

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế khai mở trong kỷ nguyên tận độ có ý nghĩa vô cùng đặc biệt. Bởi vì Ngài trực tiếp nắm giữ chánh pháp, không phó thác việc lập giáo cho các sứ giả của Ngài như trong Nhứt và Nhị Kỳ phổ độ, thay mặt Ngài cứu rỗi nhân loại trong phạm vi lãnh thổ nào đó, với một giống dân nào đó. Ngày nay, thời mạt kiếp, Ngài giáng trần mở Đạo bằng phương pháp thông công qua trung gian đồng tử, để tránh cho tôn giáo sự lệ thuộc trong hình hài của một dân

tộc thuộc khối này hay khối kia để rồi sẽ lại đi vào vết xe tranh chấp, phân chia, kỳ thị như lời dạy của Đức Thượng Đế ngay những buổi đầu đến trần gian lập Đạo:

“... trước Thấy lại giao chánh-giáo cho tay phạm, càng ngày lại càng xa Thánh-giáo mà làm ra cuộc phạm-giáo. Thấy lấy làm đau đôn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân-loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A-Tỳ.

*Thấy nhứt định đến chính mình Thấy độ rồi các con, chẳng chịu giao chánh-giáo cho tay phạm nữa. Nhưng mà buộc phải lập chánh-thể, có lớn nhỏ đặng dễ thể cho các con diu-dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng-Đào.”*¹

Đức Di Lạc Thiên Tôn đã dạy:

*“Hỡi chư môn đồ! Thời mặt pháp, Đức Đại Từ Phụ không giao chánh pháp cho tay phạm. Tất cả những bộ óc lý trí khôn ngoan của loài người có thể làm rung chuyển hoàn cầu thế giới, có thể vượt khỏi không gian và theo dõi thời gian, nhưng chưa có thể nào xứng đáng để nắm được chánh pháp của Đức Chí Tôn hầu cứu rỗi muôn loài. Chính mình Thượng Đế Chí Tôn giá lâm tại cõi hồng trần để giáo Đạo, thử hỏi còn đại phúc nào bằng trong kỳ đại ân xá ở trần gian.”*²

DỪNG CƠ BÚT LÀM PHƯƠNG TIỆN LẬP GIÁO VÀ DẠY ĐẠO

Đức Chí Tôn lâm phạm mở Đạo trong cơ phổ độ Kỳ Ba, nhưng Ngài là Đấng Vô hình, Ngài không thể trực tiếp dạy Đạo như các vị Giáo Tổ thời xưa, nên phải nhờ phương tiện cơ bút, tức qua trung gian đồng tử để ban truyền những lời Thánh giáo

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 24 Avril 1926.

2. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiển Điện, 18-7 Canh Tuất (18-8-1970).

với những điều kiện căn bản mà Ngài đã dạy ngay từ khi mới khai Đạo:

“Thủ cơ hay là chấp bút phải để cho thân, tâm, tịnh mới xuất Chơn Thân ra khỏi phách, đặng đến hầu Thầy nghe dạy. Khi chấp thủ thì tay tuân theo Chơn Thân nói lại mà viết ra, dường tượng như con đặt để, con hiểu đặng vậy...”

Kẻ phò cơ chấp bút cũng như Tướng Soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường... Vậy khi nào chấp cơ phải đợi lệnh Thầy rồi sẽ thi hành.”³

Cơ bút là một đặc điểm trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà nhiều người cho rằng ngày nào đạo Cao Đài còn là cơ bút còn. Tuy nhiên, Đức Chí Tôn cũng đã từng khẳng định:

“Trao cho các con món cơ bút, khác nào trao cho vạn loại một con dao rất bén! Nếu chúng sanh biết là một lợi khí thì sẽ giành giựt nhau cũng chết, còn chúng sanh cho đó là một vật vô dụng cũng sẽ lăm mà đứt tay. Bởi thế bao giờ Thầy cũng nắm chắc phần lưỡi, nào dám trao trọn quyền cho các con... Thầy có tiên tri rằng: “Sau một thời gian truyền Đạo nơi ấy, Thầy sẽ bế cơ.”⁴

TỔ CHỨC HỘI THÁNH

Về tổng thể, nền tổ chức của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức

Thượng Đế xây dựng theo một cấu trúc – được gọi là Tam Đài – bao gồm ba hệ thống tổ chức: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, và Cửu Trùng Đài, theo quy luật cấu tạo vũ trụ và con người gồm đủ

3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 03 Janvier 1926.

4. Đức Chí Tôn, Thánh Truyền Trung Hưng 1, trang 188, đàn ngày 25-12 Mậu Dần (1939).

Tinh (Cửu Trùng Đài), Khí (Hiệp Thiên Đài), Thần (Bát Quái Đài) được các Đấng Thiêng Liêng gọi là “*Thánh Thể của Đức Chí Tôn*”:

*“Thánh Thể của Đức Chí Tôn gồm có ba phần: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Ba đài hiệp thành một Thánh Thể chung. Thánh Thể hữu hình tượng trưng cho guồng máy Đại Đạo xoay vần trong Càn Khôn thế giới. Vì nếu hầu hết con người thế gian đều chấp nhận cái hình thức Thánh thể ấy để đạt được cái lý siêu nhiên của Trời, của Đạo, gìn giữ được những báu vật cố hữu của con người muôn thuở, thì Càn Khôn sẽ được an tịnh, thế giới sẽ được an ninh, phong hòa vô thuận, thế giới an khương.”*⁵

TÂN PHÁP CAO ĐÀI

Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong buổi Hạ ngươn mặt pháp, là thời kỳ cuối của một chu trình vũ trụ, nhằm mục đích cứu độ con người, dẫn đưa con người trở về điểm xuất phát cội nguồn. Mà điểm xuất phát đó chính ở nơi cõi thượng thiên hằng sống vô sanh vô diệt, hay nói theo giáo lý Đại Đạo là khối Đại Linh Quang Thái Cực, là khởi thủy của vũ trụ vạn vật.

Nói rõ hơn, Đức Thượng Đế lập ra một nền tôn giáo mới không chỉ để lập lại những giáo điều dạy con người làm lành lánh dữ mà Ngài còn dứt khoát khẳng định một đường lối tu hành để: một là tìm thấy nẻo sinh tồn trở về ngôi vị thiêng liêng; hai là phải chịu lâm vòng tận diệt, vì con người không còn cơ hội chọn lựa nữa. Chính vì vậy mà Đức Chí Tôn xác nhận tôn giáo Cao Đài là một thực thể Đạo cứu thế, tức phải có một phương cách hữu hiệu khả dĩ giúp người tín đồ đạt được sự cứu rỗi cả hai

5. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Trúc Lâm Thiển Điện, 18-7 Canh Tuất (18-8-1970).

mặt tâm linh và nhân sinh. Ngài đã ban trao Tân pháp Cao Đài như một bầu pháp cho con người:

*“Tân Pháp Cao Đài là pháp môn Đại Ân Xá, là nấc thang cuối cùng trong kỳ mật pháp để cứu nhân sanh. Người biết giác ngộ nhập cảnh vô vi sẽ được siêu thoát, kẻ biết hồi đầu hướng thiện chuồng duyên lành vào đời thánh đức khỏi đọa tam đồ hay tán khỏi trần sau Hội Long Hoa.”*⁶

Tân pháp Cao Đài hay “Pháp môn Đại Ân Xá” chính là pháp môn Tam công gồm ba công: Công quả, Công trình và Công phu, là lối tu vừa sửa đổi bản thân, tánh tình theo Tiên Thánh, vừa giúp đời, làm ích lợi cho đời, cho người khác, và cũng vừa thiên định để thân xác mạnh khỏe theo phép dưỡng sinh đồng thời tâm hồn thanh tịnh hòa hợp được với Trời Đất, để giải thoát khỏi những ràng buộc của cõi đời danh lợi vật chất.

LÀ NƠI HỘI TỤ CỦA NHỮNG CON NGƯỜI MUÔN THUỞ MUÔN PHƯƠNG

Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, không chỉ một mình Ngài lâm trần mà tất cả chư Phật Tiên Thánh Thần đều cùng theo Ngài đồng hành sứ mạng độ rỗi chúng sanh. Đây là một sự kiện hi hữu chưa từng có trong lịch sử loài người nói chung, lịch sử tôn giáo nói riêng. Như vậy có thể nói, kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ là thời điểm gặp gỡ hội tụ của những Con Người Muôn Thuở Muôn Phương để cùng thực hiện sứ mạng dẫn dắt con người bước sang đời Thượng non Thiên đức sau khi bước qua một cuộc sàng sảy vĩ đại gọi là Đại Hội Long Hoa.

Con Người Muôn Thuở Muôn Phương là một khái niệm đặc

6. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

biệt trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mặc dù Thánh ngôn Thánh giáo Cao Đài không đề cập đến khái niệm này một cách trực tiếp, nhưng có thể nói, qua hình thức lập giáo, qua phương cách dạy Đạo của các Đấng Thiêng Liêng từ cõi vô hình, qua con đường tu hành học Đạo mà Đức Cao Đài đã vạch ra, và nhất là qua tôn chỉ và mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ý nghĩa của phạm trù “Con Người Muôn Thuở Muôn Phương” được biết đến không chỉ nhằm minh định sự hằng hữu của các vị Giáo tổ đã từng chứng quả vô sanh độ đời từ mấy ngàn năm trước, mà còn xác quyết sự bất tử linh hồn của những bậc “siêu xuất thế gian” mà tuổi tên đã từng lưu truyền hậu thế như là những bậc vĩ nhân trên đường thế đạo.

Con Người Muôn Thuở Muôn Phương là những con người mà linh hồn đã được bước vào cõi siêu xuất thế gian, huyền đồng cùng Trời Đất, không còn bị lệ thuộc bởi không gian và thời gian, có đủ quyền năng hành đạo giúp đời, độ dẫn chúng sanh. Nói một cách dễ hiểu, đó là những con người đã đắc các quả vị Thần Thánh Tiên Phật và đã theo Đức Đại Từ Phụ giáng trần giúp Thầy tận độ quần linh, như đã từng cầm đuốc soi đường trong lịch sử nhân loại.

THỂ HIỆN MỘT SỰ HỢP TÁC GIỮA TRỜI VÀ NGƯỜI

Từ xưa, con người đã nhìn nhận giữa Trời và người có một dây liên lạc mật thiết trong việc điều hòa trật tự của thế giới nhân loài, con người mặc nhiên nhìn nhận Trời là Đấng tạo ra muôn loài và nắm quyền tối hậu trong việc điều hòa ổn định cuộc sống con người nơi cõi thế gian. Tuy nhiên, vì Trời vô hình, không thể trực tiếp cai quản xã hội loài người nên Trời đã giao cho các bậc nguyên nhân xuống trần thay Trời hành xử mọi việc.

Việc khai sáng các tôn giáo cũng nằm trong ý niệm này, các vị Giáo tổ trong lớp áo con người cũng phải trải qua quá trình rèn luyện tâm linh để thông công cùng Thượng Đế, đón nhận sự mạc khải từ Thượng Đế mở đạo nơi chốn thế gian để hướng dẫn con người tìm về chân lý. Đó cũng chính là nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất trong vũ trụ.

Đặc biệt, đến Tam Kỳ Phổ Độ, nguyên lý này rõ nét hơn, cho thấy vai trò con người còn quan trọng hơn nữa qua việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với việc Thượng Đế ban trao sứ mạng tận độ cho con người. Điều đáng nói là chính Ngài đã lâm phạm trực tiếp dạy Đạo và công đồng chư Phật Tiên Thánh Thần cùng đồng chung sứ mạng với con người như lời dạy của Đức Cao Triều Tiên bồi:

“Một sứ mạng chia hai đoàn người u hiển sắc không, các em đã hiểu rồi, đã biết rồi, hữu hình mới phục vụ cho hữu hình, vô vi là tác năng của tiềm lực trí tuệ. Có hữu không vô vi như có hình vật mà không có cơ năng linh hoạt, có vô mà không hữu khác nào bốc gió chốn hư không, xây lâu đài trong mộng ảo, bởi vì rễ có sâu thì gốc mới vững, cây có tàn lớn thì hoa trái mới sum sê.”

Đây chính là điểm khác với Nhất và Nhị kỳ Phổ độ. Trời và người hợp tác để giải quyết những vấn đề to lớn của Đạo trên tinh thần Thiên Nhân hiệp nhất. Trời thì chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc; còn người thì thực hành cơ phổ độ theo đường lối Thiêng Liêng đã vạch sẵn. Điều này đã làm nổi bật thêm vị thế của con người trong vũ trụ với ân phước Đức Chí Tôn ban cho, con người được thêm vai trò, nhiệm vụ cùng Trời song hành sứ

7. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

mạng thiêng liêng là cứu độ chúng sanh thoát vòng tận diệt của thời mạt pháp.

GIỮA NGƯỜI VÀ NGƯỜI

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ hướng về sự cứu rỗi tâm linh con người mà còn đặt trọng tâm vào việc xây dựng một xã hội đại đồng hạnh phúc, an lạc; và chắc chắn rằng xã hội đại đồng chỉ đạt được khi có sự cộng tác tích cực giữa người với người mà con người đóng vai chủ động; đó là một xã hội “*không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ, tạo cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian.*”⁸

Vấn đề xung đột, chia rẽ, tranh chấp, hận thù trong cộng đồng loài người chỉ được giải quyết khi nào con người chịu nhìn nhận nhân loại trên quả đất này đều cùng một nguồn gốc Thượng Đế, tức là anh em cùng một Đấng Cha Trời, để có một cái nhìn chung, dù người văn minh hay người chậm tiến đều cùng có một giá trị nhân bản ngang nhau, đều có thể tiến hóa như nhau. Tất cả đều có sứ mạng góp phần vào việc xây dựng một xã hội đại đồng trong tinh thần hòa hiệp, tương thân, tương ái, chia sẻ cho nhau những thành quả chung của nhân loại.

Với ý nghĩa đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chủ trương con đường tu hành nhập thế, góp phần vào trong xã hội nhân sinh để làm tròn vai trò của một con dân trong đất nước: “... người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác. (...) Đừng bao giờ có ý nghĩ này: vào đạo để độc thiện kỳ thân, đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung Tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện

8. Đức Cao Triều Phát, CQPTGL, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

nội ngoại công phu để làm tướng Trời dẹp loạn. Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi, cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có ý nghĩa gì hết.”⁹

Cao Đài khai phóng con người, dùng thể Thiên Nhân Hiệp Nhất vận dụng con người cho công cuộc kiến tạo đời thánh đức. Thượng Đế trao cho con người giác ngộ sứ mạng phụng sự kỷ nguyên đại đồng thánh đức, góp phần vào đại cuộc cứu độ quần sinh, tức là con người đã được Đức Thượng Đế ban trao sứ mạng để bước vào hàng Thiên ân Sứ mạng, thấy chính mình là Đạo, Đạo là mình; người ấy biết ý thức hiệp nhân lực với Thiên cơ để vận hành công cuộc tiến hoá không ngơi nghỉ. Đối với vũ trụ, đó là người huyền đồng cùng tạo vật. Đối với thế gian, đó là người có thể làm cho thù thành bạn, ghét trở nên thương, là người xem mình là mọi người, mọi người là mình, để cùng nhau kiến tạo một xã hội đại đồng Thánh đức.

GIỮA CÁC TÔN GIÁO

Sự mâu thuẫn, xung đột trầm trọng trong xã hội loài người còn phát sinh từ một nguyên nhân khác, là sự tranh chấp, kỳ thị về mặt tín ngưỡng. Con người đã quên rằng *“Tôn giáo chỉ là con thuyền đưa khách mà Đạo là bến đỗ. Tất cả con thuyền đều xuôi về bến đỗ”* hay *“Tôn giáo là chiếc xe hỏa mà người hành đạo phải biết rằng mình là hành khách.”*¹⁰

Tôn giáo có mặt cùng với con người nhằm để dạy cho con người những bài học đạo lý để con người chuẩn hóa bản thân, trở nên sáng suốt chí thiện chí mỹ, đưa tâm linh thăng hoa đến chỗ cao

9. Đức Quan Thánh Đế Quân, Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

10. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

thượng hòa nhĩp cùng thiên lý, góp phần xây dựng cho loài người một cuộc sống an lạc hạnh phúc trong đức háo sanh của tạo hóa.

Tôn chỉ “*Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi phục nhứt*” của tôn giáo Cao Đài chính là tiếng chuông để nhắc nhân loại rằng: các tôn giáo ra đời trong nhiều thời kỳ khác nhau nhưng tựu trung cũng đều phát sinh từ một nguồn cội, cùng hướng về một cứu cánh: “*Thượng Đế đã cho các vị Giáo chủ đến trần gian, chơn linh nhập vào thể xác của giống người thế gian, đem nguồn giáo lý chân chính để hướng dẫn người đời biết cách đối xử ăn ở với nhau cho thuận lẽ đạo đức là hạp lòng Trời. Từ đó, mỗi một giai đoạn đều có một tôn giáo phát sinh để hướng dẫn người đời tùy theo trình độ tiến hóa của họ mà dẫn dắt họ lần lần trên đường đạo lý. Tuy nhiên, ánh sáng thái dương không thể soi vào chậu úp. Đạo giáo cũng trong định luật đó. Vì vậy có còn những lớp nhân sanh không may mắn được thọ nhận chơn truyền, do đó nầy sanh tình trạng không đồng đều về sự tín ngưỡng.*”¹¹

Tôn chỉ “*Tam giáo quy nguyên*” chính là một sự mời gọi các tôn giáo ngồi lại với nhau, cùng thể hiện tinh thần cộng tác hòa hiệp để xã hội tôn giáo không còn phải khổ đau chứng kiến những cuộc Thánh chiến triền miên kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bởi vì: “*Phân biệt trên hình thức tôn giáo, phân biệt trên giáo điều, không phải là ngăn cản sự bắt tay cộng tác giữa các tôn giáo. Điều thực sự quan yếu là người tôn giáo phải cương quyết chung hòa cùng nhau trên viễn đồ phục vụ tâm linh và hướng đạo quần sanh.*”¹²

11. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý, 29–7 nhuận Mậu Thân (21–9–1968).

12. Đức Lê Đại Tiên, Nam Thành Thánh Thất, 14–02 Kỷ Dậu (31–3–1969).

ĐẠI ÂN XÁ KỶ BA

Điểm đặc biệt nhất trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Thượng Đế với đức háo sanh vô lượng đã mở ra một thời kỳ Đại Ân Xá cho toàn thể chúng sanh trên quả địa cầu này trong buổi hoàng hôn nhân loại như lời Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

*“Kỳ hạ ngưng mạt kiếp là kỳ đại ân xá.”*¹³

Hay sự xác nhận của Đức An Hòa Thánh Nữ:

*“Tam Kỳ Phổ Độ là thời kỳ đại ân xá.”*¹⁴

Thánh giáo Cao Đài cho biết:

*“Tam ngưng mới có một lần đại ân xá.”*¹⁵

Như vậy, Đại ân xá chỉ diễn ra một lần duy nhất vào Hạ ngưng Mạt kiếp. Vì vậy, đây là một cơ hội quý báu mà bất kỳ ai muốn thoát khỏi ngục tù của luân hồi sinh tử đều phải nắm bắt lấy để tu, *“nếu không, phải trải qua biết bao ngàn kiếp nữa mới đến kỳ đại ân xá, lập đời thượng ngưng”*¹⁶ của đại chu trình kế tiếp trong Càn Khôn vũ trụ.

Đại ân xá có tác dụng vô cùng to lớn đối với việc tiến hóa của vạn loại trong Càn Khôn vũ trụ. Đối với nhân loại, tác dụng đó mang tính chất quyết định đến sự tồn tại của mỗi cá nhân:

“Sanh đặng kiếp làm người mà không tiến hóa được, ắt phải chịu thoái hóa, chịu kiếp trầm luân, thay hình đổi xác: đá giác phi mao; chừng đó, nếu muốn tu để tiến lên lại kiếp làm người là một

13. Huần Cung Đàn, 09-02 Tân Sửu (25-3-1961).

14. Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 14-5 Đinh Mùi (21-6-1967).

15. Đức Đông Phương Chương Quân, Thiên Lý Đàn, 15-5 nhuận Tân Hợi (07-7-1971).

16. Đức Đông Phương Chương Quân, Thiên Lý Đàn, 23-6 Canh Tuất (25-7-1970).

*việc khó khăn. Phải muôn ngàn kiếp mới có một kỳ đại ân xá, là mỗi lần sàng lọc thanh lọc để sắp xếp lại một thế giới thánh thiện cho những chơn linh giác ngộ và đào thải cặn bã vào lớp khôitrần hay vào phi cầm tấu thú.*¹⁷

Ngày tái tạo dinh hoàn cũng là ngày sàng lọc hết cặn bã trong cuộc tuần hoàn sau Hội Long Hoa. Để được bước lên cuộc đời mới, Đức Quan Âm đã dạy rằng: “*Bao nhiêu căn duyên nghiệp quả đều phải trả xong mới hưởng được buổi lập đời Thượng người Thánh đức.*”¹⁸ Nhưng nếu phải thi hành đúng luật nhân quả như vậy thì chắc trong nhân loại sẽ không có được bao nhiêu người có khả năng thanh toán sòng phẳng các món nợ do chính mình tạo ra. Đức Chí Tôn đã từng nhận xét rằng: Làm lành suốt đời vẫn không đủ, còn làm tội một phút thì tội có dư.

Trong Kỳ Ba Phổ Độ, các hệ số đại ân xá đã được Đức Thượng Đế Chí Tôn ban hành để tăng công giảm tội cho nhân loại. Hệ số tăng công và giảm tội này được áp dụng trong suốt cuộc đời tu hành của mỗi môn đồ của Đức Chí Tôn, và cũng sẽ được sử dụng trong giai đoạn đại đồng phán đoán, tức “ngày phán xét cuối cùng” của Long Hoa Đại Hội, để định công và tội của mỗi chơn linh.

Đức Đông Phương Chương Quán tiết lộ:

*“Thời đại ân xá, ai tu cũng có thể được đắc quả. Một việc làm thiện dẫu nhỏ nhen đến mấy đi nữa cũng vẫn là việc thiện và được ghi ở hệ số 3. Trái lại, việc ác dẫu cho nhỏ đến thế mấy đi chăng nữa cũng vẫn là việc ác.”*¹⁹

17. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 17-6 Đinh Tỵ (31-7-1977).

18. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh Giáo Sứ Tập 1968-1969, tr.110.

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).

Tóm lại, trong Kỳ Ba Đại Ân Xá, ai thức tỉnh tu hành sẽ nhận được sự giúp sức từ tha lực, với sự hộ trì thần lực của các Đấng Thiêng Liêng trên nguyên tắc Thiên nhân hiệp nhất. Ân điển của Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng sẽ chan rưới cho toàn thể vạn linh trong cả Càn Khôn vũ trụ trong suốt thời kỳ Đại ân xá.

KẾT LUẬN

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một thực thể Đạo Cứu Thế như ý nghĩa của danh xưng, là dụng chánh pháp Đại Đạo để tận độ chúng sanh khắp trong các cõi ở thời kỳ hạ nguơn mặt kiếp này. Đó cũng là một bước chuẩn bị để lập đời Thượng nguơn Thánh Đức. Vì đây là một bước ngoặt lịch sử thay đổi cuộc diện nhân loại nói riêng và cả vũ trụ vạn vật nói chung nên chính Đức Thượng Đế đã lâm phạm khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và chủ trì công cuộc tận độ vĩ đại đó.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã khẳng định:

*“Tam Kỳ Phổ Độ là một giai đoạn quan trọng trên lịch sử diễn tiến của nhân loại trong kỳ Hạ Nguơn. Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại, vì được diễm phúc hồng ân lớn lao duy nhất: Thượng Đế giáng trần lập đạo, cứu độ và tận độ nhân loại.”*²⁰

Người tín đồ Cao Đài khi đã quyết tâm nhập môn tu theo đạo Cao Đài là đã được bước vào cơ Đại ân xá của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với những đặc điểm cho thấy rằng Cao Đài không chỉ là một tôn giáo trong ý nghĩa hạn hẹp của thế nhân từ xưa đến nay, mà còn là một thực thể cứu độ nhân loại chưa

20. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–8 Bính Dần (14–9–1986).

từng hiện hữu trong lịch sử loài người. Hồng ân có một không hai đó của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ đã được ban trao cho con người giữa thời mạt pháp để làm hành trang quay về nơi cõi vô sanh bất diệt, thoát khỏi biển luân hồi sanh tử mà con người đã phải ngập lặn triền miên không lối thoát từ vô lượng kiếp đến nay, để cứ mãi xuống lên nơi chốn trần ai trong vòng tứ khổ. Điều còn lại là con người có sáng suốt để nhận biết, có nhứt tâm để đón nhận, có quyết chí để tự cứu mình hay không mà thôi?!

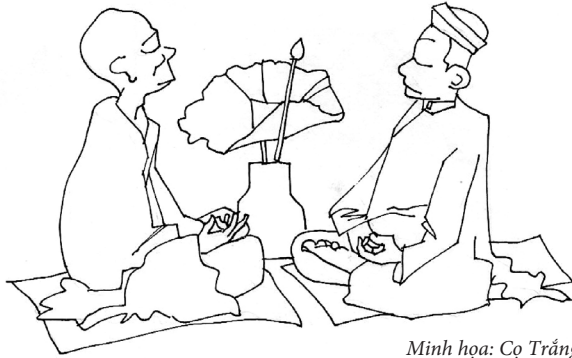
Mỗi người sẽ có câu trả lời cho chính mình.■

Thánh Giáo: Ngũ Chi Đại Đạo

(TIẾP THEO TRANG 11)

Chung sức nhau chèo thuyền Đại Đạo,
Dù cam go tấn tảo đừng than,
Lý chơn dậm thẳng một đàng,
Ngày thành Đại Đạo Thiên Hoàng điểm công.
Giờ nhật thúc dạn lòng môn đệ,
Ráng nhứt tâm đừng để trễ kỳ,
Đại đồng thống nhứt cùng đi,
Đi cho đúng nhịp một khi đắc thành.
Giờ nay, Bốn Sư giáng đàn ban ơn phước cho mỗi môn đồ
lưỡng phái, cùng chứng tâm thành nguyện của các môn đồ.
Các môn đồ khá thành tâm tiếp lệnh, Bốn Sư chào chung.
Thăng.■

MÙA TU XUÂN PHÂN



■ HUỆ CHƠN

Minh họa: Cọ Tráng.

Bước vào khóa tu Xuân Phân, cũng như những khóa tu khác, tịnh sĩ có dịp dừng lại thế sự để ôn đi, nhắc lại những việc của mình sẽ làm và phải làm trong khóa tu để chuẩn bị tinh thần cho những ngày sắp tới thì khóa tu mới có kết quả.

ĐẶC TÍNH CỦA TIẾT XUÂN PHÂN RA SAO?

Xuân Phân là lúc mà Dương khí của vũ trụ đang trên đà sung mãn.

Xuân Phân ứng vào quẻ **LÔI THIÊN ĐẠI TRẮNG**. Có 4 hào Dương bên trong và 2 hào Âm bên ngoài.



Thời tiết vô hình cho nên phải mượn hình tượng quẻ Đại Tráng để nói lên sức sống đó. Quẻ **ĐẠI TRẮNG** gồm có 2 quẻ đơn là Chấn và Kiến.



CHẤN là LÔI, là tiếng sấm nổ, KIÊN là Trời. LÔI THIÊN là tiếng sấm nổ của Trời. ĐẠI TRĂNG là biểu tượng sức mạnh của Trời Đất trong lúc này.

TIẾT XUÂN PHÂN ẢNH HƯỞNG VẠN VẬT RA SAO?

Xuân phân là giữa mùa Xuân, là mùa sanh hóa, vạn vật trên đà sanh sôi nảy nở sung mãn.

TIẾT XUÂN PHÂN CÓ LIÊN HỆ GÌ VỚI ĐẠO PHÁP?

Như trên đã nói, XUÂN là mùa sanh hóa, vạn vật trong đó có con người, trên đà sanh sôi nảy nở sung mãn. XUÂN thuộc MỘC, nơi thân người là tạng CAN. Mùa này CAN thịnh. CAN chứa HỒN, tánh nó thuộc Mộc là NHƠN ÁI. Do đó, khóa tu Xuân phân có công năng là bồi dưỡng THẦN HỒN cho vững, bồi dưỡng lòng NHƠN ÁI cho ngày thêm tròn đầy.

THỰC HÀNH ĐẠO PHÁP CÁCH NÀO CHO HỮU ÍCH?

Ôn Trên đã dạy:

“Đạo pháp ở trong thân, ngoài thân không có đạo pháp”.

- Đạo Pháp là phép tắc của ĐẠO.
- Phép tắc của ĐẠO lấy Âm Dương, Ngũ Hành mà sanh hóa, trưởng dưỡng và bảo tồn muôn vật.
- Phép tắc nơi người thì cũng lấy Âm Dương Ngũ Hành
 - Âm Dương nơi người là Hồn Xác, Thân Tâm, Thần Khí, Tánh Mạng.
 - Ngũ Hành nơi người là Ngũ Tạng Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận.

Vậy thì thực hành Đạo pháp là cái phép tắc làm cho tốt đẹp sung mãn cả hai phương diện Hồn Xác, Thân Tâm, Thần Khí Và Tánh Mạng và cho cả Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận.

Do đó mới nói Đạo Pháp ở trong Thân, ngoài Thân không có Đạo Pháp.

Nhưng vì tâm lý của thể nhân thường thường là muốn thụ hưởng mà không muốn chịu nhọc, cho nên Ôn Trên mới nói *Luyện Kỹ Tối Nan, Hoàn Đan Thận Dị*.

- Bảo chịu nhọc thì rất khó.
- Bảo thụ hưởng thì rất dễ.

Mà chịu nhọc tức là luyện kỹ đó. Nếu không luyện kỹ thì lấy chi mà huờn đơn, nếu không chịu nhọc thì lấy chi mà thụ hưởng.

Cái chứng bệnh của thể nhân thì như thế đó, thậm chí cho đến hàng hành giả ngồi thiền tu tịnh mà cũng không thiếu chi người vẫn còn vương mang chứng bệnh đó.

- Người ta ai ai cũng thích mình có một thân hình cân đối nở nang, quắc thước, hồng hào, thể mà lại không đủ kiên nhẫn làm những điều giúp cho thân được như vậy.

- Người ta ai ai cũng thích cho mình có một tấm thân lạnh mạnh, thể mà lại không siêng làm những phương cách giúp cho mình lạnh mạnh.

- Người ta ai ai cũng oán ghét bệnh hoạn, thể mà lại cứ gây ra mầm bệnh hoạn.

- Người ta ai ai cũng thích trường thọ, thể mà lại hay làm những điều khiến cho mình chết yếu.

- Người ta ai ai cũng sợ chết, thể mà lại thường làm những điều khiến cho mình dễ chết.

- Người ta ai ai cũng sợ chứng bệnh áp huyết cao thể mà cứ nuôi

dưỡng tánh hẹp hòi chấp nhứt, từ đó sanh ra giận hờn, phiền não, buồn bực, tức tối để làm tăng chứng áp huyết cao.

– Người ta ai ai cũng thích cho mình có diện mạo nhưn từ, phúc hậu, tiên phong đạo cốt, thế mà lại không muốn tu sửa tâm địa, tánh tình nết na, đức hạnh của mình cho có chất nhưn từ phúc hậu đó.

Xuyên qua bảy chứng bệnh vừa kể trên, là những chứng bệnh rất phổ quát mà người đời cũng như người đạo đều thường mắc phải. Vì thế mà các Đấng Thiêng Liêng, các bậc Tiên nhân đắc Đạo mới bày ra các phương cách tu thiền để ngăn ngừa hoặc để chữa trị những chứng bệnh đó.

Như vậy thì, tu thiền là phương thuốc thần để chữa trị các chứng bệnh về thân và về tâm của con người. Vậy dựa vào đó chúng ta có thể tuân tữ thiết lập cách thực hành chữa trị hoặc ngăn ngừa các chứng bệnh đó như sau:

– Muốn có một thân hình cân đối nở nang, quắc thước, hồng hào, muốn có được một tấm thân lành mạnh, muốn không sanh bệnh hoạn, hoặc ít sanh bệnh hoạn, thì chúng ta phải siêng năng tu tập các pháp Cấm Đoạn, phép Nội Công Hấp Khí và tập thể dục mỗi ngày ít nhất một lần vào buổi sáng sớm tinh sương.

– Kế đó, đừng ăn không ngồi rồi mà cho là nhàn hạ, mà phải vận động tay chân, làm việc cho gia sự, cho đạo sự hoặc cho các thiện sự để huyết mạch lưu thông. Đồng thời hãy mở lòng đại lượng, bao dung, hằng tạo niềm vui lành phần khởi trong lòng. Tuyệt đối tránh phiền não, giận hờn, bực bội, ganh tị.

– Muốn được sống lâu tăng tuổi thọ thì phải làm những việc ích nhưn lợi vật, nhứt là đừng sát hại sự sống của loài vật.

– Muốn ngăn ngừa chứng bệnh áp huyết cao hoặc tự chữa trị chứng bệnh này, thì nội tâm phải tuyệt đối đừng để bị xúc động

vì buồn, ghen, giận, ghét, lo âu oán hận, v.v. mà luôn luôn phải tạo niềm hân hoan lạc thiện, phấn khởi vui tươi để tạo điều kiện tốt cho những hạch nội tuyến hoạt động đúng với chức năng của nó.

– Muốn cho mình được diện mạo hiền từ, phúc hậu, tiên phong đạo cốt, thì phải nghĩ cho thật, nói cho thật, hành cho thật và tu cho thật, bởi vì:

Bên trong đức hạnh có tu,

Bên ngoài đức ấy từ từ hiện ra.

Vậy, nguyên tắc tu tịnh, tu thiện là thân tâm hướng nội vào tâm gọi là hồi quang phản chiếu, hay nội quán kỳ tâm. Phải quán cho đúng việc, đúng chỗ, đúng lúc, thì đó là chánh niệm. Ngược lại, nếu quán không đúng việc, không đúng chỗ, không đúng lúc thì gọi là vọng niệm, là tà niệm. Nếu để THÂN giông ruổi nổi trôi, bỏ xác ngồi đó không hồn, thì đó là tạp niệm. Bằng ngược lại, không niệm, không quán, hay hôn trầm, thì thân hành giả lúc đó chỉ là cây khô, là đất đá.

Ngoài ra, về phương diện thực hành, mùa tu Xuân phân này chúng ta cần phải chú ý bồi dưỡng ba phần sau đây, đó là Súc lực, Tâm lực, Thần lực.

– Về súc lực thì phải siêng năng thực hành đạo pháp để bồi bổ tạng Tâm và tạng Can. Nên đi ngủ sớm và thức dậy sớm để thu liễm Thần Khí. Mùa này Can vượng, Tỳ suy, do đó nên ăn ít ít chất chua, thêm chất ngọt, thêm một ít cay để bổ gan trợ thận. Các thức ăn mà chọn được màu xanh và màu vàng thì càng tốt. Nên siêng năng vận động thân thể cho huyết mạch và thần khí lưu thông. Đó là phương thuốc trường sanh mà khỏi tốn tiền. Nên lưu ý là đừng ai cho rằng có nhiều tiền của rồi ăn ở không, chẳng hoạt động chi cả mà cho đó là nhân

hạ, thật ra, làm như vậy đó là tự mình chuốc lấy tai họa đem bệnh vào thân.

– Về tâm lực thì nên dành thì giờ đọc tài liệu Đạo pháp, Thánh ngôn, Thánh giáo để bồi dưỡng đức tin và gia tăng tâm đạo.

– Về thần lực thì hãy thường thâm nhập vào một chủ điểm bên trong và hằng quán tưởng tốt cho chủ điểm đó, chớ dùng để cho thần phân tán vào thiên hạ sự. Mỗi một động tác hành pháp hoặc tập thể dục phải để thần tham dự vào đó thì mới có ý nghĩa và giá trị của nó.

KẾT LUẬN

Mùa Xuân phân cần ghi nhớ và thực hành hai chủ điểm như sau:

Hãy siêng năng công phu tu tập, thâm Thần vào trong, mỗi động tác hành pháp đều phải chú THẦN vào đó hằng tưởng tốt cho Can, Tỳ.

Tâm hồn luôn luôn ở trạng thái thanh thần từ ái, thông dong, tự tại. Hằng tạo nguồn lạc thiện phấn khởi bên trong để giúp cho nội tạng, nội tuyến hoạt động đúng với chức năng sinh tồn của chúng.

Và cũng nên nhớ rằng nếu để một chút gì gọi là phiền não, giận hờn, bực bội, oán ghét xen vào v.v. thì chẳng khác nào nổi lửa thiêu đốt cả rừng công đức, cả công trình tu tập, thậm chí cả mạng sống của mình nữa!

Lòng mà thanh thần luôn luôn,

Ôn Trời, Đạo pháp như tuôn suối tràn.

Đừng phân tu thấp, tu cao,

Đừng phân tu trước, tu sau tháng ngày.

Mà nên ghi chú điều này,

TÂM BÌNH, HẠNH TRỰC, MINH đây thế nào?■

(NGÀY 06-3-1990 NHẪM NGÀY MỪNG 10-02 CANH NGỌ).

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN và luật cảm ứng

■ XUÂN MAI

Vào Tuất thời ngày Rằm tháng 2 năm Đinh Tỵ (03-4-1977) tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, nhân ngày kỷ niệm Đức Thái Thượng Lão Quân, Đức Mẹ đã lâm phạm giảng dạy:

“(...)

Các con ôi! Hôm nay, các con cử hành lễ kỷ niệm Thái Thượng Lão Quân, nhưng con đã học được gì và thực hành được gì tinh hoa của Thái Thượng Lão Quân vào đời sống nhưn sanh và tâm linh của các con? Không để các con do dự trả lời biện bạch, Mẹ nói mau cho các con biết: Một trong những tinh ba của Thái Thượng Lão Quân hay Lão Tử, đó là Luật Cảm Ứng. Chỉ hai chữ Cảm Ứng này thôi, nhưng nó không phải giản dị như các con hằng tưởng, hằng định nghĩa và hằng giảng dạy cho huynh đệ tỷ muội các con thường nghe trong các buổi giảng. Các con hằng định nghĩa rằng: hễ mình có cảm cùng Trời, cùng thần minh, thì thần minh sẽ ứng lại, chỉ giản dị trong phạm vi cầu nguyện hoặc tham thiền tịnh định thế thôi.

Vậy để đánh dấu trung thực và xác đáng đầy đủ ý nghĩa của ngày lễ này, Mẹ dạy các con hiểu nghĩa thêm về hai chữ Cảm Ứng, nói đúng hơn đó là luật Cảm Ứng. Cái vỏ ống quẹt đựng một số diêm quẹt, nếu con để yên một chỗ, diêm muôn đời cũng không làm sao lóe lên dóm lửa. Dòng điện trong tòa nhà trang trí đầy đủ tiện nghi các dụng cụ về điện, nếu các con không dụng công sử dụng, thì bao giờ mới thấy được hiệu năng của điện? Về vật dụng

của người thợ hồ như: xi măng, cát, vôi, nước, đá có sẵn, nếu con không dụng công hòa hợp làm sao có được một bã hồ sử dụng đúng tỷ lệ chất liệu của nó? Trong khoảng không gian đang có âm thanh và hình ảnh của các đài truyền thanh, truyền hình phát ra, nếu các con không dụng công mở máy thu thanh, thu hình, làm sao các con thường thức được những âm thanh hình ảnh đó? Ôn Trời đang trùng trùng bủa giăng trong đức háo sanh bao trùm vạn vật, nhưng nếu các con không dụng công tiếp nhận đúng mức thì cũng chẳng ích chi. Bộ máy như thân của các con do ngũ hành âm dương tạo dựng, nếu các con biết sử dụng vận hành thì bộ máy đó sẽ tinh vi tạo tiên tác phật. Nếu các con không biết sử dụng nó, thì các con khó thoát khỏi luật vô thường thành trụ hoại không trong vòng luân hồi sanh tử mãi mãi. Trái chín đang có trên cây, con phải dụng công hái bẻ mới có mà ăn, chớ không phải há miệng trông chờ trái rụng. Sự tu hành trong luật Cảm Ứng cũng vậy đó các con. Tuy không ai đặt điều kiện, nhưng luật Cảm Ứng tự nhiên vẫn có hai chiều.”

Lời dạy trên của Đức Mẹ cho thấy luật Cảm Ứng có một hiệu năng mạnh mẽ và gây ý thức tích cực đến chúng sanh, giúp chúng sanh trong cõi hậu thiên có thể giao cảm với Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng để nhận được sự trợ lực vô hình trên đường tiến hóa.

LUẬT CẢM ỨNG HOẠT ĐỘNG MẠNH MẼ VÀ GÂY Ý THỨC TÍCH CỰC

Nho giáo giảng về “Trung thứ”; Phật giáo thì giảng về “Tù bi”. Đạo giáo chú trọng “Cảm ứng”, cho nên Đức Thái Thượng Lão Quân mới viết thiên Cảm Ứng, hay kinh Cảm Ứng, chủ yếu bàn về sự hữu cảm tư thông, vô cầu bất ứng và Đạo tuy nói là thanh

tịnh, vô vi song cần phải tu đạo tự nhiên. Tác dụng giáo hóa của kinh Cẩn Ứng đối với phong hóa xã hội rất rộng lớn. Trong Đạo Đức Kinh có chép: “*Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên*”; nhưng trên thực tế, giáo nghĩa của nó nằm trong hai chữ “cảm ứng”. Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, ba giáo pháp này đều không rời khỏi cái “tâm”, nếu rời “tâm” thì sẽ không có giáo pháp nào cả. Tâm có thành thì lòng mới cảm, lòng có cảm thì thiên nhiên mới ứng và con người chỉ khi tìm về được tâm của chính mình sẽ là bước sơ khởi trong hành trình Thiên nhân hiệp nhất trên cõi thế gian này. Thiên nhân hiệp nhất cũng chính là mục tiêu tu chứng của người tín hữu Cao Đài để tự hoàn thiện mình và giúp người hoàn thiện, tức tự độ và độ tha.

Tâm con là chỗ chí linh,

Là nơi hiệp nhất nhân sinh cùng Thầy.¹

Cảm ứng là một định luật phổ quát của vũ trụ. Định luật cảm ứng của Đất Trời cũng hoạt động rất mạnh mẽ. Nhờ có khí trời, khí đất hòa hài, nên vạn vật mới có thể hóa sinh, trường dưỡng; nhờ ảnh hưởng Thánh nhân cảm hóa tâm hồn con người, nên nhân loại mới được hòa bình an thịnh. (Thiên địa cảm nhi vạn vật hoá sinh. Thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hòa bình.²) Nghĩa là, mọi thứ Đức Háo Sanh đã an bài sẵn cho muôn loài, chỉ cần dụng công ra sức mà thôi sẽ được hạnh hưởng. Cũng như, Đức Đạo Tổ đã cho biết con người ngang hàng Trời Đất vì là một với Trời Đất, cùng một cấu tạo âm dương như vạn vật trong vũ trụ. Hay cách khác, con người vốn là một phần trong thánh thể của Đức Chí Tôn, tức là một phần của Trời Đất, của Đạo thì con

1. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Giáp Dần (28–11–1974).

2. Thoán truyện Quê Trạch Sơn Hàm.

người phải biết tu, phải biết lập chí thành người Thượng đức. Lập chí thành người Thượng đức là sự dụng công tích cực. Đã dụng công tích cực tất phải có cảm, đã có cảm, tất phải có ứng. Bậc Thượng đức thi hành trách vụ của mình là đem đạo Trời Đất áp dụng cho đời, nhằm xây dựng, bồi đắp cho cuộc đời ngày thêm tốt đẹp hơn.

*Lặng lẽ nhìn Trời ta vốn một,
Máu hữu hình then chốt như nhau.*³

Thượng đức là người đạt đạo, hòa hài muôn vật trên thế gian, luôn lấy đời mình phụng sự chúng sanh, nước non dân tộc, tuy thân sống trong vòng trần gian ràng buộc với nhiều trách nhiệm làm người, nhưng tinh thần hay tâm hồn thì cao thượng, hướng về Đạo, phụng sự đời mà không để đời cám dỗ. Bậc ấy đã hòa hài muôn vật thì không còn phân biệt, luôn làm ích lợi cho đời, mà không bao giờ thấy có mình làm ơn, không lúc nào thấy có người thọ ơn, như thế là vô vi mà vô bất vi. Không phân biệt thì không thấy có người có ta, không thấy được thua, không thấy còn mất, chỉ biết lấy lòng thành trải rộng như lòng Trời, tâm Trời mà đối đãi với muôn loài.

NGƯỜI TU TRƯỚC LO LẬP ĐỨC

Nhưng để thành bậc Thượng đức thì trước hết người tu hãy bắt đầu từ chỗ lập đức. Muốn đi xa phải do nơi gần, muốn bay cao phải khởi từ thấp. Và Đức Vạn Hạnh Thiền Sư bảo chúng ta hãy yên tâm rằng: *“Mỗi người đều có điểm tâm linh, do điểm tâm linh đó giao cảm được với Trời. Sự giao cảm ấy có được bén nhạy hoặc*

3. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

*chậm chạp tùy theo căn trí và sự tu học của mỗi người.*⁴ Cũng như những biến chuyển trong tâm linh con người, và mọi sinh hoạt, hành động của thể xác, đều làm ảnh hưởng đến vũ trụ. Ngược lại, thể xác và tâm linh con người đều bị sự chi phối của vũ trụ. Như vậy, sự dụng công tu học, lập đức của mỗi chúng ta đóng vai trò vô cùng quan trọng.

*Người tu học trước tu lập đức,
Đạo đức tròn vượt bực thể nhân,
Vào trần chẳng nhiễm bụi trần,
Nhục thân chế ngự, kim thân trau dồi.*⁵

Điều tiên quyết của người tu là phải lập đức cho tròn sáng, vượt bực thể nhân. Người đời giữa cõi trần luôn lấm nhiễm bụi trần, còn người tu luôn ý thức trau giũa đức hạnh để vào trần chẳng nhiễm bụi trần. Muốn được vậy, theo Đức Đạo Tổ dạy, người tu phải làm chủ thân xác và thực hành đạo pháp – “*Nhục thân chế ngự, kim thân trau dồi.*”⁶ Nhưng người tu nếu thiếu cảnh giác, dễ duôi, vui đầu chúc đỏ dễ thất tình loạn động, lục đục khiến sai, lúc bấy giờ con người sẽ trở thành nô lệ cho ma vương ác quỷ thì dễ duôi nên vướng trần la, Thiên khuy nh địa hãm ái hà giam thân. Do vậy, Ôn Trên đã dạy người tu hành luôn phải để tâm mình hòa đồng cùng vạn vật, luôn luôn tập có tư tưởng tốt lành, tập gọi bỏ dần dần những tư tưởng xấu do từ ngoại cảnh đưa đến làm chi phối hoặc từ nội tâm phát hiện ra, mà biết cảnh giác để phòng, biết chế ngự, tránh xa. Người tu phải trống lòng,

4. Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

5. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

6. Ibid.

vô tư vô ngã mới cảm thông được với mọi người. Có vô tư, vô ngã mới dung chứa được vô biên, bằng như lòng đã có thiên kiến, tư tình, sẽ trở nên hẹp lượng. Luôn đặt hết tâm tư cảm hoài về một khối từ ái, sẽ tiếp nhận được lần điển trọn tốt trọn lành từ cõi thượng thiên truyền đến. Lúc bấy giờ lòng người tu sẽ được an định, thân sắc được từ ái, diện mạo đoan trang thuần hậu, từ đó đối xử với mọi người được đầy vẻ thuần chất từ hòa. Đó chính là sự ứng hiện, hộ trì, là *pháp phù hộ mạng cho hành giả được vững vàng trên đường tu tiến*⁷.

BẮT ĐẦU VIỆC LẬP ĐỨC BẰNG CÁCH GIỮ NGŨ GIỚI

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn lập Tân Luật nhưng vẫn giữ nguyên Ngũ giới của cựu luật có từ Nhứt và Nhị kỳ phổ độ trước. Đức Chí Tôn dạy: “*Chẳng phải Thấy còn buộc theo cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên, Phật đặng.*”⁸

Ngũ giới là bước khởi sự của việc lập đức, vì Đức Lê Đại Tiên đã dạy: “*Nếu không giới luật chuẩn thẳng, Làm sao đem Đạo hóa hoằng độ nhưn.*”⁹ Nếu bước đầu chưa trọn vẹn được năm giới thì cũng giữ được giới đầu tiên là mở rộng lòng nhân, không sát sanh hại vật, không tổn hại đến môi trường sống chung của chúng sanh trên địa cầu. Giới này rất quan trọng và căn bản nên từ ngày mới khai Đạo, Đức Chí Tôn đã đại ân xá, cho phép người tu ăn chay mười ngày trở lên thì được thọ bửu pháp, tập bước dần vào con đường học làm bậc Thượng đức.

Chỗ hòa hợp công phu tác động,

7. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

8. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, Tòa Thánh Tây Ninh, 1964, tr. 29.

9. Ngọc Minh Đài, 22-5 Kỷ Dậu (06-7-1969).

*Cấm sát sanh để rộng lòng Nhân,
Trên trời sao Tuế rạng ngân,
Phương Đông ổn định khí thần hòa vui.¹⁰*

Với tấm lòng từ bi cứu độ chúng sanh, Đức Đạo Tổ còn đối chiếu Tam giáo để cho tín hữu Cao Đài thấy rõ Nho, Thích, Đạo, ngôn ngữ tuy khác nhau nhưng chung quy đồng nhất lý.

*Nho mới dạy Ba giếng Năm mối,
Thích Tam quy Ngũ giới làm đầu,
Đạo dùng Tam bửu luyện trau,
Năm hành sanh khắc diệu mầu tâm tu.¹¹*

Ngài muốn khuyến nhủ số người chưa dứt bỏ hoài nghi, còn phân vân cao thấp, còn chạy Đông ngó Tây, chi bằng chuyên tâm dốc chí lập đức, thực hành Thiên đạo Đại thừa trong luật Cấm Ứng sẽ là điều kiện tốt nhất thực hiện sứ mạng cứu độ quần sanh, đó chính là tự giúp cho mình được tiến hóa trở về hiệp nhất cùng Khố Đại Linh Quang. Đức Chí Tôn cũng vì thương nên có lần đã dạy: “*Thầy khuyên các con theo sau Thầy mà đến phẩm vị mình thì hay hơn tuông bờ lướt bụi, đi quanh kiếm quất.*”¹²

GIAO CẢM

Cổ nhân có câu: Thiên nhân tương cảm. Nguyên lực chân thành của chúng sanh chắc chắn sẽ được Trời cao cảm ứng. Đó chính là sự cảm ứng hỗ tương hai chiều giữa Trời và Người như lời Đức Quảng Đức Chơn Tiên đã từng minh xác:

10. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

11. Ibid.

12. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, (21-7-1926).

“Chư hiền gia tăng nguyện lực cho đến tối đa thì sẽ có sự cảm ứng với Thiên liêng.”¹³ Cũng như trong Kinh Thánh đã viết: “Thế nên Thấy bảo anh em: anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở cho.”¹⁴

Ngày nay chúng ta hạnh phúc biết rằng, khi Đấng Chí Tôn Thượng Phụ đích thân lâm phạm khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên nhân tương cảm còn được ứng dụng đến mức cao nhất, tạo thành thể Thiên nhân hiệp nhất để các con cái của Người chung tay thực hiện một sứ mạng duy nhất là hoàng khai Đại Đạo, góp phần nhỏ bé vào cơ cứu độ Kỳ ba – an định Càn Khôn.

*Thiên nhân tác hợp càn khôn định,
Tôn chỉ Cao Đài chỉ thể thôi.¹⁵*

Nhân ngày kỷ niệm Khánh đản Đức Thái Thượng Đạo Tổ năm nay, chúng ta hãy cùng suy nghiệm những gì đã làm được trong năm qua, tuy còn rất khiêm tốn nhưng cũng thể hiện cả tâm thành hiệp lực cùng chung lo cho sứ mạng của Cơ Quan và cũng thấy rõ những gì cần phải nỗ lực trong chặng đường kế tiếp để cùng chung tay chung sức thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng cao cả đã được phó trao. Xin hãy cùng nguyện hứa và vững tin sẽ luôn được sự hộ trì dẫn dắt của Thấy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng.

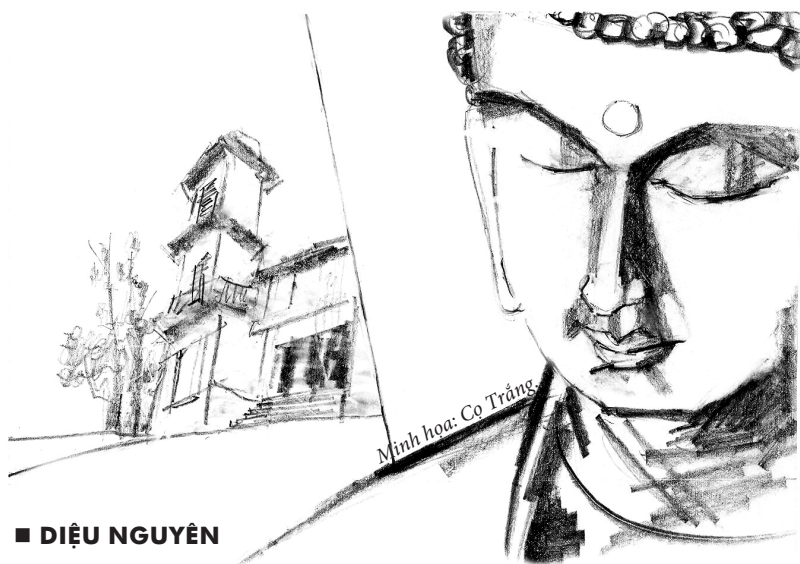
*Thượng Đế từ trên cõi mịt mù,
Người đời thiện nguyện dốc lo tu,
Tạo cơ cảm ứng Thiên nhưn hiệp,
Để có thông công, có tạc thù.¹⁶ ■*

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12–10 Nhâm Tuất (26–12–1982).

14. Kinh Thánh, (Luca 11:9).

15. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiển Điện, 17–7 Tân Hợi (06–9–1971).

16. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 22–7 Tân Hợi (11–9–1971).



■ DIỆU NGUYÊN

LỜI ĐỨC THẾ TÔN

dạy trong Tam Kỳ Phổ Độ

Hàng năm, vào ngày Rằm tháng 4, Phật tử trên toàn thế giới đều hân hoan thiết lễ kỷ niệm ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời và đã mang lại ánh sáng Phật pháp để soi rọi cho nhân loại con đường giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Trong đạo Cao Đài, Đức Phật Thích Ca được thờ kính trên Thiên bàn trong hàng Tam Giáo Đạo Tổ và người tín hữu Cao Đài cũng biết rằng Ngài chính là một chiết thân của Đức Thượng Đế. Thật vậy, Đức Chí Tôn đã cho biết rằng Ngài:

Khi xưng Giáo chủ Cao Đài,

Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà.

Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,

Bao lần Khổng Mạnh cũng Già nầy đây.¹

1. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965).

*Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,
Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,
Thái Thượng Nguơn Thi thị Ngã,
Kim viết Cao Đài.²*

Hàng môn đệ Cao Đài thật hữu duyên hữu phúc được Đức Thế Tôn ban cho những lời giáo huấn trong thời Tam Kỳ Phổ Độ qua ngọn linh cơ. Trước 1975, hầu như năm nào Đức Phật cũng đều giảng cơ dạy Đạo vào dịp các môn đệ Cao Đài tổ chức lễ mừng Phật đản.

Lúc còn tại thế, Đức Phật đã từng dạy rằng: “*Người thực hành lời Phật dạy là đền ơn Phật hơn hết.*”

Kinh nhà Phật chép rằng: Một hôm Phật có bệnh, tất cả hàng Thanh Văn, Bồ Tát đều đến thăm Phật. Riêng có một vị Tỳ Kheo ở gần tịnh xá Phật ở nhưng không buồn đến thăm Ngài. Có vị Trưởng Lão đến hỏi vị Tỳ Kheo ấy. Ông đáp:

– Tôi mong cầu chứng A-La-Hán chứ không ứng thấy Đức Thế Tôn nhập Niết bàn.

Nghe thuật lại lời này, Phật khen: “*Vị Tỳ kheo ấy là người biết ơn Phật hơn hết.*”³

Trong tinh thần ấy, mừng lễ Phật đản, chúng ta hãy ôn học lại một số lời dạy của Đức Thế Tôn trong Tam Kỳ Phổ Độ và cùng nhau thực hành rớt ráo lời Ngài dạy. Ấy là cách tưởng niệm và biết ơn Ngài đúng đắn nhất.

Nhân dịp lễ Phật đản năm Tân Sửu, Đức Thế Tôn đã giảng dạy tại Huồn Cung Đàn như sau:

2. Đức Cao Đài Tiên Ông, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đàn tại Vĩnh Nguyên Tự, 07-4-1926. Ý nghĩa: Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta, Thích Ca Mâu Ni là Ta, Thái Thượng Nguơn Thi là Ta, nay gọi là Cao Đài.

3. Hòa Thượng Thích Thanh Từ, Nhật lá Bồ đề, NXB. TP. HCM, 2000, tr.278.

“Hỡi nầy chư Thiên mạng cùng thiện tín! Chư môn đồ đã và đang sống trong kiếp đời thừa thãi, cơ tiêu diệt đã gần, bao cảnh tang thương khốc liệt của vạn loài diễn khắp chung quanh các môn đồ. Biết bao sự khổ của đời mang đến cho các môn đồ, dầu Bốn Sư chẳng nhắc, các môn đồ cũng hiểu. Vậy giờ phút báo nguy sắp đến, các môn đồ chỉ còn một nẻo đường duy nhất để cứu lấy một phần chơn linh là đường tu công bồi đức. Bốn Sư khuyên toàn thể chư môn đồ nên hăng hái trên đường sứ mạng để chóng đến ngày điểm đạo.

Các môn đồ ôi! Thế gian đều là giả tạm, dầu cho bậc đế vương tể tướng mà không biết đường tu hành thì đó cũng chỉ một kiếp giả trần thôi. Những gì có trên quả địa cầu này rồi cũng phải chịu tiêu mất theo thời gian, chỉ tồn tại là con đường đạo đức. Các môn đồ phải ráng lo tu mới kịp ngày Long Hoa điểm đạo.”⁴

Trên bước đường tu, Đức Thế Tôn khuyên chúng ta:

1. Hãy nhớ câu của Tổ Sư Nam Nhạc:

Nhứt thiết chư pháp,

Giai từng tâm sanh.

Tâm vô sở sanh,

*Pháp vô sở trụ.*⁶

4. Đức Tây Phương Giáo Chủ, Hườn Cung Đàn, 08-4 Tân Sửu (21-5-1961).

5. Nam Nhạc Hoài Nhượng 南嶽懷讓 (677-744): Sư họ Đỗ, quê ở Kim Châu, xuất gia năm mười lăm tuổi, chuyên về giới luật. Không hài lòng với kết quả tu học hữu vi, Sư tự nhủ: “Phàm người xuất gia phải học pháp vô vi, trên trời dưới đất chẳng có gì hơn được.” Theo lời khuyên của nhiều đạo hữu, Sư tìm đến Tào Khê yết kiến Lục Tổ Huệ Năng. Sau tám năm được Lục Tổ truyền tâm ấn, nhưng sư tiếp tục ở lại hầu Lục Tổ thêm mười lăm năm nữa mới rời Tào Khê ra đi truyền pháp. Sư trở thành một vị tổ thiên lừng danh đời Đường (Trung Quốc).

6. Hườn Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

“Nhứt thiết chư pháp, giai tùng tâm sanh” hay “Vạn pháp duy tâm tạo” cũng đồng một nghĩa, có nghĩa là vạn pháp nơi thế gian này đều do tâm sinh ra. Vạn pháp chính là thiên hình vạn trạng muôn màu muôn vẻ của cuộc sống thế gian này như buồn hay vui, đau khổ hay hạnh phúc, phiền não hay Bồ đề, v.v. tất cả đều do tâm ta mà thôi. Chính vì thế mà trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn có dạy: *“THẤY nay hỏi thử các con: Có thiệt tại đời là khổ, hay tại ở các con tạo gây lấy khổ cho mình?”*

*Các con hãy xét, đời đâu có khổ, chỉ tại các con chác khổ mà thôi.”*⁷

Chúng ta biết rằng Đệ Bà Đạt Đa là người đã theo phá hại Đức Phật nhiều đời nhiều kiếp nên bị đọa vào địa ngục Vô gián theo luật nhân quả. Tuy nhiên, theo giáo lý nhà Phật thì người tu muốn đắc đạo phải chịu nghịch cảnh khảo thí để tiến lên. Từ xưa, cổ nhân đã dạy: “Vô ma khảo bất thành Đại Đạo”. Do đó, ông Đệ Bà Đạt Đa tuy phá Phật nhưng là Bồ Tát nghịch hạnh, làm trợ duyên cho Phật tiến đạo chứ không vì ác tâm. Vì thế, khi ngài Mục Kiền Liên xuống địa ngục thăm Đệ Bà Đạt Đa và hỏi rằng: “Ông ở đây có khổ không?” Ông trả lời: “Tôi vẫn vui như Tỳ kheo đạt quả đệ tam thiên.” Đạt quả đệ tam thiên tức là đạt được cảm thọ lạc của chư thiên sinh trong cõi trời sắc giới gọi là “Ly hỷ diệu lạc địa.”⁸

Sở dĩ con người bị đau khổ hay phiền não là do tâm loạn động, tham dục, muốn ham, buông bắt đủ thứ. Đức Chí Tôn dạy:

“Bao nhiêu sự ham muốn, đắm mê, lắm lạc là bao nhiêu con đường mở rộng để rước ngay cái khổ vào mình. Không ham muốn,

7. Đại Thừa Chơn Giáo, bài “Tĩnh Thế”, đàn ngày 26–8 Bính Tý (1936).

8. Hòa Thượng Thích Thanh Từ, Nhật lá Bồ đề, NXB. TP. HCM, 2000, tr.278.

*đắm mê, lằm lạc, làm sao có oan khiên, quả báo, luân hồi. Hễ ham vinh hoa phú quý thì chịu tâm khổ, thân lao; mà muốn vợ đẹp con khôn lại bị thê thằng tử phước.*⁹

Do đó, người tu muốn đạt được sự giải thoát hoàn toàn khỏi mọi khổ đau phiền não thì cần phải giữ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là trên hết. Không ham muốn mong vọng điều gì, kể cả việc mong vọng được thành Tiên thành Phật.

Cổ đức nói: *“Tinh tấn mà loạn động, không bằng giữ tâm an tịnh.”*

Có vị Tỳ kheo siêng năng, mỗi ngày đánh lễ tam thiên Phật suốt một thời gian dài gian khổ nhưng không thấy Đạo nên mới đến hỏi Hòa Thượng Tuyết Đường. Ngài dạy:

– *Người hành công phu lễ bái không ngơi nghỉ nhưng không bằng để tâm vô sự an nhàn...*

Có vị Thiền sư mỗi ngày tụng đọc ba trăm biến Đại Bi, lạy ba trăm lạy nhưng cũng không thấy Đạo nên mới đến hỏi Hòa Thượng Tuyết Đường. Ngài bảo:

– *Tụng nhọc buông đi! Buông hết rảnh rồi, không làm, không nói.*¹⁰

Chúng ta hiểu rằng không phải Hòa Thượng Tuyết Đường bảo đừng làm gì hết mà chính là ngài bảo hãy để tâm thanh tịnh, đừng mong vọng điều gì. Cả hai vị Tỳ kheo và Thiền sư ra sức lễ bái Phật và tụng kinh một cách gian khổ nhưng đều không đạt được Đạo vì tâm còn mong vọng được chứng quả. Tâm thanh tịnh rồi thì tự khắc sáng lòng thấy tánh, chứng quả Bồ đề chánh đẳng chánh giác. Đó chính là ý nghĩa của hai câu kệ: *“Tâm vô sở sanh, Pháp vô sở trụ”*, tâm an định thì vạn pháp không còn chỗ bám để làm cho ta điên đảo. Vì thế mà Đức Phật Tổ mới dạy tiếp rằng:

9. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 26–8 Bính Tý (1936).

10. Ibid.

*Tâm pháp ấy thoát nơi dòng khổ hải,
Chúng Bồ Đề quả kiến Như Lai.*

Giữ tâm thanh tịnh chính là Tâm pháp giúp con người thoát khỏi biển khổ trần ai, chúng quả Bồ đề tức là quả vị chánh giác của Phật. Còn kiến Như Lai tức là thấy được Phật Tánh, Chơn Tánh, Thượng Đế Tánh. Đức Thế Tôn dạy tiếp:

*Phật Tánh đều có ở khách trần ai,
Không nhọc kiếm Linh Đài hay Khứu Lành.*

Tất cả mọi người đều có Phật Tánh hay Thượng Đế Tánh trong mình, không cần phải tìm kiếm bên ngoài hay ở chốn xa xôi tận núi Linh Sơn hay Linh Thứu bên Ấn Độ là nơi thuở xưa Phật giảng kinh Pháp Hoa.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng đã dạy: “*Chỉ có một điều rất dễ cho mọi người là muốn tìm đạo lý, phải tìm ở chính bản thân trước nhất.*”

*Đạo ở nơi người chớ chẳng xa,
Chánh tâm tu niệm thoát trần la,
Đón ngăn vọng thức khai minh lộ,
Mới thấy chơn như vượt ái hà.¹¹*

Các tôn giáo xưa nay đều dạy rằng Đạo hay Trời hay Thượng Đế không ở xa người mà ở ngay trong tâm mình. Đó cũng chính là Lương tâm của mỗi người chúng ta. Hãy quay về nội tâm và lắng nghe tiếng nói của Lương tâm thì con người sẽ có thể thoát ra ngoài vòng cương tỏa của thất tình lục dục, của tội lỗi trái oan.

Chẳng hạn như Áo Nghĩa Thư (kinh Upanishad) của Ấn Độ Giáo từ ngàn xưa đã dạy rằng:

Biết rằng trong dạ có Trời,

11. Minh Lý Thánh Hội, 09-4 Kỷ Dậu (24-5-1969).

Rối ren, ngu muội tức thời tiêu tan.

Vương Dương Minh (1472–1529), nhà chính trị, nhà triết học, nhà tư tưởng xuất sắc thời nhà Minh bên Trung Quốc, cho rằng Trời ở ngay trong lương tâm mọi người. Vì thế ông nói: “*Tâm tức là Trời ... Lương tri tức là Trời.*”¹²

Kinh Thi (Mao Thi, Đại Nhã, Úc Thiên) viết:

Chái Tây Bắc góc nhà thanh vắng,

Đừng làm chi đáng để hổ người.

Đừng rằng tâm tối chơi với,

Đừng rằng tâm tối ai người thấy ta.

Thần giáng lâm ai mà hay biết,

*Nên dám đâu khinh miệt, để người.*¹³

Trong Thiên Chúa giáo, Thánh Phaolô viết: “*Anh em há chẳng biết rằng thân xác anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao?*” (I CÔRINTÔ 3:16)

Ngày nay, trong đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn cũng dạy:

Thấy ngự trong lòng mỗi chúng sanh,

*Chúng sanh giác ngộ biết tu hành.*¹⁴

Một khi con người biết quay về nội tâm và cảm nhận được Thượng Đế trong lòng mình thì tâm thức sẽ sáng suốt. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư bảo, con người sẽ “*Biết nhìn chỗ tối chỗ sáng, biết chọn việc dữ việc lành, biết nẻo tà nẻo chánh, biết cơ nguy vong, biết thời thành tựu. Có như thế thì mới gọi là tu.*”¹⁵

12. Tâm tức Thiên... Lương tri tức Thiên.

13. Tướng tại nhĩ thất/ Thượng bất quý vu ốc lậu./ Vô viết bất hiển/ Mạc dư vân cấu/ Thần chi cách tứ/ Bất khả đặc tứ/ Thần khả địch tứ.

14. Thánh thất Nam Thành, 01–01 Kỷ Dậu (16–02–1969).

15. Minh Lý Thánh Hội, 09–4 Kỷ Dậu (24–5–1969).

Kinh sách nhà Phật ghi chép rằng, khi Đức Phật vừa ra đời, Ngài liềm nhẹ nhàng đi trên bảy đóa hoa sen, tay phải chỉ lên trời, tay trái trở xuống đất bảo: “*Thiên thượng thiên hạ duy Ngã độc tôn*” nghĩa là “*Trên Trời dưới đất chỉ có TA là đáng tôn quý.*”

Phải chăng Đức Phật tự đề cao mình? Chắc chắn rằng không phải như thế!

Cái TA đáng tôn quý đây chính là cái TA chân thật, là chân tâm, là Phật Tánh hay Thượng Đế Tánh có sẵn trong mỗi người.

“Đáng tôn quý vì là chân thật, so với cái TA bằng đất nước gió lửa giả dối này. Cái TA chân thật tức là CHÂN TÂM, là tánh Phật sẵn có của muôn loài. Chúng sanh mê muội không tự biết, cứ nhận thân giả làm mình, dùng vọng tâm làm tánh mình, chấp cảnh đời nằng mưa vinh nhục là cảnh của mình thật, nên chìm ngập trong biển sanh tử khổ đau, trôi lăn trong sáu đạo luân hồi không tìm được lối ra.

Đức Phật dạy, tất cả chúng sanh ai cũng có khả năng thành Phật: Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành, Ngài đem cho ta niềm tin chính mình. Chúng ta có khả năng thánh thiện để thành Phật, nhưng chúng ta đã tự chôn vùi tánh Phật, mà sống với tánh tham lam, sân hận, ngu si trong nhiều kiếp. Nay chúng ta phải quyết tâm gạt bỏ mê lầm, để trở về sống với ông Phật của chính mình đã từ lâu bị bỏ quên.”¹⁶

2. Điều thứ hai Đức Thế Tôn khuyên người tu nên ghi nhớ đó là: “Khuyên chư môn đồ nên nhớ lời này: “*Cây biết cội, nước biết nguồn*”. Như thế mới gọi biết hành cái Đạo của Ta. “*Tự giác, giác tha*”, đem giống từ bi gieo trên ngũ trước cho toàn cả chúng sanh

16. Theo trang web của chùa Linh Quang.

khỏi cảnh nghiệp chướng luân hồi. Như thế mới gọi là tu cái hạnh của Ta. Bằng chẳng được, muôn ngàn kiếp thế gian này không cái tạo thì mong gì đắc quả Như Lai.”¹⁷

Vậy, biết nguồn cội của mình để quay về chính là biết hành cái Đạo của Thế Tôn, giống như Thái Tử Tất Đạt Đa thuở xưa đã dứt khoát từ bỏ mọi thứ vinh hoa phú quý, vợ đẹp con khôn để quyết tâm tìm đường quay về nguồn cội vĩnh hằng thiêng liêng.

Còn biết tự độ độ tha, gieo hạt giống từ bi trên ngũ trước¹⁸ cho khắp cả nhơn gian đều thoát khỏi nghiệp chướng luân hồi, đó chính là biết tu cái hạnh từ bi của Đức Thế Tôn, sau khi đắc quả vô thượng chánh đẳng chánh giác dưới cội cây Bồ đề, không đành lòng nhập niết bàn an hưởng một mình mà lê gót khắp nơi trong 49 năm ròng rã để giúp cho chúng sinh giác ngộ tu hành đạt được sự giải thoát tâm linh như mình vậy.

Đức Phật Tổ khẳng định: *“Bằng chẳng được, muôn ngàn kiếp thế gian này không cái tạo, thì mong gì đắc quả Như Lai.”*

Xin nguyện cầu cho tất cả huynh tỷ đệ muội chúng ta đều hành được cái Đạo của Thế Tôn và tu được cái Hạnh của Ngài để tự cứu mình và cứu giúp chúng sinh cùng thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. ■

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ THÍCH CA NHƯ LAI THẾ TÔN.

17. Huần Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

18. Ngũ trước 五濁: Năm thứ ô trước (dơ bẩn) con người phải chịu trong thời mạt kiếp: Kiếp trước 劫濁: Nhiều thứ bệnh nổi lên, nạn đói xảy ra, chiến tranh lan tràn mọi nơi; Kiến trước 見濁: Tà kiến thịnh hành; Phiền não trước 煩惱濁: Con người nuôi nhiều tham dục, tâm hỗn phiền não; Chúng sinh trước 眾生濁: Con người vô đạo đức, không sợ quả báo; Mệnh trước 命濁: Con người chết sớm. (Lê Anh Minh chú)

THÀNH GIÁO SONG NGỮ

■ BAN DỊCH THUẬT VĂN HÓA VỤ

TRƯỜNG THIÊN	LONG POEM
Khí hư vô tạo ngôi Thái Cực, Tức là ngôi độc nhứt quang minh, Vô vi, vô ảnh, vô hình, Thần thông quảng đại chí linh diệu huyền. Trong Vũ Trụ trọn quyền sanh hóa, Nắm trong tay khắp cả Càn Khôn, Nấng nuôi vĩnh kiếp trường tồn, Làm cho xác thịt linh hồn an vui. Người tâm chí nhiễm mùi Đạo đức Gia công tìm mọo mực Tạo Đao, Rõ thông trong máy hành tàng,	The Cosmic Vital Energy creates the Absolute (Thái cực), The unique and creative majesty, Detached action and quietness, without figure, without form, That is magic, magnanimous, divine and miraculous. And that has, in the universe, full power to create and multiply, To hold the whole Heaven and Earth, To keep the nurturing eternal and everlasting, And makes bodies and souls peaceful and happy. A person with strong will impregnated with Cardinal virtues Does one's utmost to discover the system of the Creator, To understand clearly the mechanism of the mystic action,

<p>Bảo tồn thân thể vững vàng bền lâu. Khắp Vũ Trụ một bầu Thiên Địa, Cơ vận hành bốn phía mở mang, Phân ra Địa Ngục Thiên Đàng, Các con sao vén nổi màn huyền vi. Đạo ẩn tàng, có khi ứng lộ, Phật, Tiên truyền để độ chúng sanh, Chỉ phương siêu thoát rành rành, Thuận tòng Thiên lý tu hành lại ngôi. Phép Đạo tránh luân hồi tứ khổ, Mà tầm vào đến chỗ quang minh, Bày ra giả tướng hữu hình, Đặng làm thể Đạo chí linh diệu huyền.</p>	<p>And keep the body strong and long lasting. All over the Universe is the Canopy of Heaven and Earth, The Mechanism of the Cosmic revolution develops in four directions, Divides into Hell and Heaven, Children! You cannot disclose the profound and subtle mystery. The Dao is hidden, but sometimes appears, Buddhas and Immortals, then, teach to save mankind, By showing clearly and thoroughly the way to get free from human bondage (bonds), Obey the law of nature and self- cultivate to return to origin. The mystic power of the Dao helps mankind to avoid reincarnation and the four sorrows, To find the path to the source of illumination, And devises visible false appearances, To make the forms of the Dao an absolute miracle and marvel.</p>
--	--

<p>Người gọi là tiểu Thiên Địa đó, Người với Trời nào khó khác chi, Hết Trời có những món gì, Người người đều cũng đủ y như Trời. Trong thân thể đổi dời tấn hóa, Người biết tu mau khá trau giồi, Coi như có lỡ thì bồi, Cho đầy đủ lại phục hồi cựu nguyên. Phật nhập định tham thiền tầm lý, Mà dưỡng thần, tinh, khí đủ đầy, Làm cho bánh phép hằng xây, Âm dương luân chuyển gió mây vận hành. Tiên tịnh tịnh thanh thanh bất động, Để cái tâm trống lỗng chẳng xao,</p>	<p>Mankind is a micro Heaven and Earth, Therefore, mankind and God are not different, Anything that God has, So does everyone as much Round-the-clock does the body change and develop internally, The One who is self-cultivating should improve one's conduct, As if having crumbled, be all at once banked up, To become complete again and return to origin. Sitting absorbed in meditation to seek the truth, Buddhas are immersed in deep thought, To cultivate the spirit, the vital essence and the vital energy, And set the wheels of mystic power in steady motion, As the yin and yang revolve, the wind and cloud follow their course. First of all, be calm, serene, and still, Keep the heart void and undisturbed,</p>
--	---

<p>Tâm xao biển dậy ba đào, Trước thanh cũng phải lộn nhào đó con!</p>	<p>If disturbed, so stormy will become the sea, Children! Pure or impure, you would topple down.</p>
<p>Con biết Đạo giữ còn tâm Đạo, Mang thân người lộn lạo âm dương, Pháp luân con chuyển cho thường, Xuất huyền nhập tẩn là đường giao thông.</p>	<p>As you understand the Dao, keep your heart pure, In chaos are the Yin and Yang, in human bodies, Do frequently set in motion the wheels of law, Breathing out, the Yang or Former Heaven, and in, the Yin or later Heaven, form the line of communication.</p>
<p>Luyện âm tuyệt lòng trong đắc quả,</p>	<p>Having terminated the Yin, the inner nature attains enlightenment,</p>
<p>Âm tuyệt rồi Đạo đã thuần dương, Thuần dương thẳng đến Thiên Đường, Làm Tiên, Thánh, Phật thoát đường tử sanh.</p>	<p>And the Dao become pure Yang, Pure Yang, there upon, goes directly to Heaven, To become Immortal, Saint, Buddha free from death and life.</p>
<p>Chơn dương hết thì thành ma quỷ, Âm dương đồng tức thị là người,</p>	<p>And end of pure Yang is ghost and demon, Mankind is the balance of Yin and Yang,</p>
<p>Hạo nhiên cướp đặng tốt tươi,</p>	<p>Secure the magnificent energy of nature,</p>

<p>Đem vào nuôi nấng thân người trường sinh. Dạy sơ qua hiểu rành lấy trẻ, Phép nhiệm mầu không lẽ chỉ nhiều, Tìm vào đường giác thì siêu, Biết phương thoát khổ phải chịu Thiên cơ. Đạo không thấy, nghe rờ sao đặng, Đạo im lìm phẳng lặng tự nhiên, Đạo thông lưu khắp hậu tiền, Đạo là then máy diệu huyền biết bao. Đạo không thấp, không cao chi cả, Đạo không dùng phép lạ hoặc nhờn, Đạo là chí chánh chí chơn, Toàn năng, toàn thiện là đơn luyện thành. Đạo dưỡng dục vận hành bao quát,</p>	<p>To nurture the body and live long. Children! Do understand the brief teaching clearly, For there is no sense in teaching much, about the mystic power of the miracle, Find the way to enlightenment to go beyond the cycle of death and rebirth, Follow the celestial mechanism to dissociate oneself from sufferings. Dao cannot be seen, there is no way to hear or touch, Dao is calm, still in nature, Dao circulates freely through earlier and later Heaven, Dao is so miraculous a mechanism. Dao is neither low nor high, Dao does not use magical powers to lure mankind, Absolutely righteous and true, Omnipotence and perfection, Dao is the pill of immortality. The nurture and the course of the Dao cover all over,</p>
---	--

<p>Đạo độ người hay sát hay sanh,</p>	<p>Dao saves even humans who often take lives of living beings, (Dao saves mankind even those whose take lives)</p>
<p>Suy cho thấu, hiểu cho rành,</p>	<p>Do think thoroughly and understand clearly,</p>
<p>Giải sơ hình thể chúng sanh bề ngoài.</p>	<p>The brief explanation of the physical appearance of human kind.</p>
<p>Tôn chỉ Đạo Cao Đài chỉ rõ,</p>	<p>The aim of Caodaism is shown explicitly,</p>
<p>Mượn hữu hình bày tỏ chỗ vô,</p>	<p>The visible is used to explain the invisible,</p>
<p>Thiên Bàn làm cái Bản Đồ, Coi ngoài mà biết điểm tỏ trong mình.</p>	<p>The divine altar is the map, Study the exterior to enhance the inner self.</p>
<p>Tuy là sự giả hình sắp đặt,</p>	<p>Even though, it is an arrangement accepted for use (it is an accepted arrangement),</p>
<p>Trái trong sao thì mặt cũng in,</p>	<p>The inside is exactly (absolutely) identical to the outside,</p>
<p>Người tu phải biết giữ gìn,</p>	<p>A religious person must keep one's soul pure,</p>
<p>Chuẩn thẳng quy củ mà tìm Thiên cơ.</p>	<p>Discipline oneself to seek the celestial mechanism.</p>
<p>Tại sao lại dạy thờ Thiên Nhân?</p>	<p>Why are we taught to worship the Divine Eye? (Why is the Divine Eye worshipped?)</p>

<p>Thiên Nhân là căn bản chúng sanh, Đó là một Đấng trọn lành,</p> <p>Một ngôi chúa tể hóa sanh muôn loài. Trong các giống, các nòi do đó,</p> <p>Mà ngày nay mới có tại đây, Hạ ngươn máy Tạo vẫn xây,</p> <p>Nên chi Từ Phụ dựng gầy cơ quan.</p> <p>Biết tu sớm hội bàn lập vị,</p> <p>Trước dạy rồi nhân thị chủ tâm, Tâm là chủ tể cao thâm,</p> <p>Quang minh chánh đại muôn năm vững vàng. Phải biết rõ "lưỡng quang chủ tể",</p>	<p>The Divine Eye is the origin of humanity, That is the full-of-love Almighty</p> <p>The supreme ruler creating all creatures. All the races came from that origin (source), And are brought into existence nowadays,</p> <p>In the Last Era, the Mechanism of the Creation is rolling (in motion), Therefore (Consequently), God, the Loving Father, has founded the machinery.</p> <p>Renounce the world in order to be ranked at the Peach Banquet,</p> <p>You were taught before that the Eye is the Heart, The Heart is the supreme ruler of the Universe, Righteous and eternally stable.</p> <p>You must understand clearly that "the Two Lights are the supreme ruler(s)",</p>
--	---

<p>"Quang thị Thần, Thần thể thị Thiên", Thiệt là diệu diệu huyền huyền, Trời người có một chẳng riêng khác gì! Trời là Lý vô vi tuyệt diệu, Tức là thần phản chiếu Càn Khôn, Người kêu bốn tánh linh hồn, Đời đời kiếp kiếp trường tồn không hư. Phép tu biến đầu từ suốt cuối, Khai huyền quang tánh muội đắc thông, Toàn tri hiển hiện chơn không, Huyền quang khai xuất nhãn thông còn đời. Đoạt lấy chỗ bốn lai diện mục, Luyện cho thành cửu khúc minh châu,</p>	<p>"Light is the Spirit, Sprit is God", Absolutely supernatural and miraculous, God and mankind are One. Neither distinctive nor different. God is the marvelous Principle of non-action and quietness, That is the Spirit reflecting Heaven and Earth, It is called the nature of the soul, Everlasting and undamaged during aeons upon aeons. The Mystic Power (the meditation method) evolves from the Earlier to Later Heaven, Opens the mystic gate and enlightens the bad conscience, As omniscience discloses the true nothingness, The mystic gate reveals and Buddha land appears on the horizon. Secure the eternal / absolute truth and Buddha nature, Exercise until the nine passages transform into brilliant pearls,</p>
--	--

<p>Tha tâm thông mối nhiệm mầu, Lấy kim đơn tại sông mâu vào lò. Thần cảnh thông Đạo do tâm đắc, Diệt lục trần, lục tặc ngoài trong, Làm sao cho lậu tận thông, Thành tâm tuyệt vọng trống trong mối mầu. Đạo hư vô người hầu đoạt lấy, Thiên Nhân thông mới thấy suốt tường, Nhân là thần đã thuần dương, Công viên quả mãn đắc trường sanh an. Cách sắp đặt Thiên Bàn thờ phượng,</p>	<p>Mind-reading mastered is the key to miracles, Use the pill of immortality obtained between the two eyes. Being able to see through nature is the attainment of the Dao owing to the enlightenment of the heart, Exterminate the six outer and inner impurities and robbers, Practice in a way to get free from sufferings, self-conceit and extreme scrupulousness in the Dharma, Sincerely extinguish all deep desires to obtain miracles. Win the Infinity, that is the Dao, The Divine Eye when acquired can see through everything (in the Universe), The Eye is spirit having become pure Yang, After having performed/ (achieved) noble deeds, a religious person (devotee) become immortal. The arrangement of the Divine Altar for worshipping,</p>
--	---

<p>Mượn hữu hình sắc tướng truyền đăng,</p>	<p>Uses forms and appearances to preach the light of Buddha teachings,</p>
<p>Tam Tông đem Đạo khai hoàng, Dụng tâm chánh giác công bằng chấp trung.</p>	<p>The Three Old Religions have spread significantly the Dao, Apply yourself to spiritual enlightenment by observing justice and golden means.</p>
<p>Nói sao cho tận cùng lý Đạo, Vẽ vờ ra máy Tạo khó thay!</p>	<p>The principle of the Dao can not be explained to the utmost, How difficult it is to express / describe the machinery of the Creation!</p>
<p>Mỗi người có tánh Như Lai, Tầm ra thấy sẵn thiên thai bên mình.</p>	<p>Everyone has the Buddha nature, Find out paradise in readiness (deep) inside oneself / yourself.</p>
<p>Chỗ chí diệu, chí linh Đạo cả,</p>	<p>Dao is extremely mysterious and divine,</p>
<p>Âm dương hòa sanh hóa Phật Tiên,</p>	<p>Yin and Yang in harmony creates Buddhas and Immortals,</p>
<p>Cái cơ động tịnh diệu huyền,</p>	<p>That is the miraculous mechanism of action and non-action,</p>
<p>Luyện thành chánh quả nhờ truyền âm dương.</p>	<p>Enlightenment is reached with the help of imparted Yin Yang.</p>

<p>Trời, Đất, Người, một phương một lý, Trong mình người thần khí giao nhau, Cang nhu, trống mái một mẫu, Đục trong lừa lọc thì mau chứng thành. Năm Cây Nhang ngũ hành mới tượng, Mới phân ra bốn hướng bốn phương, Cặp Đèn là tiểu âm dương, Tức là Nhật, Nguyệt chiếu chương đêm ngày. Vận hành mãi trở day lẫn lộn, Soi sáng cùng chốn chốn nơi nơi, Làm cho rực rỡ Đất, Trời,</p>	<p>Heaven, Earth and Mankind are of one principle, The spirit and vital energy are joined in human bodies, The rigid or flexible, male or female are the achievement of miracle, Sort out carefully the impure and pure to become illuminated. Five incense sticks are the five elements having taken forms, And four directions traveled in, Two lamps are the little Yin and Yang, The sun and moon shining day and night. The revolution turns and rolls over and over, Illuminating all places, Thus making heaven and earth splendid,</p>
---	--

<p>Người là đôi mắt ấy thời khác chi. Mắt thuộc hỏa là Ly thần trụ, Luyện thân về cho đủ một cân, Kim đơn nhờ hiệp khí thần, Tan ra là khí tụ đông thành hình. Tinh, Khí, Thần, trong mình có đủ, Hoa, Quả, Trà thể dụ tam quang, Lư Trầm để tại trước bàn, Tiên Thiên lập đỉnh, hậu càn an lư. Thấy ban ơn các con, Thấy thăng.</p>	<p>The two human eyes are no different. The eye representing fire is where the trigrams Ly spirit focus on, Exercise to recover it fully, Unite vital energy and spirit to obtained the pills of immortality, If separated, it is vital energy and takes form when reunited. Vital essence, vital energy and spirit are present in human bodies, Flowers, fruit and tea represent the three lights, Sandalwood burner is placed on the front of the altar, Earlier heaven is established in the crown of the head, and later heaven rooted (settled) below the navel. Blessing you all, children! Acension.</p>
---	--

ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO ■

THOÁT VÒNG TỬ KHỔ

■ CHÍ THẬT



Ngày đản sanh của Đức Phật tính tới thời điểm hiện tại đã bắt đầu bước sang năm 2640. Trải dài gần ấy thời gian, giá trị đạo đức lịch sử vẫn còn sống mãi với nhân loại thời đại ngày nay và lưu truyền cho đến tận ngàn sau...

Một sự kiện hy hữu từ cổ chí kim, một vị thái tử từ bỏ vinh sang phú quý, khước từ ngôi vị hoàng tộc, hy sinh hạnh phúc gia đình,

chỉ vì nhận ra lẽ sanh, lão, bệnh, tử là vô thường, đã và đang câu thúc chúng sanh nơi cõi ta bà, quần quanh trong lục đạo luân hồi, chẳng khác nào như kiến bò miệng chậu không tìm ra lối thoát. Ngài đã trung hành độc phục, tự cường bất tức, giác ngộ tầm tu, tìm phương giải khổ.

Sau khi dạo xem các cổng thành, nhìn thấy cận cảnh sanh, lão, bệnh, tử hiện ra trước mắt. Từ đó, đã thúc tỉnh thái tử bao lâu nay sống trong nhung lụa giàu sang, vinh hoa tột đỉnh... Ngài nào đâu hay biết và cũng không hình dung được những mảnh đời bất hạnh, nỗi khốn khó cùng cực của dân chúng trong xứ sở mà hoàng tộc của Ngài đang trị vì. Tất cả những cảnh thống khổ, đau đớn quần quại đã diễn ra trước mặt, là động lực thúc đẩy thái tử rời cung son, tầm sư học đạo, tự tu, tự cứu, tự giác, giác tha, viên thành chánh quả.

Giai thoại lịch sử trọng đại này được Đức Bác Nhã Thiển Sư nhắc lại:

“Hằng đêm giờ trang Phật sử để nghĩ suy, thái tử Sĩ Đạt Ta chỉ ngạc nhiên trước vấn đề sanh, lão, bệnh, tử của con người mà thắc

Đúng như lời dạy trên, rờn rã hơn sáu năm dài dằng dặc, vượt qua bao nhiêu chướng ngại của ngoại cảnh lẫn nội tâm, vô vàn khảo thí của tà ma ngoại đạo... và Ngài đã chiến thắng một cách vẻ vang đầy kính phục, đến những loài thú dữ cũng cảm nhận được uy đức vô lượng, vô biên của Ngài, đã cảm hóa đủ dạng chúng sanh, dưới mọi hình thức. Từ bi của Phật đạo đã lưu truyền ở nhiều quốc gia trên khắp hoàn cầu, là nấc thang tiến hóa bậc nhất trong Ngũ Chi Đại Đạo¹ và hệ thống chức sắc Cửu Trùng Đài.²

1. Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, Nhơn đạo.

2. Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị hiền, Tam thiên đồ đệ.

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn đã xác tín sự kiện này:
“*Sĩ Đạt Ta xưa kia phát tâm tìm phương giải khổ cho nhân loại, đã trải qua bao nỗi nhọc nhằn, lắm lúc hy sinh, bao hồi gian khổ mới đắc quả vị.*”³

Trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo chính Đức Phật để lời minh định:

*sĩ tâm ái chúng đọa luân hồi,
ĐẠT đạo độ đời trở lại ngôi,
TA quyết phá tan vòng tứ khổ,
Chiêu Vương giáng thế điểm tô đời.*

Sanh, lão, bệnh, tử nghiêm nhiên trở thành một quy luật tự hữu, hằng hữu trong thế giới nhị nguyên đối đãi, chúng sanh phải chấp nhận và tìm đường hóa giải, không thể phủ nhận hay chối bỏ, sự hiện hữu của quy luật này là tác năng mạnh mẽ, thúc đẩy chu trình tiến hóa chung nhất của cộng đồng vạn sinh.

Thơ của Ni sư Diệu Nhân (1041–1113)⁴

*Sinh lão bệnh tử,
Tự cổ thường nhiên.
Dục cầu xuất ly,
Giải phọc thêm triền.*

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–5 Đinh Tỵ (17–6–1977).

4. Túc Lý Ngọc Kiều, người hương Phù Đổng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, con gái đầu của Phụng Càn Vương Lý Nhật Trung (con Lý Thái Tông). Sau khi chồng chết, bà không tái giá mà đi tu, là học trò của Thiền sư Chân Không và là người đứng đầu thế hệ thứ 17 của Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi thời Lý. Bài thơ *Sinh lão bệnh tử* của bà là lời phát biểu khá độc đáo về lẽ “sinh” “tử” – một vấn đề nhân sinh được nhiều Thiền sư thuộc phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi quan tâm xem xét.

Mê chi cầu Phật,
Hoặc chi cầu Thiên.
Thiên Phật bát cầu,
Đỗ khẩu vô ngôn.
Dịch nghĩa:
Sinh già bệnh chết,
Từ xưa thường vậy.
Muốn tìm thoát ra,
Cởi trói quán vào.
Mê mà cầu Phật,
Hoặc mà cầu thiên.
Thiên Phật không cầu,
Ngậm miệng không nói.⁵

Đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, trong Thánh ngôn, Thánh giáo Cao Đài, từ buổi bình minh Đại Đạo đến nay, thông qua huyền diệu Tiên gia, các Đấng Thiêng Liêng đã giảng dạy nhiều chủ đề đạo lý... và sanh, lão, bệnh, tử là một trong những chủ điểm trọng tâm được nhắc nhở và đề cập đến thường xuyên. Bởi đây, là quy luật mang tính quyết định và thúc đẩy sự tiến hóa trên cả hai lãnh vực nhân sinh lẫn tâm linh.

Cõi đời lắm nẻo lắm chông gai,
Tứ khổ ràng thân ai hỡi ai!
Sanh phải vượt qua bao trọng trược,
Bệnh càng giam hãm tợ tù đầy,
Lão lai tài tận khôn dò bước,
Tử hậu vô tri khó giải bày,
Nếu chẳng biết tìm cơ giải thoát.

5. Phan Hữu Nghệ (Tạp chí Hán Nôm, số 1 (10), 1991).

*Vô thường đến cửa hẹn sao đây?*⁶

Bất kỳ thời phổ độ nào, chân lý chỉ có một, các Đấng Giáo Tổ, các hàng sứ giả của Đức Thượng Đế, lâm phạm thọ lãnh sứ mạng giáo đạo đều xác tín với chúng sanh, tứ khổ là luật nhân quả bất biến, hiện bày trong kiếp hiện tại, biết được quá khứ, xác định tương lai.⁷

Nếu chúng sanh không tìm về với Đạo, không hồi tâm hướng thiện, không tìm phương giải thoát, thì hậu quả đúng theo lời chỉ giáo tận tình của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

Nếu chẳng biết tìm cơ giải thoát.

Vô thường đến cửa hẹn sao đây?

Tứ khổ đã câu thúc chúng sanh trong cảnh khổ não triền miên: sanh trong trọng trọng, bịnh như tù đày, lão lai tài tận (tuổi già đến, tiền lại hết), tử hậu vô tri (không biết được sau khi chết sẽ thế nào)...

“Người đời mang xác thân tứ đại này, mấy ai được trường tồn bá niên còn miên viễn, vì đời Hạ nguơn cận bã, không còn hưởng được không khí như ngày Thượng cổ và Trung cổ vừa qua. Bởi nên người sanh, lão, bịnh, tử, khổ là càng ngày thấy mãi mãi sanh ra không được hưởng vật chi, cho được vui lòng, lẫn quần ngày qua tháng lại, rồi thấy sự bịnh tật già yếu sắp bên ngày tịch diệt.”⁸

Thân xác tứ đại giả hợp chịu ảnh hưởng chung của quy luật:

6. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01–12 Bính Ngọ (11–01–1967).

7. Đức Từ Tôn Kim Mẫu dạy:
*Sách có dạy dục tri tiền kiếp,
Thì hãy trông duyên nghiệp hiện thời,
Muốn cho hậu quả đổi đời,
Hãy trông những việc tự nơi con làm.*

8. Đức Pháp Lược Kim Tiên, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q.I, tr. 12.

Hưng, thịnh, suy, vong; thành, trụ, hoại, diệt... Cộng nghiệp chúng sanh đã tác động trực tiếp toàn thể cộng đồng nhân loại, dễ dàng nhìn thấy qua môi trường sống trái đất này đang bị tàn phá bởi sự ô nhiễm hệ sinh thái do chất độc hóa học, vũ khí sinh học, tạp chất rác thải, cặn bã khí đốt, là những hậu quả của hành động của con người chỉ nhắm đến tư lợi và sự hưởng thụ vật chất mà bất chấp quy luật tự nhiên của trời đất.

*Cơ Tạo hóa nhiệm mầu tạo hóa,
Luật tuần hườn thư thả tuần hườn,
Suy tường cái lý Thiên nhơn,
Thái sơ dĩ chí Tam nguơn vận hành.*⁹

Đức Bác Nhã Thiên Sư diễn giải cụ thể thực tế, chi tiết sâu sắc hơn lúc thuở sanh tiền:

*“Còn hiện trạng trước mắt Bản Huỳnh thời đó, hằng ngày những cảnh tù tội xiềng xích, họ muốn sanh cũng chẳng đặng sanh, muốn tử cũng không đặng tử. Bệnh, lão bám sát thân sanh trong vòng lao lý. Họ là ai? Họ là gì? Dấu oan hay ứng, dấu đáng tội hay không đáng tội, dấu họ là kẻ bạo tàn sát nhơn, hay họ là anh hùng sĩ khí trong cơn nhà tan nước mất. Tất cả họ đều là nguyên nhơn của tứ khổ.”*¹⁰

Hậu quả của chiến cuộc, tranh giành cương thổ, mở rộng bờ cõi, xâm chiếm tài nguyên, chạy theo xu hướng... làm cho con người dở sống, dở chết, lỗ cười, lỗ khóc, thân thù dị biệt, đáng tội hay vô tội, hy sinh vì chính nghĩa hay vô nghĩa, tổng chi đều là nguyên nhơn của tứ khổ.

Ôi! Là một nhơn sanh tại thế,

9. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, kinh văn quẻ Thiên Lôi Vô Vọng, phần trùng tụng.

10. Bát Nhã Tịnh Đường, 11-01 Giáp Dần (03-02-1974).

*Với cuộc đời dẫu bể đổi thay,
Biết bao danh lợi sắc tài,
Để ai, ai thoát ra ngoài vọng tâm.¹¹*

Nguồn gốc của tứ khổ, là do tứ đại giả hợp cấu thành, cộng nghiệp nhiều đời, nhiều kiếp mà ra, dẫu muốn hay không muốn, chúng sanh phải chịu chi phối theo định luật vận hành vũ trụ, tác động của từng nguơn hội trong mỗi thời kỳ. Nhưng cũng chính nhờ sự chi phối và tác động đó đã thức tỉnh chúng sanh đang trầm溺 trong bến mê, và đắm chìm nơi biển ái bấy lâu nay mà chưa tìm ra chơn lý giải thoát...

CƠ HỘI GIẢI THOÁT

“Thầy và chư Phật, Tiên, Thánh, vì thương giống con ngoan nhưng thiệt thòi vì đau khổ nên đến trần gian và nơi mảnh đất này, muốn cứu chúng nó ra khỏi vòng đau khổ.”¹²

Cơ hội hy hữu trong lịch sử loài người, thất ức niên mới có một lần, chính Đức Thượng Đế Chúa Tể Càn Khôn bỏ vị ngôi xuống phạm mở Đạo cứu thế, công cực khổ Ngài không nệ hà so tính, miễn sao chúng sinh nhận chân cuộc giả trò đời là sông mê bể khổ, biết hồi tâm hướng thiện, bỏ dũ về lành, giác ngộ tu hành, vượt qua tứ khổ, thoát vòng nhân quả, siêu xuất cõi hư linh, phản hồi cự vị, phục nguyên chơn thân và hội hiệp cùng Thầy nơi Bạch Ngọc Kinh, thỏa lòng Từ Phụ, đẹp lòng Từ Mẫu chốn Diêu cung...

Muốn giải khổ, hành giả phải trải qua từng giai đoạn: từng khổ, thắng khổ, thọ khổ để rồi diệt khổ, nhưng diệt bằng cách nào cho có hiệu quả?

11. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, kinh văn quẻ Thiên Lôi Vô Vọng, phần trùng tụng.

12. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30- 10 Mậu Thân (19-12-1968).

Đức Quan Âm Bồ Tát chỉ dạy:

“Muốn diệt khổ tất mỗi người phải tự diệt lấy những nỗi khổ của chính mình, mà khổ của chính mỗi người là gì? Trời che đất chở, non xanh, nước biếc, hoa cỏ tươi màu, mỗi mỗi sự vật đều sống trong lý thiên nhiên của trời đất. Nhưng khi con người muốn dời non tấp biển, phá núi đắp sông, muốn chia ranh lấn đất, muốn chọc trời khuấy nước; từ cái muốn lớn đến cái muốn nhỏ, con người đều hưởng theo ánh sáng chan hòa của tâm mắt để tiến bước trên sự ước muốn. Nhưng khi va chạm vào một bức tường nào đó, sự ước muốn trở lại hành hạ tâm hồn, không riêng gì xác thân đang đau khổ.”¹³

Chung quy lại, chỉ vì ham muốn vô độ mà đưa đẩy con người vào vòng oan trái, nghiệp quả chất chồng, hành hạ thể xác đau đớn, dày vò tâm hồn băng hoại, lý trí lu mờ, không biết bến bờ, không nơi nương tựa.

“Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhân, chấp đạo, chấp pháp, tất cả đều không mới là giải thoát.”¹⁴

Không phải đến lúc rũ bỏ xác phàm mới gọi là giải thoát những hệ lụy của kiếp nhân sinh, đã quá ư muộn màng, khi tội phước cân phân, phán xét của Hội Công Đồng Tam Giáo đã định, linh hồn của chúng ta sẽ về cõi trọng trược hay thanh khiết, là do công đức tự tạo của mỗi người... Vì vậy, khi còn tại tiền là cơ hội, là điều kiện tốt nhất để chúng ta huân tập những đức tính thiện lương, loại bỏ dần những thói hư tật xấu, diệt tánh phàm hơn thua, ganh ghét, phân biệt ta người, dị đồng tôn giáo, so sánh pháp đạo...

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15– 11 Giáp Dần (28–12–1974).

14. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10–6 Bính Thìn (06–7–1976).

Được như thế, tâm hồn sẽ thanh thoát, thân thể nhẹ nhàng, mặc dù đang sống nơi chốn hồng trần với vô vàn chướng ngại.

Tuy thân ở cõi ta bà,

Mà tâm linh đã thoát ra cửa phiên.¹⁵

Hay là:

Vượt qua tứ khổ Bồng sơn nương mình.¹⁶

LỜI KẾT

Sau khi dạo xem bốn cổng thành, thái tử Sĩ Đạt Ta đã quyết chí tu hành, quyết tâm cầu đạo giải thoát và Ngài đã thốt rằng: “*Đạp¹⁷ trên tứ khổ, thoát vòng nhân duyên.*”

Câu nói này của Đức Thế Tôn rất khẳng khái, mạnh dạn vứt bỏ những gì thế gian cho là cao quý, bất khả ly thân, ngay cả những tấm chân tình như: tình phụ tử, nghĩa phu thê, cũng không giữ được chân Ngài.

Là bậc Chánh đẳng Chánh giác, chẳng lẽ Ngài vô tình vô nghĩa vậy sao? Không đâu, sau khi đắc Đạo tại thế, chính Ngài đã chủ động trở về kinh thành độ dẫn song thân, thê tử, huynh đệ, thân bằng quyến thuộc và con trai độc nhất La Hầu La của Ngài đã xuất gia tu theo Phật đạo chứng quả A La Hán.

Qua những lời giáo hóa của các Đấng Thiêng Liêng về sanh, lão, bệnh, tử, phàm là một nhân sinh hiện hữu trong thế giới nhị nguyên, con người phải chấp nhận những quy luật đương nhiên. Từ đó, tự tìm phương giải thoát cho chính mình, chỉ có tự tu, tự cứu là biện pháp hữu hiệu và tích cực giúp cho chúng ta giải khổ,

15. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Thân (12-5-1970).

16. Đức Quan Âm Bồ Tát, Trúc Lâm Thiền Điện, 06-01 Ất Tỵ (07-02-1965).

17. Trong quẻ Thiên Trạch Lý, chữ Lý có các nghĩa: giẫm, xéo, đạp lên...

đồng thời thực hiện cơ tuyệt khổ đại đồng, thực thi sứ mạng của dân tộc được chọn, góp phần khiêm tốn vào công cuộc an định xã hội nhân loại.

“Cho đến ngày nay, thế giới đã ghi nhận Cao Đài Thánh địa Nam bang, đó là đường giải thoát nạn khổ trầm luân của dân tộc Việt Nam. Mà cũng là cơ cứu rỗi trong thời kỳ Hạ nguơn của nhân loại.”¹⁸

*Phải tu luyện mới thật nên anh hào dũng sĩ,
Phải luyện tu mới chứng vị Phật Tiên Thần,
Giữa thời biến loạn đạo phân,
Chỉ người tu luyện góp phần định an.*¹⁹ ■

18. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 07-5 Quý Sửu (07-6-1973).

19. Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-11 Quý Sửu (09-12-1973).



THÁNH GIÁO

Đại Đạo vô hình vô tướng thì con người tu hành cũng không nhứt thiết phải chấp tướng chấp hình. Sở dĩ có quy giới, có đạo luật, có quyền pháp, có hình tướng riêng biệt là để đánh vào thị giác chúng sanh để nhận định hình tướng thanh cao đức độ bác ái, từ bi trong lớp đạo phục, trong con người đạo đức. Hình tướng rất cần nhưng cần trong chơn lý, trong quyền pháp Đạo. Hình tướng không bắt buộc mọi người phải đổi thay để đóng vai trò tạm bợ mà mỗi người phải chấp nhận hình tướng làm một phương tiện khả dĩ trong đoạn đường tạo thế cứu cánh đó thôi.

■ ĐỨC QUAN ÂM BỔ TÁT, CHƠN LÝ ĐÀN, 01-4 NHUẦN GIÁP DẦN (22-5-1974).

CHIẾC ÁO THIÊN ÂN

■ CHÍ THẬT



Minh họa: Cọ Trắng.

Người tín đồ Cao Đài khi quyết định nhập môn, lập nguyện minh thệ trước Thiên bàn, là coi như đã tự nguyện khoác vào mình chiếc áo Thiên ân, tức là thọ nhận trách nhiệm trước Đức Chí Tôn và bổn phận đối với nhơn sanh, với Đạo. Nhất là đối với hàng chức sắc, lãnh đạo, lại càng phải nhận thức và ý thức trọng trách được đặt để, phải biết trân trọng gìn giữ và tự phát huy đúng mức vai trò của một Thiên chức đã được Thiên

đình tin dùng, hãy là công cụ của Đức Thượng Đế, nô bộc của nhân sanh, đặt trách vụ trên chức vụ. Có như thế, mới xứng phẩm Thiên phong, xứng hạnh chức sắc, xứng đáng là người cầm pháp Thấy gieo rải đến nhơn sanh. Như lời Đức Lý Giáo Tông dạy:

*Chiếc áo Thiên ân nguyện mặc vào,
Hãy vì trách vụ được ban trao;
Không vì chức vụ danh huyền hảo,*

Còn quý báu hơn chiếc cẩm bào.¹

Có câu: “Đời chết vì lợi, đạo chết vì danh.” Quả tình là như thế, vì lợi ích riêng tư mà con người sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn, bất chấp mọi hậu quả, làm thiệt hại cho xã hội, để lại những di chứng trầm trọng không lối thoát cho cả nhân loại, điển hình như sự ô nhiễm môi trường, tàn phá hệ sinh thái,... Đó là về mặt đời, còn trong cửa đạo thì sao?

Vấn và đáp qua những trường hợp tai nghe mắt thấy trên thực tế, hiện nay trong toàn Đạo đang xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa mà nguyên nhân chỉ vì con người bị cuốn hút theo hình tướng bên ngoài, mà quên mất hẳn cái dụng bên trong, đã quên rằng đằng sau sắc màu rực rỡ áo mào phải là những tấm gương đạo đức chơn tu mẫu mực và có năng lực thật sự, chớ không phải hữu danh vô thực như lời nhắn nhủ của Đức Lý Giáo Tông:

*Phẩm chức há màng cao với thấp,
Cân y nào muốn đỏ cùng xanh.
Hữu danh bất lực càng thêm hổ,
Vô vị tài năng mới rạng danh,
Mượn đạo tạo đời đâu phải dễ,
Rốt rồi chơn giả diễn ra rành.²*

Đức Quan Thánh Đế Quân cũng dạy:

“Phẩm vị Thần Tiên không khó, danh vị ở đời cũng không khó, chỉ khó là lòng mình, nhân cách mình, tác phong cùng phẩm hạnh chưa xứng đó thôi.”³

Đức Lý Giáo Tông lại nhắc nhở:

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 25-3 Đinh Mão (22-4-1987).

2. Thiên Lý Đàn, 21 rạng 22-3 Giáp Thìn (02-5-1964).

3. Hườn Cung Đàn, 16-6 Ất Tỵ (12-7-1965).

“Người Thiên ân trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (phải có): Một nụ cười chân thành mà tự tại, một ánh mắt hòa cảm mà vô tư, bước chân nhẹ nhàng mà vững chắc.”⁴

Qua lời dạy của các Đấng Tam Trấn, tất cả mọi cử chỉ và hành động, từ ánh mắt, nụ cười, bước chân chúng ta đi, nhứt thiết phải trong tinh thần: Vô ngã vô nhân, thông dong tự tại, cương nhu hài hòa, tác phong đúng đắn, phẩm hạnh chín chắn. Được như vậy, mới xứng đáng với cương vị của hàng lãnh đạo tinh thần, trong trách nhiệm giáo dân vi thiện.

Đức Giáo Tông xác tín: Chiếc áo Thiên ân còn quý báu hơn chiếc cẩm bào. Quả thật vậy, hình ảnh cao quý của thái tử Sĩ Đạt Ta rời kinh thành, lìa bỏ cung son điện ngọc, khước từ địa vị cao sang để đi tìm Đạo giải thoát vẫn lưu truyền cho đến tận ngày hôm nay.

Nếu thái tử Sĩ Đạt Ta đi theo con đường bình thường của thời đại lúc bấy giờ, tiếp nhận ngai vàng từ Tịnh Phạn Vương truyền lại, cùng lắm thì người dân xứ Népal sẽ được sống trong cảnh thanh bình, hạnh phúc, cơm no áo ấm... và chỉ trong thời điểm nhất định nào đó, nhờ có được một đấng minh quân dĩ đức trị dân, thương dân như con, quý dân như ruột thịt.

Thái tử Sĩ Đạt Ta quyết tâm không nhận chiếc cẩm bào, khoác lên mình chiếc đạo bào, để rời đấng Đạo tại tiền, Phật sử lưu truyền, hậu thế lưu danh từ thời điểm dấu ấn đó cho mãi đến tận ngàn sau, người đời luôn tán tụng công đức vô lượng, vô biên của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Trong Thánh giáo Cao Đài, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Đinh Tỵ (17-02-1977).

một lần nữa đã minh định: “*Chính chư đệ muội là tiên trong tiêm thể, vì trong tiêm thể, nên có khả năng thăng tiến vô hạn.*”⁵

Chiếc cảm bào không đưa chúng ta đến cõi hạnh phúc thật sự, chỉ tạm bợ trong suốt thời gian mấy mươi năm thụ hưởng vật chất ngắn ngủi. Còn chiếc đạo bào hay chiếc áo Thiên ân sẽ đưa chúng ta về cõi vĩnh cửu trường tồn, bất sanh bất tử, hạnh phúc miên viễn.

Khoác lên mình chiếc áo Thiên ân, chính thức trở thành Thiên sứ của Đức Thượng Đế, đem tình thương gieo rải khắp muôn phương, vun phân tưới nước cho hạt giống Cao Đài phát triển sâu rộng khắp nẻo vạn đường, không lĩnh vực không biên cương, cho nhơn sanh biết Thấy hiểu Đạo, cho thế giới nhân loại đều nhìn nhau là anh em, vì có cùng một Đấng Cha chung là Đức Thượng Đế, là Đấng tạo dựng vũ trụ, vận hành càn khôn, chủ sử muôn loài vạn vật.

Chư Tiên Khai Đại Đạo để lời minh định:

Bỏ cao lương trường chay giới sát,

Rời cảm y mà khoác đạo y,

Rèn lòng tập tánh từ bi,

*Vị tha vong kỷ màng chi lợi quyền.*⁶

Nhìn lại chặng đường 90 năm hình thành và phát triển nền tôn giáo Cao Đài, lớp lớp người đã đi qua, đoàn đoàn người cứ tiếp bước, họ là những thế hệ khai sơn phá thạch, nếm mật nằm gai, chịu nhiều đắng cay, khó khăn chằng ngại, gian nan chẳng từ, vào tù ra khám tù Côn Đảo, Châu Phi, dứt hết quyền quý, danh lợi không màng, rời chiếc áo quan, mặc chiếc áo đạo,

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Bính Dần (16–11–1986).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14–02 Giáp Dần (07–3–1974).

thẳng một đường theo Thầy, mặc tù đày khổ ải, miệng vẫn ngâm nga Thánh thi Thánh giáo, hiên ngang dũng cảm xương mình chánh pháp Cao Đài Đại Đạo trong bất cứ mọi hoàn cảnh nào của xã hội.

Đức Chí Tôn dạy:

*“Các con ơi! Dầu các con là hàng giáo phẩm Thiên phong, chức sắc, chức việc, dầu các con là hàng môn đồ, tín hữu cũng vậy, cũng đồng có nhiệm vụ như nhau.”*⁷

Công quả không luận cao thấp, không phân chức phẩm hay so sánh chức sắc với tín đồ, không phân lớn nhỏ, chia biệt ít nhiều tùy theo tâm nguyện và sở năng sở trường của mỗi người, thực hiện công quả trong tinh thần vong ngã vị tha, và có sự đồng tâm hiệp lực, trên dưới một lòng là đúng theo Thánh ý của Đức Thượng Phụ Cao Đài.

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*“Mỗi một nguyên căn đến trần gian đều có mang một sứ mạng riêng biệt, không phải xuống thế gian chỉ tuần hoàn trong cuộc tiến hóa từ thấp lên cao, mà sứ mạng của mỗi nguyên căn mang vào mình là, ngoài phần vụ tự tu tự tiến, lại còn phải đem đạo độ đời để giác ngộ quần linh sớm thức tỉnh hồi đầu, cải ác tùng lương, cải tà quy chánh, để lần hồi cải tiến từ bản thân đến xã hội loài người đến tận thiện tận mỹ.”*⁸

Sự hiện hữu của con người ở cõi thế gian này không phải chỉ quẩn quanh trong chuyện sống ăn mặc ở thường nhật hay sanh lão bệnh tử thường tình. Bởi lẽ, cuộc sống con người nếu chỉ có thế thì quá vô nghĩa so với tiến trình tiến hóa từ thấp đến cao,

7. Minh Chơn Đạo, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).

đã phải trải qua vô vàn khó nhọc xuống lên nhiều kiếp, luân hồi nhiều lần mới được thành người, đứng với câu vi nhơn nan đặc.

Đức Thượng Đế cho chúng ta xuống trần và mượn cõi tạm này làm môi trường tiến hóa bước lên nấc thang siêu xuất thế gian. Để được như thế, con người phải vừa làm tròn bổn phận vi nhân, phải vừa tu luyện giới trau phần linh hồn chính mình, tức là cùng một lúc vừa tự độ vừa độ tha, góp phần khiêm tốn vào công cuộc cải tạo xã hội trở nên thuần phác thiện lương để tất cả nhân loại được sống trong cảnh an lạc thái hòa, thông dong tự tại.

*Thiên ân đời đạo nặng đôi vai,
Sứ mạng gian lao khá mưa nài,
Gặp lúc nước non lâm cảnh biến,
Thương đời cứu nước phải ra tay.⁹*

SỨ MẠNG CỦA CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

Đức Lý Giáo Tông dạy:

“Cơ Quan là bộ máy sau cùng của Đại Đạo. Đại Đạo xây dựng đời Thượng ngươn Thánh đức, phụng sự nhân loại. Thế nên, sứ mạng của Cơ Quan trọng đại và gian khổ.

– Trọng đại: Nên mỗi một chức vụ trong Cơ Quan dù lớn hay nhỏ đều phải luôn luôn hướng thượng mới xứng với sứ mạng của nó.

– Gian khổ: Để làm bài thi trong trường tiến hóa. Bài thi này có hệ số điểm rất cao dành cho hàng thức giả nào tự nhận chiếc áo Thiên ân để tu nhất kiếp ngộ nhất thời.

Cũng bởi sứ mạng trọng đại và nhiều gian khổ này nên đòi hỏi mỗi nhân viên chức vụ phải hội đủ Tâm, Hạnh, Đức, Tài. Muốn

9. Đức Đông Phương Chương Quán, Bác Nhã Thiên Đường, 17–11 Giáp Dần (26–12–1974).

*được thể, đạo đức phải thuần chơn, đạo tâm phải chuyên nhất, đạo hạnh phải viên dung. Đó là những điểm căn yếu phải có ở người chức vụ nhân viên.*¹⁰

Muốn hoàn thành sứ mạng mà Đức Chí Tôn, Đức Từ Mẫu và các Đấng Tam Giáo, Tam Trấn đặt để cho các cấp chức vụ nhân viên Cơ Quan. Thể theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, người nhân viên Cơ Quan nói riêng, tín đồ Cao Đài nói chung, phải hội đủ các yếu tố và một số điều kiện ngũ hầu thực thi trọng trách đã được phó thác.

- Phải có tâm hướng thượng.
- Phải tự nguyện nhận trách nhiệm.
- Phải tự rèn luyện tâm hạnh đức tài.

Tất cả những điều vừa nêu trên đúng với câu: “Tự cường bất túc”, nghĩa là chính mình làm cho bản thân tiến bộ về mọi mặt và đạt đến chỗ: *Đạo đức phải thuần chơn, đạo tâm phải chuyên nhất, đạo hạnh phải viên dung. Đó là những điểm căn yếu phải có ở người chức vụ nhân viên.*”

Được như thế, mới xứng đáng là bậc Thiên ân trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đem lại lợi lạc cho nhân quần xã hội, trong tinh thần: Thuần chơn vô ngã, thuần túy đạo lý.

*Khuyên đệ muội trau giồi tâm đức,
Cho chính mình xứng bậc Thiên ân,
Trải lòng vô ngã vô nhân,
Tùy thời lập thể muôn dân hưởng nhờ.*¹¹

Trên đường thể Thiên hành hóa, hoằng giáo độ nhơn, không

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý, 25-3 Đinh Mão (22-4-1987).

11. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Bính Thìn (13-5-1976).

trơn tru bằng phẳng, không đơn giản nhẹ nhàng... Thế giới chúng ta đang sống, môi trường chúng ta đang sinh hoạt, tập hợp nhiều thành phần giai tầng giai cấp, địa vị cao thấp, quý tiện sang hèn, căn trí không đồng đều. Chính vì những dị biệt đó dẫn đến những cái hiểu sai biệt về đạo lý. Từ đó, là mầm mống dẫn đến phê bình nặng nhẹ, phê phán khen chê, trách cứ đủ điều, thị phi đủ kiểu... Chúng ta cứ bình tâm trước mọi dư luận, bình thân trước mọi sự việc, luôn tự vấn lương tâm, nghiêm chỉnh với chính mình và phải có tinh thần phục thiện như lời chỉ bảo tận tình của Đức Lý Giáo Tông:

“Người quân tử luôn luôn xét lòng, xét mình, xét người, xét việc. Kẻ khen ta đúng chỗ là bạn ta, khen ta không đúng chỗ là hại ta; chê ta đúng chỗ là thầy ta, chê ta không đúng chỗ là sợ ta thành công trong vĩ đại. Thế nên người quân tử khi nghe khen chưa vội mừng, khi nghe chê chưa vội giận. Đó là hạng người quân tử tu thân, còn hạng hưởng đạo thế Thiên hành hóa phải hơn người quân tử nữa kia.”¹²

*Tiếng chỉ trích chê bai xấu tốt,
Lời phê bình một một, hai hai ;
Cũng đều gác bỏ ngoài tai,
Để lòng an ổn dạn dày quả công.¹³
Chư Thiên ân thừa hành sứ mạng,
Bản Đạo phê xứng đáng công trình,
Được khen sai sửa phân minh,
Hành trang đạo lý trong tình Thiêng Liêng.¹⁴*

12. Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi (02-5-1967).

13. Đức Giáo Tông, Ngọc Minh Đài, 14-02 Mậu Thân (12-3-1968).

14. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-10 Bính Thìn (04-12-1976).

Song song với việc soi đường chỉ lối, mạch bảo gỡ rối cho chúng ta trên đường hành đạo, các Đấng Thiêng Thiêng từng phút, từng giờ, từng giây dỗi theo từng bước chân của những hàng sứ mạng hiện tại cũng như tương lai, để âm phò mặc trợ cho những ai tự nhận lấy trách nhiệm nặng nề, gồng gánh tiền đồ đạo nghiệp đầy cam go thử thách. Nhưng với điều kiện chúng ta phải tận tâm tận lực, dốc lòng quyết chí vì tiền đồ Đại Đạo, vì sứ mạng Cơ Quan, như lời minh định của Đức Vạn Hạnh Thiển Sư:

*Nhả hết tâm tư cho xứng phận,
Gian lao đã có Đấng Từ Bi.*¹⁵

Hai cõi sắc không sứ mạng chung đồng, thể hiện rõ nét lý Thiên nhân hiệp nhất, đồng thanh tương ứng. Các bậc Thiên ân hết lòng thực thi sứ mạng; các đấng Thiêng Liêng hết sức hộ trì, sự hỗ tương này đúng theo Thánh ý và thuận theo đạo lý. Thế nhưng, chúng ta không nên chủ quan, nghiêng về một phía.

Đức Thượng Đế cầm cân công bình, thưởng phạt vô tư. Những ai tự nhận lấy sứ mạng gánh vác tiền đồ Đại Đạo lẽ tất nhiên được hộ trì. Nhưng ngược lại, chối bỏ sứ mạng vì nhân, không tự nhận bốn phận thiêng liêng trong kiếp làm người thì cũng phải chịu trong cơ sàng sảy lọc thánh phân phạm, nhân quả báo ứng, đúng theo tôn ý của Đức Đông Phương Chưởng Quản:

*“Chư thân mình luôn luôn hộ trì những người sứ mạng hiện tại hoặc tương lai để gánh vác tiền đồ Đại Đạo. Nếu không tự nhận cho chính mình có bốn phận thiêng liêng trong kiếp làm người đối với cuộc đời ly loạn thì cũng phải chịu trong cơ sàng sảy lọc thánh phân phạm, nhân quả báo ứng.”*¹⁶

15. Minh Lý Thánh Hội, 21-7 Mậu Thân (14-8-1968).

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-5 Ất Mão (21-6-1975).

Thật hãnh diện và hạnh phúc cho những ai được thọ mệnh Trời, được ban trao quyền pháp thực thi sứ mạng hoàng giáo độ nhơn, được làm việc cho Đức Thượng Đế Chí Tôn, được phụng sự cho nhân sanh... Đó là niềm danh dự lớn lao, là niềm tự hào hy hữu có một không hai. Bởi vì, con người làm việc với con người còn không dễ dàng. Như trong đời sống hiện tại, không ít các sinh viên tốt nghiệp ra trường phải thất nghiệp... Cho nên, đừng vì những chướng ngại nhỏ nhoi, rồi buông trôi bốn phận, thờ ơ với sứ mạng thật là đáng tiếc vậy. Sau cơn mưa trời lại sáng, ánh nắng ấm áp ban mai của buổi bình minh sẽ xua tan bóng tối âm u của đêm trường lạnh lẽo, hãy lạc quan trên đường sứ mạng, hãy nắm bắt cơ hội thực hiện kỳ công trọng đại đã được Thiên định.

“Những ai có sứ mạng phổ giáo đạo Trời, nên hiểu như vậy: Mình đang làm việc cho Thượng Đế, cho nhơn sanh, cho thế hệ ngày mai, không phải vì những trở ngại thiển cận rồi thối chí ngã lòng. Một đoàn người thức đêm, khi nghe sấm chọi ầm ầm trong đêm trường đã uể oải, là báo hiệu ngày mai tươi sáng sắp đến. Hãy vui mà tiến, hiệp mà hành, tin để đạt cho kỳ được công quả trọng đại ấy.”¹⁷

Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy:

Vơi vơi bể khổ chiếc thuyền từ,

Sứ giả nào đâu chốn Ngọc Hu.

Chiếc áo Thiên ân còn rõ rõ,

Tay chèo tận độ phải khư khư.

Nhơn sanh lặn hụp sao đành vậy,

Đạo pháp trường lưu thế cũng như.

Bác ái nặng lòng già hóa trẻ,

17. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 15-01 Đinh Mùi (23-02-1967).

*Vi nhân chút phận liệu bao chừ.*¹⁸

Người sứ mạng thọ Thiên ân, ví như người lái đò đưa khách trần từ bờ mê sang bến giác trở về bốn nguyên. Và chỉ có nơi thế gian này mới có người cần đò sang sông. Cho nên, người lái đò không được lơ tay chèo, sơ tâm một chút là mất một người khách quý, là mất một phần công quả. Ý thức được trách nhiệm và bốn phận của mình, mới xứng đáng là bậc thể Thiên hành hóa và gìn giữ được giá trị của chiếc áo Thiên ân đúng nghĩa.

Đạo pháp trường lưu, đời người hữu hạn, hãy lấy cái vô hạn để san bằng cái giới hạn, đừng ngoảnh mặt quay lưng hay hững hờ với sứ mạng, như sanh đang khắc khoải trông chờ được giải nguy cấp tốc, giải thoát trước cảnh đời trăm nịch không lối thoát, con người trong tình trạng nơm nớp lo sợ, không biết chuyện sẽ xảy đến với mình chỉ trong tích tắc.

LỜI KẾT

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Chư đệ muội trong hàng sứ mạng,
Do tiền căn vào hạng nguyên nhân,
Tam Kỳ gặp hội xá ân,
Mang vào chiếc áo Thiên ân cho mình.*¹⁹

Khoác trên mình chiếc áo Thiên ân là chấp nhận:

- Hy sinh tư hữu, danh vị không màng.
- Cực nhọc chẳng từ, khó khăn không nản.
- Tự nhận trách vụ với Thầy với Đạo.
- Trì thủ sứ mạng, chung thủ nhất tâm.

18. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Sửu (05-3-1985).

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 09-4 Mậu Thìn (24-5-1988).

- Thuần chơn vô ngã, thuần túy đạo đức...

Những tố chất đó, sẽ giúp người Thiên ân chấp trì quyền pháp vượt qua mọi trở ngại, hanh thông trên đường thực thi sứ mạng, tâm linh mãn tuệ, hoàn tất chu trình tiến hóa, hoàn thành trách vụ và trở về hiệp nhất cùng Đức Từ Phụ Cao Đài.

“Thiên ân sứ mạng là nấc thang cứu phẩm tam thừa, càng tu càng tiến, càng tiến càng tăng trưởng tâm linh giác huệ cho đến khi thoát nghiệp trần về cùng khối Đại Linh Quang, chừng đó là hoàn tất.”²⁰

*Hỡi sứ mạng Thiên ân hướng đạo,
Hỡi bạn trần hoài bão cơ Thiên,
Dọn đường mở lối về nguyên,
Dem mình làm ngọn đuốc thiêng cho đời.²¹■*

20. Đức An Hòa Thánh Nữ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-5 Canh Tuất (17-6-1970).

21. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).



Một cảnh sen trắng trở thêm hoa,
Ngào ngạt nhờ xông mổi Đạo nhà,
Chung sức gieo trồng cây hạnh đức,
Được về Tiên cảnh thoát trầm kha.

■ BẠCH LIÊN TIÊN NƯƠNG, GIÁO HỘI TIÊN THIÊN MINH ĐỨC, 20-9 ĐINH MÙI (23-10-1967).

Tìm Hiểu Lời Phật Dạy: **“NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO”**

■ XUÂN MAI

Trong các kinh điển Đại thừa, nhắc đến bộ kinh Hoa Nghiêm là chúng ta nhớ ngay đến lời dạy nổi bật của Đức Phật “Nhất thiết duy tâm tạo”, nghĩa là muôn sự, muôn vật, muôn loài đều do tâm mà hình thành, do tâm tạo tác.

Nếu chịu khó tìm hiểu cội nguồn của các giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, chúng ta sẽ nhận ra rằng, sở dĩ mỗi giác quan ấy có thể hoạt động, giúp ta giao tiếp với các đối tượng tương ứng như hình sắc, âm thanh, mùi vị... đó là nhờ có một “sự nhận biết”. Không có “sự nhận biết” này, con người không thể vận dụng được các giác quan trong việc giao tiếp với môi trường. Tất cả các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý này thật ra đều chỉ là những ứng dụng khác nhau của “sự nhận biết” đó.

Khi mắt tiếp xúc với hình sắc, sự nhận biết này biểu hiện thành nhãn thức, hay cái biết của mắt. Khi tai tiếp xúc với âm thanh, sự nhận biết này biểu hiện thành nhĩ thức, hay cái biết của tai. Khi mũi tiếp xúc với mùi hương, sự nhận biết này biểu hiện thành tỷ thức, hay cái biết của mũi. Khi lưỡi tiếp xúc với vị nếm, sự nhận biết này biểu hiện thành thiệt thức, hay cái biết của lưỡi. Khi thân tiếp xúc, va cọ với mọi đối tượng mềm, cứng, trơn, nhám... sự nhận biết này biểu hiện thành thân thức, hay cái biết của thân, cũng gọi là xúc giác. Khi ý tiếp xúc với các ý tưởng, sự nhận biết này biểu hiện thành ý thức, hay cái biết của ý.

Trong sáu thức thì ý thức là đặc biệt nhất, vì tính chất hoạt động của nó liên quan đến tất cả các thức còn lại. Thí dụ, khi mắt nhìn thấy các hình sắc thì hoạt động của nhãn thức chỉ đơn thuần là nhận biết hình sắc ấy mà thôi. Trên cơ sở sự nhận biết của nhãn thức, ý thức mới khởi lên sự phân biệt, đánh giá về đối tượng, chẳng hạn đẹp, xấu. Chính do nơi sự phân biệt, đánh giá của ý thức mà chúng ta mới hình thành những cảm xúc đối với đối tượng như sự ưa thích hay chán ghét...

Ý thức vẫn sinh khởi được khi không có mặt ngũ thức còn lại. Thí dụ như ngồi yên tĩnh, mắt nhắm lại. Lúc này cái thấy không xuất hiện nhưng ý thức vẫn nghĩ chuyện này chuyện kia. Ngược lại, ngũ thức chỉ có thể sinh khởi khi có sự hiện hành của ý thức. Như khi ngủ say, ý thức không hiện hành, dù có trần cảnh vẫn không xuất hiện sự thấy, nghe... Vì tính chất bao quát và quan trọng của ý thức, nên chúng ta rất dễ cho rằng ý thức chính là “ông chủ” của mọi hoạt động.

Khi chúng ta chưa hiểu được điều này, chúng ta dễ dàng chấp nhận mọi sự thôi thúc, sai khiến do ý thức đưa ra, khiến cho năm thức còn lại đều phải chịu sự chi phối và sai khiến của nó. Sự chi phối và sai khiến ấy diễn ra như thế nào? Thí dụ như khi mắt (căn) tiếp xúc với hình sắc (trần) và sự thấy hình thành (nhãn thức) và nó chỉ đơn thuần là nhận biết hình sắc ấy mà thôi. Khi đó, ý thức lập tức nảy sinh sự phân biệt và đánh giá về đối tượng, phân loại đó là đẹp hay xấu, đáng yêu hay dễ ghét... Do nơi sự phân biệt và đánh giá của ý thức, sự nhận biết của nhãn thức liền không còn đơn thuần chỉ là nhận biết nữa, mà nảy sinh sự mê đắm hoặc chán ghét đối với từng đối tượng. Từ đó, chúng ta bắt đầu có sự say mê, yêu thích, ghét bỏ những hình sắc đó.

Như vậy, bản thân đối tượng vốn không có những thuộc

tính như đáng yêu hay đáng ghét, nhưng qua sự chi phối và sai khiến của ý thức, chúng ta mới rơi vào sự mê đắm hình sắc. Bởi chính do nơi đây mà chúng ta thực hiện tất cả mọi hành vi tạo tác các nghiệp thiện ác; chính do nơi đây mà chúng ta mê đắm không nhận ra được bản chất thực sự của đời sống; do nơi đây mà chúng ta không còn nhớ đến trách nhiệm cao quý đã được Thượng Đế phó giao. Chính sự mê đắm, chạy theo trần cảnh mới là thủ phạm thôi thúc, xúi giục chúng ta tạo nghiệp. Còn bản thân sự nhận biết sáng suốt của sáu thức vốn không có gì sai trái! Chính khi nhận thức được điều này, ta mới buông bỏ mọi đối tượng thuộc về trần cảnh; và ngay khi đó sáu thức trở thành sáng suốt, trong sạch, đồng một thể tánh với năng lực nhận biết đã hiển lộ ở nơi chúng. Do vậy, chúng ta dễ dàng giải thích: Một đối tượng có thể làm cho người nào đó say mê đến điên cuồng nhưng lại chẳng có sức cuốn hút nào đối với một người khác, vì sự mê đắm ấy là ở nơi ta chứ không phải là thuộc tính của đối tượng.

Thế giới này sẽ là thiên đàng hay địa ngục chính là tùy mỗi chúng ta cảm nhận, nhìn thấy trong đời sống. Một khi tâm thức ta được thanh tịnh, thế giới ấy sẽ được thanh tịnh. Như vậy, sự thanh tịnh hay bất tịnh trong bản thân mỗi người hay ở thế giới nhị nguyên này đều không phải là những thuộc tính vốn có của con người, của thế giới. Những tính chất ấy đều do nơi tâm thức của ta mà có. Vì thế Đức Phật mới dạy “nhất thiết duy tâm tạo”. Và cái “tâm” mà chúng ta đang nói đến chính là sự nhận biết sáng suốt đã hiển lộ qua sáu căn thành sáu thức, là sự nhận biết được bản thể chân thật của mình tức là nhận được tánh giác. Là cái rõ ràng thường biết của chính mình. Tâm thường biết rõ ràng này, tuy nhận biết mà không có phân biệt, không có chạy theo trần cảnh. Vì tâm của chúng ta là cái thường biết rõ ràng, nếu chúng

ta sống được với nó thì mình thường biết rõ ràng mà không trôi giạt theo các cảnh duyên bên ngoài, nên không khổ đau.

“Sự nhận biết sáng suốt” này theo kinh sách của một số tôn giáo được gọi bằng rất nhiều tên khác nhau, có thể là “chơn như”, là “Phật tánh”, là “chơn tâm”, là “chơn tánh”... Và tất cả con người đều có chơn tâm đó. Còn gọi là “Tiểu Linh quang”. Điều cần thiết của người tu chính là nhận biết và tách rời được chơn tâm ra khỏi ý thức hư vọng. Và khi chúng ta có thể làm được điều đó, thì ý thức sẽ trở thành sự hiển lộ sáng suốt của chơn tâm.

Xét về mặt chủ thể thì Tâm mới là chủ Nhơn ông của Tánh Mạng. Do đó, muốn phát huy vai trò của con người phải đặt trên cơ sở của tâm và phải song tu tánh mạng, trong đó tu tánh tức là luyện thần để cho điểm Tiểu Linh Quang (bản thể của con người – đồng thể cùng Trời) sáng suốt, linh diệu; có đủ quyền năng sánh cùng Trời Đất. Còn tu mạng chính là luyện khí để thân xác khỏe mạnh hay bồi dưỡng nguyên khí.

NGƯỜI TU PHẢI ĐIỀU CHỈNH TÂM

Sống được với cái thường biết rõ ràng của mình, đó là tu tâm. Do vậy, người tu học phải nỗ lực vận dụng pháp tu để điều chỉnh tâm, chuyển đổi tâm ngày càng hướng thượng, tốt lành. Và thực tế cuộc sống cho thấy nếu không để cho vật hay người tác động, thì tâm không sanh ra. Tâm không khởi thì mọi hiện tượng không có đối với người tu. Vì thế, Đức Phật dạy người tu Thiên đạo thường nhiếp tâm lại, đóng kín sáu giác quan. Còn Đức Lý Giáo Tông Đại Đạo dạy:

*Tiên đạo dạy đời giữ chữ không,
Không quyền không lợi chẳng khanh công;
Không đua tranh với theo thời thế,*

Chỉ có tranh đua khép cỡi lòng.¹

Nhưng tâm con người lại luôn sanh luôn khởi. Trong tâm khởi niệm, nếu ta không biết kịp thời, cứ mãi chạy theo vọng niệm, sẽ thành vọng tâm mà trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật đã dạy: “*Căn bản của sanh tử luân hồi là: Vọng Tâm. Căn bản của Bồ đề Niết bàn là: Chơn Tâm.*” Và trong Kinh Duy Ma Cật, Đức Phật cũng cho biết: “*Loài người khó dạy, Tâm như khí, vượn, nên phải dùng biết bao pháp môn để chế ngự tâm này, sau mới điều phục. Bởi vì tâm sanh thì thấy thấy Pháp sanh, tâm diệt thì thấy thấy Pháp diệt.*”

TỰ THẮNG TÂM LÀ ĐIỀU CAO QUÝ NHẤT

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật có dạy:

“Thắng vạn quân không bằng tự thắng mình. Tự thắng tâm mình là điều cao quý nhất.”

Chiến thắng bản tâm là chiến thắng những vọng tưởng và những hoàn cảnh chung quanh. Bởi vọng tưởng giống như dây dẫn lửa, thúc đẩy các căn tạo nghiệp. Khi nào tâm tham, tâm sân, tâm si nổi lên chúng ta liền biết, không theo. Lúc đó chúng ta đã tự thắng mình: tức là tự kiềm chế hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của chính mình. Bị người ta khích bác, vu khống, phỉ báng, phê phán, mạ lỵ, sỉ nhục, người nào phản ứng nhanh, trả đũa nặng nề thì rất dễ. Người nào tự thắng tâm mình, nhẫn nhịn được mà không thấy nhục nhằn, nhịn mà không nhục, tâm trí vẫn an nhiên tự tại, mới là điều cao quý nhất, đáng kính phục.

(...) “Thiên thời, địa lợi, nhơn hòa, thu phục nhân tâm là một điều khó, mà khó hơn hết là lòng người không giữ mãi được vẹn

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 15-10 Kỷ Dậu (24-11-1969).

toàn. Sự chiến thắng cao nhất trên đời không phải là chiến thắng được tha nhân, mà phải chiến thắng bản tâm để hun đúc tinh thần trên sức vạn năng thiên lý, mới mong giải thoát được nghiệp quả trầm luân.”²

Để chiến thắng được tâm mình, trước tiên người tu còn cần phải ý thức: “Thân, Tâm” của con người chính là một thể thống nhất Tâm – Vật. Hai thực tại này hòa hài thì con người mới sống an nhiên. Nếu con người cực đoan, luôn có sự bất trắc hay thái quá bất cập thì phải chịu hậu quả khôn lường. Tâm phát giận thì tim đập nhanh, tức thân bị ảnh hưởng, lý trí mất tự chủ. Tâm bất an, buồn khổ thì ăn không tiêu, ngủ không yên. Ngược lại, thân thể có khỏe mạnh, tâm linh mới sáng suốt...

Nhưng sự giải thoát không nằm trong thân thể. Cho nên chú trọng cái thân thể sẽ không đi tới giải thoát. Mà hoàn toàn không cần đến thân thể thì cũng không còn nơi để dung chứa tư duy, trí tuệ, không còn phương tiện để tu luyện thì con người cũng không thể tự giải thoát cho mình.

Vậy con người không thể chấp nhận một lối sống cực đoan, tức chỉ dung dưỡng cái thân này vừa đủ (không tham ái dính chấp). Đó là sự trung dung ở giữa sự biết đến sự sống mà không có dính chấp hưởng lạc; và vừa biết cái cần là tâm thanh tịnh.

Tâm-vật trong đời sống xã hội chính là tâm linh và nhân sinh. Tâm linh và nhân sinh không thể tách rời mà phải luôn luôn gắn liền với nhau nhịp nhàng sinh động. Còn sống là còn trách nhiệm, còn bổn phận. Tuy nhiên nếu chỉ lo nhân sinh thế sự để tâm linh mờ đục, thì cuộc sống nhân sinh thường hay lâm lạc. Đúc Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

2. Đúc Trần Hưng Đạo, Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968).

(...) “Nếu tâm linh mờ tối không được luyện trau thì đời sống của con người chỉ là công cụ cho vật chất, thì thật là uổng phí. Thế nên các tôn giáo từ xưa chú trọng về phần tâm linh trước nhất. Về nhân sinh, cuộc sống gắn liền với thiên chức, gia đình, xã hội, nước non. Phải làm mới có mà ăn, phải dệt mới có mà mặc, phải hoạt động mới có mà sống, mà ở. Là nhân sinh, không ai chối bỏ được những điều này. Tuy nhiên, nếu tâm linh mờ đục, thì cuộc sống nhân sinh thường hay lầm lạc, xáo trộn trật tự kỷ cương để gây nên những trái oan hận thù vì sống, ăn, mặc, ở. Thế nên, con người phải biết giữ được mức độ quân bình cho chính bản thân là tâm linh phải lo trau luyện cho thanh thoát, đừng để thất tình lục dục bao vây. Có thể mới hòa vào xã hội nhân sinh để sống một cuộc sống có ý nghĩa siêu nhiên hơn.

Khi con người tự thấy lòng bác ái vị tha này nở là biết sống đời sống tế vật của Trang Chu hay bình đẳng quan của Thích giáo. Tâm linh và nhân sinh không thể tách rời mà phải luôn luôn gắn liền với nhau nhịp nhàng sinh động vô kỷ, vô công, vô cầu, vô danh, tự khắc sẽ hòa mình vào đại thể mà hưởng thú thiên nhiên, mà dự Yến Bàn đào.”³

TÂM VẬT BÌNH HÀNH TRONG THIÊN ĐẠO ĐẠI THỪA

Trong Thiên đạo, “Trung” là yếu điểm, là Đạo, là luật tắc, là điều mầu nhiệm điều khiển vũ trụ, vì sự vận hành của vũ trụ bao giờ cũng điều hòa, bình hành thì Trời Đất mới định vị, vạn vật sanh sanh hóa hóa vô cùng.

Bước vào cửa Thiên đạo đại thừa người tu phải tập dần phá chấp. Sự phá chấp đầu tiên và quan trọng là phá cái chấp

3. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Bính Thìn (07-9-1976).

ngã – nguyên nhân của phiền não, sầu muộn; mằm mống của tội ác, xung đột, chiến tranh, đau khổ. Nếu còn chấp ngã là còn vì mình, còn muốn cho mình, còn ham cho mình, còn lo cho mình, còn phiền hà những gì không thuận lợi cho mình. Thế là tâm chưa bình thường. Tâm bình thường cũng có thể hiểu là tâm an trú trong sự bình an, tĩnh mặc như mặt nước hồ thu, yên tĩnh, trong sáng. Tâm chưa bình thường chính là tâm chưa giải thoát.

Giáo lý Trung đạo cũng chỉ rõ: Tâm bình thường có nghĩa là người tu không để tâm bị vướng mắc vào một cực đoan nào cả! Không cố chấp, không bị mắc kẹt vào sự đúng sai, phải trái tuyệt đối, bởi sự việc này hôm nay có thể đúng nhưng ngày mai có thể không còn đúng nữa. Nếu duy ý chí vào sự đúng sai thì ta không thể bình thường tâm, không tìm được bình an trong thế giới nhị nguyên đối đãi này. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Thế Tôn dạy:

Chư hành vô thường, (Các hiện tượng đều là vô thường)

Thị sinh diệt pháp, (đều là những hiện tượng có sinh và có diệt)

Sinh diệt diệt dĩ, (Khi cả sinh và diệt đều không còn)

Tịch diệt vi lạc. (thì trạng thái vắng lặng mới là niềm an lạc chân thật nhất)

Và Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dạy người tu Thiên Đạo:

(...) “Bởi tự ngã nên không lia được chấp ngã. Còn chấp ngã là còn mê vọng, tham, sân, si. Còn mê vọng, tham, sân, si là còn nhân quả chuyển luân không dứt. Vì thế nên người tu hành cần lưu tâm trước khi thọ Thiên Đạo Đại Thừa để giữ cho chính mình một sự sống thung dung tự tại, tự do. Muốn sống cuộc sống tự tại, tự do, người tu hành phải chuyên luyện một tâm vô ngại. Những tiến hóa, khai sinh, tổ hợp, ly tán hay hoại diệt đều là vô nghĩa

trước tâm vô ngại. Tâm đã vô ngại, tất cả sự vật đều vô ngại. Bởi sinh mà biến, bởi diệt mà còn. Sinh diệt, biến hóa đều ở trong chu trình của tuần hoàn Thiên luật.(...) Thế nên sứ mạng đại thừa là thực tiễn cứu cánh vạn khổ chúng sanh hòa mình trong xã hội nhân loại. Thế dụng ứng biến hình danh công cụ tâm vật bình hành. Tất cả đều hoàn hảo trong một cuộc sống ung dung, tự do, tự tại.”⁴

Vậy muốn cho tâm giải thoát phải vô ngã. Vô ngã là một cách nói khác của “tâm bất nhị” hay Trung đạo. Vô Ngã, Tâm Bất Nhị (tánh không hai), Trung Đạo, Bản lai diện mục đều là tính chất chung của Phật tánh. Phật tánh cũng chính là Niết bàn, vì “Phật” là giác ngộ, giác ngộ là Niết bàn. Nhưng thử hỏi, con người có thể vô ngã bằng cách bỏ tất cả thực tế hiện hữu của thế giới nhị nguyên này không? Chắc là chưa. Con người cũng không thể phủ nhận định luật sinh tồn và tiến hóa của Tạo Hóa, cũng không thể diệt sạch những gì chi phối đến tự ngã (nguyên nhân của vòng đọa lạc), bởi tự ngã không lìa được chấp ngã mà phải hóa giải những chi phối ấy bằng cách tập luyện tâm vô ngại. Khi tâm được vô ngại rồi, không còn vướng mắc với những cảm thọ chấp ngã, người tu không còn tham cầu, mong vọng để thành tựu thêm điều gì; cũng không còn những đấu tranh, dằn vặt nội tâm. Họ sống bình an, hòa mình với tâm thức dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Đây chính là cách sống an hòa lạc đạo của người tu Thiên đạo, thực hành sứ mạng Đại Thừa.

Người tu Thiên đạo thực hành sứ mạng Đại Thừa là phải hòa

4. Đức Quan Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977).

quang hỗn tục, hòa mình trong xã hội nhân loại để tế thể độ
nhơn – quên mình hoàng Đạo lợi sanh. Nhưng hiện tình xã hội
ngày nay còn quá nhiều bất ổn, thậm chí có khi và có nơi xảy ra
nhiều hỗn loạn. Nên dấu biết rằng: Sống được với cái tâm bình
thường và “*thể dụng ứng biến hình danh công cụ tâm vật bình
hành*”⁵, ấy là sống Đạo, nghe rất dung dị, giản đơn, nhưng cũng
đầy mâu thuẫn với cuộc sống phức tạp rối ren trước mắt.

VẬY NGƯỜI SỬ MẠNG SẼ BÌNH HÀNH TÂM VẬT NHƯ THẾ NÀO?

– Đó là nên ý thức: Những gì đối đãi, chính đó mới đem lại
thành công. Những gì ngược dòng, ngang trái, chính đó mới là
lịch sử. “*Những diễn tiến đổi thay là những cơ hội để người hành
đạo cho chính mình và cho mọi người do lấm lòng vô ngại; chứ để
đến lúc bình thường thì lịch sử có chi đâu.*”⁶

– Đó là phải ứng dụng đạo Thời Trung. Hành động vừa đúng
đạo lý, vừa hợp với thời hiện tại để tạo thể nhơn hòa. Mà muốn
tạo thể nhơn hòa thì người sử mạng phải phát triển đường lối
tâm vật bình hành đúng thời đúng lúc. Hay, muốn tạo thể nhơn
hòa, phải vận dụng đạo Thời Trung. Có tạo được thể nhơn hòa
thì mục đích tôn chỉ của Đại Đạo mới thực hiện, sử mạng Tam
Kỳ Phổ Độ mới hoàn thành.

Còn, thế nào là đạo Thời Trung? Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn
Nhơn dạy:

“*Thế nào là đạo Thời Trung?*

*Là một cuộc vận chuyển vẫn xoay tạo dựng trong thời đó. Thế
thì ai vận chuyển vẫn xoay tạo dựng trong thời này? Thượng Đế và*

5. Ibid.

6. Ibid.

con người, hay Thiên lý và nhân tâm. Nếu thiếu một trong hai thì cuộc đời sẽ đi đến cơ hủy diệt.

Thời Trung còn có nghĩa là tùy Thời mà chấp Trung của hàng giác ngộ. “Trung giả thiên hạ chi chánh đạo”.

Trung là con đường chánh đạo của thiên hạ, nên người lãnh đạo, hàng sứ mạng Thiên ân phải hiểu rõ thời cơ mà nắm lấy cái thế của Thời, đem chánh đạo mà giúp cho thiên hạ.⁷

(...)

Đấng Chí Tôn luôn luôn ngự trong tâm thanh tịnh của chư đệ muội. Phật Tiên Thánh luôn luôn hộ trì, chỉ cần chư đệ muội công phu tu tập cho thật dững mãnh sáng suốt, dẫu đạo pháp ở cấp bậc nào cũng có thể tu chứng được.

Chư đệ muội hãy giữ Cao Đài nội tại cho thật vững vàng thì không sợ gì bị sa đọa trầm luân.”⁸

NGƯỜI SỨ MẠNG PHẢI CÔNG PHU TU TẬP CHO THẬT DỮNG MÃNH VÀ HÃY GIỮ CAO ĐÀI NỘI TẠI CHO THẬT VỮNG VÀNG

Công phu tu tập cho dững mãnh chính là phải luyện tâm ý, tức luyện thần, vạn điều phải buông xuống, xả bỏ, không vọng niệm, từng bước tu tập. Kinh Kim Cang nói rằng: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, là không trước niệm ở bất cứ sự vật gì mà sanh tâm, thì đạo tâm tự sanh. Tức chẳng tồn cái tâm quá khứ, chẳng sanh cái tâm vị lai, nắm bắt sự thanh tịnh ngay hiện tại. Bởi những việc quá khứ tựa như mộng ảo. Việc tương lai chẳng thấy, cũng chẳng định được. Việc của hiện tại cũng là hư ảo không thật; chỉ làm những việc nên làm.

7. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29–8 Quý Hợi (05–10–1983).

8. Ibid.

Phải chính người sứ mạng sử dụng quyền năng riêng biệt của con người để xây dựng chiếc Đài Cao trong mỗi bản thân mình và giữ Cao Đài nội tại đó cho thật vững vàng, vĩnh cửu trường tồn mới vượt qua mọi giông bão nắng mưa, mới không sợ sa đọa thoái hóa.

GIAO CẢM

Con người là một phần tử gắn liền với vũ trụ. Sự có mặt của con người trong vũ trụ chính là để con người hợp cùng vũ trụ điểm tô cho vũ trụ, thúc đẩy sự tiến hóa của vũ trụ. Con người và xã hội đều chịu sự tác động và chi phối của cơ tiến hóa vận hành chung khắp trong vũ trụ, bởi vạn vật chúng sanh đều nằm trong yếu lý “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”. Nền khai Tam Kỳ Phổ Độ là thiên cơ được Đức Thượng Đế ban trao cho các hàng sứ mạng cõi thượng thiên và cõi hậu thiên để thực hiện cơ cứu độ toàn diện và sau cùng trong thế Thiên nhưn hiệp nhất. Một khi có sự hiệp nhất giữa Thiên và Nhân nơi tâm người giác ngộ, là lúc quyền pháp được ban trao để thực hiện sứ mạng. Nếu người sứ mạng biết nỗ lực tự cường bất tức thực hiện theo Thiên ý, bình hành trên cả hai lãnh vực nhân sinh và tâm linh theo đạo Thời Trung để cảm hóa nhưn loại, giúp phục hồi chơn lý Đạo trong đời sống con người để xây dựng thế giới đại đồng trong tình thương Tạo Hóa và thăng hoa bản thân thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ hoàn thành sứ mạng cứu độ toàn diện toàn thể con người.

“Chính sự giao tiếp giữa tâm con và Thánh ý mới làm nên sứ mạng Thiên ân, để vận hành theo Thiên lý, cứu độ quần sanh.”⁹■

9. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-4 Kỳ Mùi.

lược sử

NGHI THỨC BÁI LẠY

■ ĐẠT TƯỜNG VÀ NGÔ CHƠN TUỆ

Theo những tài liệu sử còn lưu lại, vào buổi ban đầu của nền tân tôn giáo Cao Đài, các vị Tiên Khai Đại Đạo thuộc nhóm Phổ Độ còn rất bỡ ngỡ với nghi thức hành lễ.

Sau khi Đức Chí Tôn vận chuyển cho hai Nhóm Vô Vi và Phổ Độ gặp nhau vào đêm mừng 9 tháng Chạp Ất Sửu (22-01-1926), ngài Ngô Văn Chiêu đã hướng dẫn cho những người bạn đạo mới về cách thờ phượng Đức Cao Đài, một vài bài kinh và cách bái lạy lúc ban sơ.

Như hiện nay, chúng ta thấy có sự khác biệt trong hình thức “chấp tay” giữa các tín hữu Cao Đài Vô Vi và Cao Đài Phổ Độ. Chư vị tu Chiếu Minh vẫn chấp tay theo Nhị Kỳ giống bên nhà Phật, còn chư vị bên Phổ Độ chấp tay Ấn Tý.

Theo thứ tự thời gian diễn tiến của các lời Thánh ngôn liên quan đến lễ bái, chúng ta thấy lúc ban đầu các đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Tiên Ông chưa biết đến cách bắt Ấn Tý và cách lấy đầu Tam Quy.

Trong Đạo Sử Xây Bàn, bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu có ghi lại đoạn Thánh ngôn của Đức Chí Tôn ngày 31-01-1926 như sau:

“Cư, Tắc, Sang muốn theo anh con vào xem hội Minh Lý?”

1. Minh Lý Đạo thờ Đạo Tam Cực: Vô Cực Từ Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế và Hồng Quân Lão Tổ.

Kỳ, có con Thầy mới cho ba đứa nó đi... Con chỉ những sự bái quy của Thầy buộc thế nào và cắt nghĩa cho nó hiểu...”

(Anh Phủ Kỳ: những sự bái quy bên Minh Lý lay đủ 12 lay, còn bên Tam Kỳ Thầy cho mỗi lay 4 gậy thì 3 lần đủ 12 lay).

Như vậy khi ấy, sau khi đi xem lễ bên Minh Lý Đạo, chư vị Tiên Khai Đại Đạo đã thực hiện nghi thức “bái quy” Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào? Phải chăng chỉ là cách chấp hai tay như bên Phật rồi lay Trời mà thôi?

Lúc đầu cả 2 nhóm Vô Vi và Phổ Độ đều lay Đức Chí Tôn chỉ có một lay nhưng gậy 12 cái. Chúng ta thấy hình thức bái lay của phái Chiếu Minh vẫn được duy trì như lúc ban sơ, có ghi trong Kinh Cúng Tứ Thời phái Vô Vi, như sau:

“(…) thấp năm cây nhang.

Đứng ngay thẳng trước Thiên Bàn:

Xá ngay giữa một xá và niệm Nam Mô Phật, xá bên tay trái một xá và niệm Nam Mô Pháp, xá bên tay mặt một xá và niệm Nam Mô Tăng.

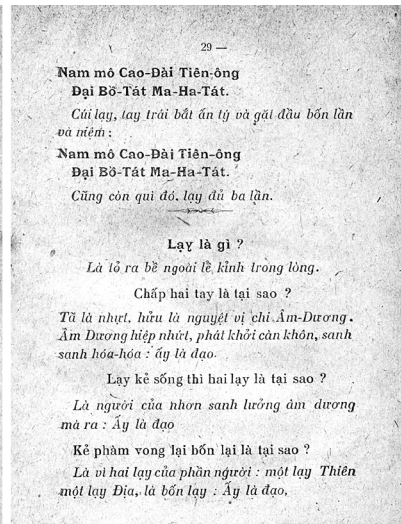
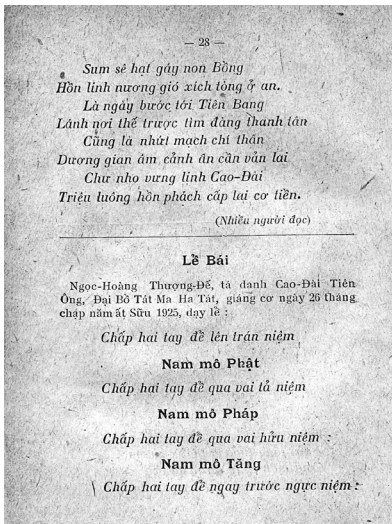
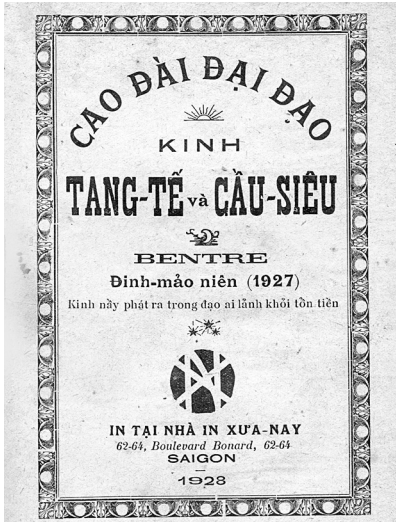
Kế đó quỳ xuống hai tay chấp năm cây nhang ấy để nơi ngực, niệm: Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Niệm rồi xá một xá, đoạn đứng dậy đem nhang cắm nơi lưu hương trên Thiên Bàn.

(...) Xong rồi quỳ trước Thiên Bàn lay một lay gậy đầu sát đất 12 cái...”

Như vậy, cách lấy dấu Tam Quy đã được Đức Chí Tôn hướng dẫn cho chư vị tiên bối vào khi nào? Lúc nay, đây là một câu hỏi chưa có lời giải.

2. Đạo Sử Xây Bàn, tr. 18.

Chúng ta thấy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển không có ghi nhận việc này. Và câu hỏi này đã luôn hiện diện trong đầu của chúng tôi trong suốt nhiều năm.



1. LẤY DẤU TAM QUY³

1.1. Cách lấy dấu Tam Quy lúc ban sơ

Gần đây, nghe nói Tam Giáo điện Chi Minh Tân vẫn còn lưu giữ được tử sách quý của ngài Vương Quan Kỳ với nhiều đầu kinh sách đã được phát hành trong những năm đầu của Cao Đài giáo. Vào giữa tháng 9 năm Quý Tỵ (2013), chúng tôi đến xin phép để tìm tài liệu. Kết quả, chúng tôi đã tìm được một số kinh sách Cao Đài được xuất bản vào những năm cuối của thập niên 20 thế kỷ trước.

May thay, trong quyển “Kinh Tang Tế và Cầu Siêu”⁴ xuất bản vào cuối năm Đinh Mão, đầu năm 1928, nơi trang 28 và trang 29 có đoạn Thánh ngôn sau:

“Lễ Bái.

Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, giáng cơ ngày 26 tháng chạp Ất Sửu 1925⁵, dạy lễ:

Chấp hai tay để lên trán niệm: Nam mô Phật.

Chấp hai tay để qua vai tả niệm: Nam mô Pháp.

Chấp hai tay để qua vai hữu niệm: Nam mô Tăng.

Chấp hai tay để trước ngực niệm: Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Cúi lạy, tay trái bắt Ấn Tý và gật đầu bốn lần và niệm: Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Cũng còn quỳ đó, lạy đủ ba lần.”

Đối chiếu đoạn Thánh ngôn này với hướng dẫn bái lạy của nhóm Vô Vi, phải chăng chúng ta có thể đi đến kết luận rằng lời

3. Hay còn gọi là Thịnh Thánh Nghi.

4. Cũng có thể đây là quyển Kinh đầu tiên về tang lễ của Cao Đài giáo.

5. Đúng ra là ngày 08-02-1926.

dạy này đã được Đức Cao Đài hướng dẫn chung cho chư vị Tiên Khai của cả hai nhóm.

Tuy có thể đây vẫn chưa phải là bản gốc của đàn dạy về nghi thức bái lạy nhưng ít nhất, nội dung của đoạn Thánh ngôn này cũng giúp cho các thế hệ sau xác định được thời điểm khởi đầu Đức Chí Tôn đã dạy về cách lấy dấu Tam Quy và bắt Ấn Tý trong Cao Đài giáo.

Có một điều khác cũng đáng lưu tâm là các quyển Kinh đã được xuất bản trong những năm đầu tiên của Cao Đài giáo vào các năm 1926 và 1927 đều không có phần hướng dẫn nghi thức lễ bái. Mãi cho đến quyển Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928 mới có, ghi như sau:

“Quyè (...) cho ngay, thẳng cái mình, mặt thì ngó cho ngay Thiên Nhân mới đưa tay kiết quả lên trán chánh giữa mà lấy dấu (nam mô Phật,) đưa qua bên tả gần lỗ tai niệm (nam mô Pháp,) đưa qua bên hữu gần lỗ tai niệm (nam mô Tăng)...”⁶

Cách lấy dấu Tam Quy này khá tương tự như cách đã được hướng dẫn vào cuối tháng Chạp Ất Sửu (02-1926).

1.2. Cách lấy dấu Tam Quy hiện nay

Trong thực tế hiện nay, đa số các tín hữu Cao Đài khi thực hiện cách lấy dấu Tam Quy đều lấy trán làm chuẩn, chứ không còn thực hiện như hướng dẫn ban đầu.

Với những ai có được học về pháp môn tu tịnh Cao Đài cũng đều biết trong nghi thức nhập tịnh. Lúc đầu thời tịnh bao giờ cũng có thực hiện nghi thức “thỉnh Thánh nghi.”

1.3. Trường hợp lễ bái Đức Mẹ

Trong thực tế hành đạo, có khi nào chúng ta có thắc mắc vì

6. Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928, tr. 48.

sao mình được hướng dẫn mỗi khi bái lạy Đức Mẹ lại không lấy dấu Tam quy?

Chúng ta tìm thấy trong Châu Tri 61 của Hội Thánh Tây Ninh vào năm Mậu Dần 1938 đã có hướng dẫn:

“Nhớ lấy dấu Phật, Pháp, Tăng duy có một mình Đức Chí Tôn mà thôi còn Thần Thánh Tiên Phật thì không có lấy dấu chi hết.”

Vì thế chúng ta thấy trong những ngày sóc vọng, nơi có Đền Phật Mẫu hay không, mỗi khi cúng Đức Mẹ đều không lấy dấu Tam Quy.

1.4. Lễ bái ở nơi thờ tự của các tôn giáo bạn

Như vậy, từ Châu tri 61 đã nói trên, ngoài điện thờ Đức Chí Tôn chúng ta cũng không nên lấy dấu Tam Quy mỗi khi lễ bái tại các đình, chùa, miếu, nhà thờ, Thánh đường, v.v.

2. CHẤP TAY

2.1. Chắp tay Ấn Tý:

Chúng ta thấy các vị bên Chiếu Minh từ trước đến nay vẫn chắp tay như bên Phật giống như Minh Sư, v.v.

Như vậy, vào đêm giao thừa Bính Dần (12-02-1926) thời điểm Đức Chí Tôn “Lập Đạo,” chư vị Tiên Khai khi hành lễ thì hai tay vẫn chắp lại như bên nhà Phật hay đã biết bắt Ấn Tý như lời Thầy đã dạy trước đó mấy ngày?

Có thể trong những buổi đầu của năm Bính Dần đó, chư vị còn chưa quen với cách chắp tay Ấn Tý mới vừa được dạy. Cho nên trước ngày Lễ Thượng Ngươn- Rằm tháng Giêng Bính Dần trong buổi đàn ngày 13, Đức Chí Tôn đã dạy chi tiết thêm về cách thức bái lạy cho chư vị. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi nhận đàn này như sau:

“Trung... vô giữa lễ bái, cho Thầy coi... Con làm lễ trúng, song

mỗi gập, con nhớ niệm câu chú của Thầy: “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”... Khi bái lễ: Hai tay con chấp lại, song phải để tay trái Ấn Tý, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái chụp lên trên.”⁷

Vậy nếu hiểu theo nghĩa đen của lời Thánh ngôn này, để ý đến cụm từ “tay mặt ngửa ra,” chúng ta dễ dàng thấy rằng hình thức bái Ấn Tý vào lúc ban sơ có khác với hiện nay.

Ngày nay chúng ta thấy quý vị tu bên Minh Lý cũng xưng danh là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – Minh Lý Đạo (1924). Bên nữ vẫn giữ cách chấp tay như Phật giáo nhưng nam phái lại chấp tay Ấn Tý giống bên Cao Đài giáo. Điều này thúc đẩy chúng tôi đi tìm hiểu xem môn sanh Minh Lý đã được dạy như thế từ khi nào.

Theo tài liệu lưu trữ của Minh Lý Đạo, chúng tôi tìm được đàn giải thích ý nghĩa việc bái lạy vào ngày 03-10-1926:

“Nam Nhạc Hoàn Sơn Tư Thiên Chiêu Thánh Đại Đế...”

Ta có lên yết Thánh Vương. Ta có hỏi giùm việc lễ thì Ngài nói để chừng chừ như học thêm kha khá thì dạy mới hiểu. Ngài có chỉ sơ ít câu...

- Hai tay chấp nơi ngực gọi là gì? Chừ như nói thử coi.*
- Thiện bạch: Tay trái là dương, tay mặt là âm, hai tay hiệp lại tại tâm chỉ nghĩa là âm dương hiệp thành nhưt khí.*
- Là lưỡng thủ bảo Thái Cực.*
- Còn đem trên trán là sao?*
- Thiện thưa: Ấy là quy về khí Hư Vô.*
- Phần bốn hườn nguyên.*
- Còn bắt từ trán mà đem dài xuống cằm là gì?*

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn 25 Février 1926.

- *Thiện bạch: Khử trước lưu thanh.*
- *Ý phân lưỡng thối.*
- *Còn lúc cúi đầu xuống đất là sao?*
- *Thiện bạch: Điều đó thiệt tôi không hiểu.*
- *Nhãn quang khuếch tim.*
- *Có người biết mà thôi. Bồi vậy Đức Thánh Vương chẳng muốn dạy vì việc ấy rất huyền diệu chẳng thể nói rõ.*

Nhãn quang khuếch tim, nhứt thốn tam cao là chỗ khi người mới cúi đầu xuống thì nhãn quang phóng nơi đó.

Lưỡng thủ bảo Thái Cực, chẳng phải nói như thể chư nhu đồng chấp tay vậy đâu. Phải Ấn Tý và trở hai phía nơi ngón cái ra ngoài, ngón út vào trong ngực.

Thiện người làm cho ta xem. (Thiện làm không được)

- *Chánh người phải để cơ xuống cho ta cử thủ.*

(Ngài sửa tay Chánh thành ra một cái Ấn.)

- *Chư nhu rõ chưa?*

- *Cái ấn khi xưa cũng có chỗ dùng vì đã cho bài “Lục căn” “Tam tâm”: Sáu ngón ngay ra là lục căn, còn ba lỗ lớn là tam tâm.”*

Qua nội dung của bài Thánh giáo này, chúng ta có thể suy đoán rằng việc dạy cách lễ bái và bắt Ấn Tý cho chư vị nam Minh Lý chỉ mới có trong thời gian gần đây mà thôi, vào khoảng sau giữa năm 1926. Tiếc là bản lưu trữ của đàn này vẫn chưa tìm ra.

Đem so sánh 2 lời Thánh giáo giữa Cao Đài và Minh Lý:

• *“Khi bái lễ: Hai tay con chấp lại, song phải để tay trái Ấn Tý, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái chụp lên trên” (Cao Đài).*

• *“Phải Ấn Tý và trở hai phía nơi ngón cái ra ngoài, ngón út vào trong ngực” (Minh Lý).*

và lần lượt thực hành, chúng ta thấy cách bắt Ấn Tý vào năm Bính Dần lịch sử xưa kia, dấu của Cao Đài hay Minh Lý đều

giống nhau ở chỗ lòng bàn tay ngửa ra và hướng lên trên. Như vậy, cách chấp tay Ấn Tỷ ban sơ có khác với hiện nay.⁸



Có một số đạo hữu chấp tay kiết quả theo cách bàn tay phải ngửa ra để dưới nhưng chỉ ôm ngón út bàn tay trái bắt ấn Tỷ. Họ cho rằng khi xưa hồi năm 1947, ngài Phạm Hộ Pháp có dạy như thế.

Vào những thập niên đầu của thiên niên kỷ 2000 cũng có hiện tượng chấp tay như thế của một ít tín hữu Tây Ninh.

2.2. Chấp tay kiết quả

– Nhìn hình tượng của cách chấp tay Ấn Tỷ như hiện nay,

8. Có thể cách chấp tay Ấn Tỷ ban sơ ấy được áp dụng trong việc tu luyện. Với các đạo hữu khi được học lên đến Nội Công Hấp Khí 2 thấy được điều này.

chúng ta thấy có sự khác biệt rõ với cách chấp tay trong thời Nhị Kỳ. Cách chấp tay thời Tam Kỳ thể hiện hình tượng một quả tròn. Tuy chưa tìm thấy đàn cơ nào vào thuở Lập Đạo, Thầy dạy chi tiết về cách “Chấp Tay Kiết Quả” nhưng chúng ta có thể tìm thấy ý này ở trang 47 đoạn hướng dẫn “cách lạy” trong quyển “Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928” của hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt.

Gần đây trên trang web⁹ của Ban Chính Đạo có chụp lại ảnh văn bản của Lễ Nhạc Viện ngày 13-5-1928 do ngài Ngọc Lịch Nguyệt và Ngài Thượng Trung Nhựt ký tên.

Cần lưu ý đến chi tiết, thuở ban đầu mới lập Đạo có nhiều vấn đề Đức Chí Tôn hay các Đấng dạy chư vị Tiên Khai và bắt thực hành tại chỗ ngay trong lúc đàn cơ để được uốn nắn sửa chữa cho đúng Thánh ý. Như vậy, có thể cách thực hành chấp tay kiết quả của nhị vị Đầu Sư là dựa theo sự chỉ dẫn trực tiếp của Thầy. Sự thay đổi cách chấp tay từ Nhứt Kỳ phổ độ sang Nhị Kỳ rồi Tam Kỳ được hai vị Đầu Sư giải thích như sau:

“Lạy chấp tay theo ba kỳ mở đạo Tam Giáo:

Kỳ nhứt, Đức Lão Tử dạy đạo Tiên, phải chấp hai tay Kiết Nhị như bông sen búp. Khi lạy thì xòe hai tay úp xuống đất, cúi đầu xuống ba lạy kêu là khể thủ.

Kỳ nhì Đức Thích Ca giảng sanh dạy đạo thì chấp tay Hiệp Chương Hoa Khai. Khi lạy thì giữa hai bàn tay để xuống đất cúi đầu xuống kêu là hòa nam. Khi Khổng Phu Tử giảng sanh dạy đạo Thánh cung tay đến mày mà lạy kêu là phủ phục.

9.<http://caodaibanchinhdao.org/home/vi/news/1926-1932/Van-ban-day-Cach-Lay-cua-Dau-Su-Thuong-Trung-Nhut-va-Dau-Su-Ngoc-Lich-Nguyet-nam-1928-34.html>.

Nay Đấng Chí Tôn giáng cơ tiếp diễn mở Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiệp đủ Phật Thánh Tiên là kỳ kiết quả độ đủ 92 ức nguyên nhân về nơi nguyên tu. Có câu sách Thiên Địa tuần huần châu nhi phục thi Tam Giáo quy nguyên, chấp tay hoa sen đã thành trái quả. Bên trái thuộc dương, ngón cái là mẫu chỉ, ngón trỏ là thực chỉ, ngón giữa là trung chỉ, út là tiểu chỉ, còn một ngón không tên là vô danh chỉ. Sách có câu: “Vô danh Thiên Địa chi thủy” là trước khi Trời Đất chưa khai thì một khí không không. Sau khi định hội Tý mới mở trời nên chữ Tý mới đặt ở góc ngón tay vô danh. Khi mở trời rồi mới có hữu danh vạn vật chi mẫu. Muôn vật có hình chất đều thọ nơi mẫu mới hóa sanh.

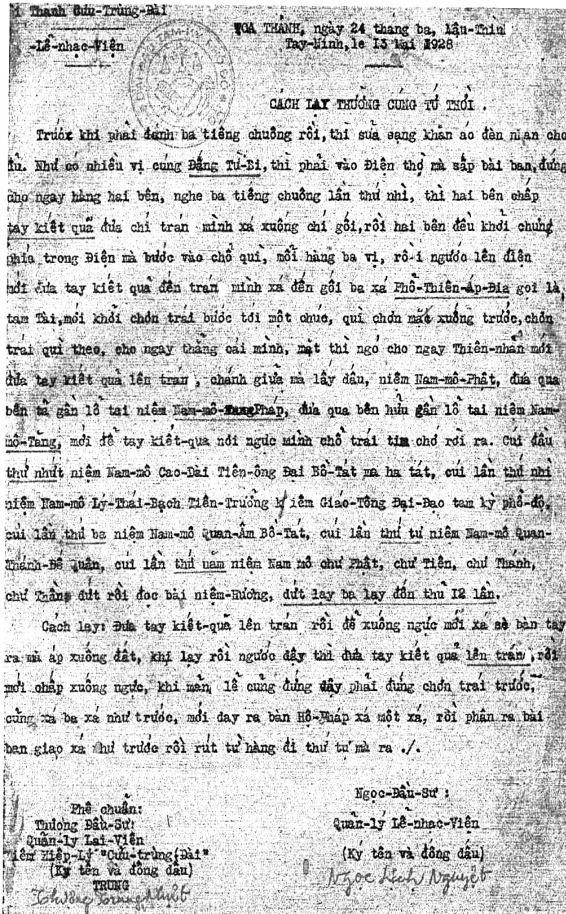
Nay đến hội Tam Kỳ Kiết Quả là độ hết cả quân linh về cõi niết bàn chẳng để một điểm chơn linh nơi miền Đông Độ nên ngón tay cái là Mẫu chỉ vào chữ Tý.¹⁰ Còn tay hữu ngón cái chỉ vào chữ Dẫn¹¹ tay tả. Bốn ngón đều bao ngoài tay tả là nhưn vật quân linh tận quy nguyên vị. Tay tả là dương mà có ngón tay hữu âm chỉ vào, còn tay hữu âm mà có tay tả dương ở trong. Vậy nên Kinh Dịch nói: Âm nội hữu chơn dương, dương nội hữu chơn âm, âm dương lưỡng cá tứ, năng hữu kỹ nhưn tri.

Như cách lạy này là thời kỳ dạy Đạo. Còn người luyện Đạo cách lạy cũng hai tay kiết quả, nhưng mà khi lạy chí đất phải để hai bàn tay giữa mới cúi đầu. Cách lạy mẫu nhiệm nghĩa lý sâu xa chưa đến kỳ Tịnh Thất nên không dám giải diệu mẫu e lậu Thiên cơ chẳng dễ.¹²

10. Chữ Tý tức cung Tý ý chỉ Trời. “Thiên sanh ư Tý.”

11. Chữ Dẫn tức cung Dẫn ý chỉ người. “Nhơn sanh ư Dẫn.”

12. Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928, tr.49. Ban hành và phụng soạn Lê Văn Trung và Lê Văn Lịch. Kinh có Hội Thánh kiểm duyệt chuẩn định.



Nếu so sánh nội dung bản hướng dẫn nghi thức bái lạy của Ban Lễ Nhạc với nội dung trong quyển kinh Tứ Thời 1928 chúng ta thấy nội dung của Ban Lễ Nhạc Viện ngày 24-3 Mậu Thìn (16-5-1928) ngắn gọn hơn nhiều. Từ đây cho thấy quyển Kinh tuy đề xuất bản 1928 nhưng có thể xuất hiện sớm nhất từ cuối quý 2 năm 1928.

Như vậy có thể nói rằng việc bắt Ấn Tý đã được Thầy dạy vào cuối tháng Chạp Ất Sửu - 1926, còn bước đầu chi tiết cách chấp

tay Ấn Tý đã được Đức Chí Tôn dạy thêm vào đầu trung tuần tháng Giêng Bính Dần – 1926.

– Lúc đầu trong cách chấp tay Ấn Tý chưa có hướng dẫn chi tiết ngón cái bàn tay phải đặt ở vị trí nào. Về sau, năm 1928, lại có thêm chi tiết này: ngón cái tay mặt bấm vào chân ngón trỏ tay trái. Hơn bốn mươi năm sau có đoạn Thánh giáo, Ôn Trên dạy lại với nội dung tương tự:

• *“Khi nhập đàn xá sâu ba xá, quỳ xuống. Tay tả, ngón cái ấn vào góc ngón áp út. Tay hữu ấn vào, ngón cái chấm góc ngón trỏ tay tả.”*¹³

Thông tri số 5–NCPS/TT Văn phòng Ngọc Chánh Phối Sư của Tòa Thánh Tây Ninh ngày 06 tháng 02 Tân Hợi (02–3–1971) nhắc lại cách bắt Ấn Tý ngón cái tay phải bấm vào cung Dần, Ấn Tý để nơi ngực.

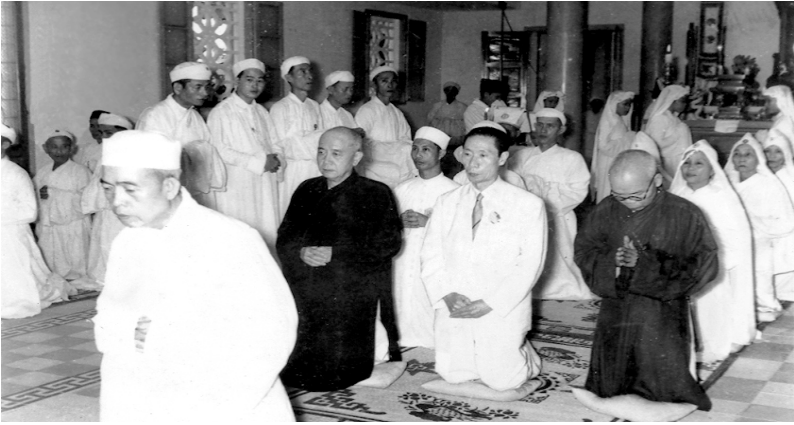
Ngày mùng 03 tháng 3 nhuận Bính Ngọ (23–4–1966,) Đức Hưng Đạo Đại Vương có giải thích thêm cho bên Minh Lý:¹⁴

Tóm lại, lúc mới đầu cách chấp tay Ấn Tý của tín hữu Cao Đài khác với môn sanh Minh Lý ở vị trí ngón cái bàn tay phải. Bên Cao Đài “ngón cái chấm góc ngón trỏ tay tả.” trong khi bên Minh Lý “ngón cái tay mặt xỏ trong tay trái.”

Trong thập niên 40, quyển kinh Thiên Đạo – Thế Đạo của Tây Ninh lại hướng dẫn đổi vị trí ngón cái tay mặt giống như cách của bên Minh Lý “xỏ trong tay trái.” Nhưng như chúng ta đã thấy, Tòa Thánh Tây Ninh có điều chỉnh nơi Thông tri số 5–NCPS/TT Văn phòng Ngọc Chánh Phối Sư ngày 6 tháng 02 Tân Hợi (02–3–1971.)

13. Đức Trung Trắc, Đạo Lý 59, tr.49, Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất, Hườn Cung Đàn, 14–9 Canh Tuất (13–10–1970).

14. Xem phụ lục cuối bài.



ĐẠO TRƯỞNG MINH THIÊN - MINH LÝ ĐẠO (ĐẦU HÀNG THỨ 2 BÊN TRÁI)
 QUỲ CHẤP TAY ẤN TÝ.

2.3. Chắp tay cúng vong

Các tín hữu Cao Đài khi chào hỏi nhau hai tay chắp lại ôm tròn. Hình thức này kế thừa văn hóa người Việt và có cải tiến.¹⁵

Hiện nay, vào đầu thế kỷ 21, hầu như cách chắp tay cúng vong của tín hữu các Hội Thánh Cao Đài đều không chắp tay Ấn Tý trừ tín hữu Hội Thánh Tây Ninh. Thông thường mọi người cũng chắp hai tay ôm tròn, bàn tay phải bao ngoài bàn tay trái nhưng 2 ngón cái gác song song trên các ngón trỏ của tay trái và tay phải.

15. “Cần lưu ý, cách chắp tay vái lạy của người Việt không phải kiểu bao quyển như người Trung Hoa hay đặt úp hai bàn tay lên nhau như người Hàn. Người Việt đan các ngón tay vào nhau rồi hành lễ.

Thời Lê Nguyễn, lạy vua cũng như vậy, vái chào người ngang hàng cũng như vậy, và hiện nay lễ Thánh, Thành hoàng, cũng vẫn lễ như vậy. Phân biệt ở việc đứng hay quỳ, có đập đầu hay không và số lần vái lạy mà thôi.

Có thể điểm qua mô tả của cha Marini về việc hành lễ của các quan thời Lê như sau: “Sau lần lạy thứ tư, họ đứng lên, hai tay giơ cao trên đỉnh đầu, các ngón tay đan chéo vào nhau bên trong ống tay áo, người cúi xuống và kính chào Bệ hạ vạn tuế.” [Ts. Trần Quang Đức: Một số cách chào của người Việt xưa].

Thật ra với Hội Thánh Tây Ninh, cách chấp tay cúng vong có thay đổi theo thời gian. Theo lời của chư vị lớn tuổi,¹⁶ lúc trước 1975, khi cúng vong không bắt Ấn Tý.

Chúng ta có tìm thấy chứng cứ qua văn bản hướng dẫn như:
“Theo quyển “Thiên Bàn tại Tư gia” do Ban Tu Thư Đạo Đức học đường ấn hành, Giáo Hữu Thượng Lý Thanh chấp bút đã được Hội Thánh kiểm duyệt ngày 10-7 Canh Tuất (11-8-1970.)

Trích Châu tri 61, 18-8 Mậu Dần (10-10-1938):

Ấn Tý: Chỉ khi nào lạy Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu mới bắt Ấn Tý...”

Nhưng một thời gian sau 1975, bộ phận nghi lễ của Hội Thánh Tây Ninh lại có quy định mới: tất cả các sinh hoạt lễ nghi đều phải chấp tay Ấn Tý. Không hiểu vì sao mà có cách thay đổi này và vì lý do gì. Cần truy tìm lại xem sự thay đổi này đã có từ thông tư nào.

3. CÁCH NIỆM DANH CÁC ĐÁNG

3.1. Khi hành lễ trước Thiên bàn Đức Chí Tôn

– Các quyển Kinh Nhật Tụng được chư vị Tiên Khai xuất bản trong các năm 1926, 1927 đều không ghi hướng dẫn cách niệm danh cách Đấng. Chúng ta chỉ tìm được lời hướng dẫn vào thuở ban sơ, trong quyển Tứ Thời Nhật Tụng Kinh:

16. Chúng tôi có trao đổi ý kiến với đạo tử Nguyễn Thị Huệ; con dâu cả Cố Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa; là đồng nhi tại Nam Vang thuở ngài Phạm Hộ Pháp lưu vong sang đó. Đạo tử cho biết khi xưa lúc cúng vong không được bắt Ấn Tý.

Trên facebook vào đầu năm 2015 cũng có một đạo hữu Tây Ninh cho biết: theo lời thân mẫu của vị này, khi trước lúc còn Hội Thánh, cúng vong không được chấp tay Ấn Tý.

“... để tay kết quả nơi ngực mình chỗ trái tim chớ rời ra, cúi đầu thứ nhất niệm (nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát,) cúi lần thứ nhì niệm (nam mô Lý Thái Bạch Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ), cúi lần thứ ba niệm (nam mô Quan Âm Bồ Tát), cúi lần thứ tư niệm (nam mô Quan Thánh Đế Quân), cúi lần thứ năm niệm (nam mô chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần), dứt rồi đọc bài Niệm Hương...”¹⁷

Vậy vị chúng đàn chủ lễ, khi cầm 3 nén nhang lúc đọc bài “Niệm Hương” vẫn phải để ở nơi ngực.

– Nhưng đến thập niên 30, trong quyển Nghi Tiết Đại Đàn-Tiểu Đàn và kinh Lễ của Hội Thánh Tây Ninh lại hướng dẫn trở lại, niệm danh Đức Quan Âm trước Đức Lý.¹⁸

Sau đó, Kinh Thiên Đạo-Thế Đạo (1936) của Hội Thánh Tây Ninh hướng dẫn sửa đổi như sau:

“... rồi để ngay ngực mà niệm:

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nam Mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Nam Mô chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần.”

Sau này, Hội Thánh Ban Chính Đạo có thay đổi lại 2 câu niệm danh Đức Lý Giáo Tông và Đức Quan Âm theo thứ tự vị trí của Tam Trấn, y như hướng dẫn của quyển kinh năm 1928. Về hình tướng, trong thực tế chúng ta thấy đa số chư vị chúng đàn hai tay cầm nhang để nơi trán mà nguyện.

17. Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928, tr. 48.

18. Thứ tự Tam Trấn trong số văn của Hội Thánh Tây Ninh cũng vậy.

– Tuy nhiên, sau này Ôn Trên có hướng dẫn rõ cách niệm mới tổng quát và tương thích với cách thờ phượng như hiện nay:¹⁹

“Đưa lên giữa trán niệm: Nam Mô Phật.

Đưa qua bên tả niệm: Nam Mô Pháp.

Đưa qua bên hữu niệm: Nam Mô Tăng.

Xá sâu xuống niệm:

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

Nam mô Tam Giáo Đại Tôn Sư.

Nam mô Tam Trấn Oai Nghiêm.

Nam mô Chư Phật, Chư Tiên, Chư Thánh, Chư Thần cảm ứng chứng minh.

Rồi lạy hoặc đọc kinh tùy các em hành sự.”²⁰

3.2. Niệm khi lễ bái Đức Mẹ

19. Đoạn Thánh giáo sau cho chúng ta thấy:

“Trưng Trắc – Chị mừng chung toàn thể nữ đạo các em đàn tiền thành tâm an tọa nghe chị lưu bút. Nay các em nữ đạo, giờ linh Chị rọi điển nơi trung đàn lưu lại các em đôi đoạn hầu thẩm nhuần để làm gương mẫu khỏi hoài công Đức Mẫu Hoàng đã từ lâu hạ trần giáo đạo. Vậy các em cần lưu ý. Giờ nay chị rọi điển linh giáo truyền hưởng dẫn các em về phần nội dung của nền Đại Đạo.

Chỉ một điều quan trọng khi nhập đàn đánh lễ tập thể làm mất vẻ trang nghiêm theo quy tắc của nền Đại Đạo, nhất là các em nữ đạo. Vậy khi nhập đàn, cần theo quy tắc thế nào, các em nữ đạo khá thành tâm phân bạch cùng chị?

Bạch Cúc bạch: Con xin lãnh chịu vì con đã yếu sức khỏe.

– *Còn phần quan trọng hơn?*

Bạch Cúc bạch: Xin Ôn Trên tha thứ vì đã không theo thứ tự lớn nhỏ.

– *Ban ơn các em an tọa nghe chị bổ túc: Nay các em, khi nhập đàn xá sâu ba xá, quỳ xuống, tay tả ngón cái ấn vào góc ngón áp út; tay hữu ấn vào, ngón cái chấm góc ngón trở tay tả.*

20. Đạo Lý 59, Huần Cung Đàn, 14-9 Canh Tuất (13-10-1970), tr. 49.

Hướng dẫn trong kinh của Hội Thánh Tây Ninh như sau:

“*Chấp tay kiết quả, xá ba lần, quỳ xuống và niệm.*”²¹

– *Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.*

– *Nam mô Cửu Vị Nữ Phật.*

– *Nam mô Bạch Vân Động Chủ Thánh.*”²²

Lời dạy về cách niệm này xuất phát từ đâu, qua Thánh giáo nào vẫn còn là một ẩn số!

3.3. Xá-quỳ

Cho đến nay chúng ta vẫn chưa tìm thấy đàn cơ nào hướng dẫn những nghi thức xá-quỳ của Ôn Trên. Duy chỉ có quyển Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928, nhị vị Tiên Khai Đầu Su viết:

“... *bước vào chỗ quỳ... rồi ngược lên điện mới đưa tay Kiết quả đến trán... xá đến gối ba xá, phối Thiên áp địa gọi là tam tài. Mới khởi chơn trái bước tới một chút, quỳ chơn mặt xuống trước, chơn trái quỳ theo cho ngay thẳng cái mình. Mắt thì ngó cho ngay Thiên Nhân mới đưa tay Kiết quả lên trán...*”²³

4. LẠY VÀ GẬT

4.1. Lạy với ý nghĩa về Nhân sinh quan và Vũ trụ quan

Chúng ta thấy mỗi tôn giáo có cách bái lạy riêng của mình. Tín hữu Cao Đài khi chấp tay cúi xuống lạy thì úp 2 bàn tay xuống, 2 ngón cái gác chéo nhau và 8 ngón còn lại xòe ra.

Trong quyển Luận Đạo Vấn Đáp xuất bản năm 1927, ngài Nguyễn Trung Hậu giải thích ý nghĩa của động tác bái lạy:

21. Không có lấy dấu Tam Quy.

22. (Đây là hướng dẫn trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Tây Ninh). Cần tiếp tục tìm Thánh giáo, Đấng Thiêng Liêng nào dạy việc này vào khi nào?

23. Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928, tr.48.

– Với bán trình thứ nhất: Cúi lạy.

“Nay Đạo đã hoằng khai thì như bông sen đã nở, rồi sanh ra trái, gọi là kết quả, ấy là hai tay ôm tròn lại như trái cây vậy. Mà kết quả rồi không phép hưởng riêng một mình, phải gieo ra cho chúng sanh chung hưởng, gọi là phổ độ. Vì vậy mà khi cúi lạy phải xoè hai bàn tay ra như gieo hạt vậy.”

1928, trong Tứ Thời Nhật Tụng Kinh, hai vị Đầu Su Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt trình bày thêm chi tiết:

“Cách lạy, đưa tay kiết quả lên trán rồi để xuống ngực mới xá, xoè bàn tay ra mà úp xuống đất khi lạy rồi ngược dậy thì đưa tay kiết quả lên trán rồi mới chấp xuống ngực.”²⁴

Như vậy, nửa đầu của động tác lạy mang Lý Đạo về Nhân Sinh Quan – Thế Đạo của tín hữu Cao Đài.

– Với bán trình thứ hai, ngẩng người lên.

Ý nghĩa đã được ngài Nguyễn Trung Hậu giải thích:

“Lại nữa, cách lạy ấy cũng do theo ý nghĩa của cuộc tạo Thiên lập địa. Tay mặt úp ngoài tay trái gọi là âm dương tương hiệp. Khí âm ngậm khí dương mới sanh ra Thái Cực là hai bàn tay ôm tròn lại đó. Thái Cực sanh Lưỡng Nghi là hai ngón cái; khi lạy hai ngón cái chéo nhau hình chữ thập, gọi Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng; đoạn 8 ngón tay kia trải ra gọi là Bát Quái.”²⁵

Tuy chúng ta chưa tìm được Thánh giáo thuở ban sơ dạy chi tiết cách bái lạy với ý nghĩa Thái cực – Lưỡng nghi – Tứ tượng – Bát quái... nhưng chắc chắn những lời ngài Bảo Pháp viết ngay từ năm 1927 phải có căn cứ vào lời dạy của Ôn Trên.

24. Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928, tr. 48.

25. Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Luận Đạo Vấn Đáp, Septembre 1927, tr. 23.

Sau mỗi lạy, chắp tay kiết quả trở lại. Động tác này mang ý nghĩa về Vũ Trụ Quan, nói về đường Thiên Đạo của tín hữu.

- Hành động “Chắp Tay Kiết Quả Ấn Tý và lạy” thể hiện sự khởi nguyên của vạn vật rồi sanh hóa: Biến hóa và tiến hóa. (Nhứt bốn tán vạn thù, phóng phát).

- Khi “Lạy xong, tiếp tục Kiết Quả” thể hiện sự hoàn nguyên (các ngón tay và hai bàn tay ôm tròn trở lại) rồi quy nguyên (Vạn thù quy Nhứt bốn).

Phương cách hoàn nguyên và quy nguyên liên quan đến phương pháp công phu.

Mỗi người, thân xác của chúng ta là Tiểu Thiên địa tương ứng với Đại Thiên địa. Hễ Trời có những món báu gì thì con người cũng có các món đó, nhưng những cái có nơi con người đã bị phân tán vì thập tam ma là thất tình lục dục. Để thu hồi lại các món báu này là Tam bửu “Tinh Khí Thần,” trong đó cái con người bị khiếm khuyết nhiều nhất chính là Thần, do đó công phu là phương cách phục hồi hữu hiệu nhất.

Việc công phu được chia làm 2 phương pháp từ thấp đến cao, đó là cúng kính và tu luyện.

Tóm lại, qua những tài liệu đã được xuất bản năm 1927 và 1928, chư vị Tiên Khai Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài đã ghi lại động tác lạy cùng cả hai ý nghĩa về nhân sinh quan và vũ trụ quan, thể hiện phương tu trong thời Tam Kỳ Phổ độ: song hành việc phổ độ và tu luyện.

4.2. Gật và niệm

Khi mới lập Đạo, Đức Chí Tôn có dạy số lần phải gật mỗi khi lạy các Đấng Thiêng Liêng và con người (sống và đã chết) có ghi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

“Lạy kẻ sống thì hai lạy là tại sao? Là nguồn cội của nhơn sanh lưỡng hiệp Âm Dương mà ra. Ấy là Đạo.

Vong phàm bốn lạy là tại sao? Là vì hai lạy là của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.

Lạy Thần lạy Thánh thì ba lạy là tại sao? Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy Tinh Khí Thần hiệp nhưít. Ấy là Đạo.

Lạy Tiên lạy Phật thì chín lạy là tại sao? Là tại chín Đấng Cửu Thiên khai hóa.

Còn lạy Thầy mười hai lạy là tại sao?”

Cần lưu ý đến số lần gập và niệm đã được Thầy nhắc:

“Trung... vô giữa lễ bái, cho Thầy coi... Con làm lễ trúnng, song mỗi gập, con nhớ niệm câu chú của Thầy: “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.”

Trong thực tế hành đạo, chúng ta thấy các tín hữu Tây Ninh mỗi khi lạy đều gập đầu rất chậm để có đủ thời gian niệm danh Thầy sau mỗi gập. Đây chính là pháp môn công phu ngoại mỗi khi cúng.

5. ĐỨNG LÊN

“Khi mãn lễ cúng đứng dậy. Cũng đứng chơn trái trước, cũng xá ba xá như trước mới xoay (xoay) ra bàn Hộ Pháp xá một xá.”²⁶

So sánh nghi thức bái lễ giữa Cao Đài và các tôn giáo khác, chỉ có bên Cao Đài người tín hữu mới phải xoay lại xá bàn Hộ Pháp để hoàn tất việc hành lễ. Tuy chưa tìm thấy Thánh giáo dạy về việc này nhưng ít ra chúng ta cũng thấy chi tiết này:

– Chỉ có sau khi nghi tiết thiết lập bàn Hộ Pháp với chữ Khí được Ổn Trên hướng dẫn trong ba tháng Lễ Thánh Thất – Khai Minh Đại Đạo.

26. Tứ Thời Nhật Tụng Kinh 1928, tr. 48.

– Được hai vị Đầu Sư đầu tiên đã ghi nhận trong quyển kinh Tứ Thời Nhật Tụng xuất bản năm 1928.

Về sau, khi cội Cao Đài giáo phân nhánh, vài Hội Thánh có thay đổi chút ít động tác chân khi đứng lên hay chiều xoay lại bàn thờ Hộ Pháp.

Ngay cả trong Hội Thánh Tây Ninh cũng có một ít bộ phận tín hữu không giữ đúng theo cách thức ban đầu. Năm 1972 trong một đàn cơ, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có nhắc lại:

“Bảo Đạo²⁷ hỏi:

Cúng Phật Mẫu khi bái đàn có nên xoay ra phía ngoài xá như ở Đền Thánh hay không? Và khi xoay ra phải xoay bên mặt hay bên trái? Chỉ ở Địa Linh Động, hai bên nam nữ mỗi bên xoay một chiều khác nhau. Xin Đức Ngài chỉ giáo.

– Hộ Pháp: Hội Thánh ra lệnh hành lễ y nhau hết.”²⁸

Vì sao, chỉ xá bàn Hộ Pháp có một xá?

Sanh thời, chiều ngày mùng 9 tháng Giêng năm Đinh Hợi (30-01-1947), thiết lễ An vị Ngôi Báo Ân Từ, ngài Phạm Hộ Pháp có dạy:²⁹

“Khi cúng rồi phải day ra [sau] xá một xá, cũng như ở Đền Thánh vậy. Nên hiểu, không phải xá Hộ Pháp, mà là xá để kính chào Khí Sanh quang, tức là nguồn cội của Pháp biến sanh vạn vật. Trước là Pháp Tăng gọi là Tam Quy, trong Pháp ấy xuất hiện Phật Mẫu, kế tiếp vạn linh, vạn vật, v.v.

Mặc dầu nơi đây không có thờ chữ Khí mà buộc mình phải xá ra, đó là lòng tin tưởng biết ơn và chào mạng sanh của chúng ta đó vậy.”

Tuy nhiên trong diễn tiến sinh động của cuộc sống, chúng ta thấy

27. Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa.

28. Đàn tại Cung Đạo Đền Thánh, 25- 6 Nhâm Tý (04-8-1972).

29. Theo Cao Đài Tự Điển – Nguyễn Văn Hồng – Báo Ân Từ.

đã có những tranh cãi xoay quanh việc này. Tòa Thánh Tây Ninh đã phải có những văn bản hành chánh điều chỉnh đi điều chỉnh lại. Sau những đấu tranh của Giáo Sư Hương Tranh, con gái Đức Hộ Pháp cuối cùng đã đi đến thống nhất vẫn xoay lại phía sau xá một xá.³⁰

■
Tóm lại, về phương diện nghi thức bái lạy, theo diễn tiến của thời gian chúng ta thấy:

1. Khởi đầu, tháng Chạp Ất Sửu (đầu năm 1926) khi 2 nhóm Vô vi và Phổ độ hiệp tác với nhau, chư vị Tiên Khai theo hướng dẫn của ngài Ngô Văn Chiêu còn chấp tay như thuở Nhị kỳ và cách lạy chỉ có một lạy với 12 gặt.

Đến cuối tháng Chạp, Đức Cao Đài dạy chung cho 2 nhóm Vô vi và Phổ độ cách lấy dấu Tam Quy với Ấn Tý, rồi niệm danh hiệu Thầy.

Chỉ lấy dấu Tam Quy khi hành lễ Đức Chí Tôn mà thôi.

Những khi cúng Đức Mẹ hay lễ bái ở các nơi thờ tự khác của các tôn giáo như chùa, nhà thờ, đình, miếu, v.v. đều không có lấy dấu.

2. Sang đầu năm Bính Dần (1926) Đức Chí Tôn mới dạy quý vị chi tiết cách Chấp tay Ấn Tý và cách lạy Thầy cùng Thần Thánh Tiên Phật...

Cách “chấp tay kết quả” thời Tam Kỳ là diễn tiến phát triển đã đến thời kỳ hoa kết trái. Ngay từ những tháng đầu mới Lập Đạo, cách chấp tay ấn Tý đã được hướng dẫn có ý nghĩa “Thiên Nhân hiệp nút” với 2 vị trí phải bấm vào là cung Tý và cung Dần. Chỉ chấp tay Ấn Tý mỗi khi hành lễ Đức Chí Tôn và Đức Mẹ mà thôi.

Các tín hữu Cao Đài khi hành lễ các Đấng Thiêng Liêng khác cũng như khi cúng vong hay khi chào hỏi nhau, cũng thực hiện

30.<http://www.daotam.info/books/v/pdf/pdf2/SuuTap-DaoSuVanThu-T2.pdf>.

hình thức “quả tâm–kiết quả” nhưng không bắt ấn Tý mà hai ngón cái đặt song song nhau.

3. Cách xá theo ý nghĩa “tam tài” có thể được kế thừa theo truyền thống Á Đông xưa kia. Tất cả tổng quát nghi thức bái lạy thuở đầu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ xá cho đến lấy dấu Tam Quy, cách niệm danh các Đấng, v.v. chúng ta thấy hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt đã hướng dẫn trong bản văn của Ban Lễ Nhạc Viện ngày 24-3 Mậu Thìn (13-5-1928).

Về cách quỳ, đã được Ôn Trên hướng dẫn từ khi nào, chúng ta cần phải tiếp tục tìm kiếm. Nhưng căn bản vào thuở ban đầu như hướng dẫn của Lễ Nhạc Viện, đầu quỳ xuống hay đứng lên đều phải khởi động chân trái. Và khi xoay trở lại bàn Hộ Pháp, đầu nam hay nữ đều lấy bên trái làm chuẩn để xoay.

Tất cả đều mang ý nghĩa: Khi dụng pháp, âm dương hòa hiệp, nhưng bao giờ dương cũng phải khởi trước như Lý Đạo của Càn Khôn.

Về sau, khi phân ra các Hội Thánh trong Đại Đạo mới có sự phân biệt phương hướng xoay lại bên trái hay bên phải tùy đối tượng là nam hay nữ.

4. Về cách niệm danh ban đầu 5 câu gồm: Danh Thầy, danh Tam Trấn cùng chư Thiên được dạy từ khi nào, chúng ta phải tiếp tục tìm kiếm. Nhưng chắc chắn nghi thức này cũng phải có trước Rằm tháng 10 Bính Dần – Lễ Thánh Thất (Khai Minh Đại Đạo) tương ứng với nghi thức thờ phượng ban sơ đã được Đức Cao Đài hướng dẫn lúc mới Lập Đạo.

Về thứ tự khi niệm danh Tam Trấn:

- Ban đầu niệm danh đúng theo trật tự của Tam Trấn.
- Nhưng đến giữa thập niên 30, trong quyển kinh Lễ của Hội

Thánh Tây Ninh lại hướng dẫn trở lại, niệm danh Đức Quan Âm trước Đức Lý.

Sau khi có sự biến hóa để nảy sinh thêm các Hội Thánh, 5 câu niệm khi hành lễ Đức Chí Tôn được Ôn Trên hướng dẫn tổng quát và chi tiết hơn bao gồm: Niệm danh Đức Cao Đài, danh Đức Mẹ, Tam Giáo Đạo Tổ, Tam Trấn Oai Nghiêm và Chư Phật, Tiên, Thánh, Thần.³¹

5. Về cách lạy, hai bàn tay ngửa ra với chữ vị tu theo pháp Chiếu Minh vô vi nhưng với người tu Phổ độ thì hai bàn tay úp xuống với hai ngón tay gát chéo nhau. Mỗi khi Lạy Thầy, mỗi gập đều niệm danh cho đủ. Đây là pháp công phu ngoại.

6. Nghi thức lễ bái Cao Đài giáo ẩn tàng Lý Đạo âm dương song hành Thế Đạo và Thiên Đạo, từ ý nghĩa của việc lấy dấu Thánh Nghi – Tam Quy cho đến ý nghĩa của chấp tay Ấn Tý khi bái lạy.

Tất cả đều thể hiện Lý Đạo của phương hướng thực hành 2 bước nối tiếp nhau: Phổ độ rồi tu luyện để tiến đến song hành cả hai trong một kiếp trần sinh.■

PHỤ LỤC

“Đây nói về lễ bái. Đã có Hội Thánh, tức đã có Tam tài chi đạo, Tam giáo chi sư, thì phải đặt lòng chiêm ngưỡng mà hồi hướng, để tinh thần hội vào đó, đặng đồng nhứt cùng Đạo.

Đồng nhứt cùng Đạo, nghĩa là sao?

– Bí quyết ở trong sự lễ bái.

Lễ là trật tự, khuôn phép. Bái là sự cung kính. Có cung kính,

31. Hội Thánh Truyền Giáo rút gọn chỉ niệm 3 câu:

- Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
- Nam mô Tam Giáo Tam Trấn.
- Nam mô Chư Phật chư Tiên chư Thánh chư Thần.

mới hạ thấp được cái kiêu khí, cái ngạo mạn. Có trật tự mới sống được an bài, thanh tịnh. Lễ là Đạo lý ở trong lòng, mà hiện ra bên ngoài là bái. Bái nghĩa là cung kính.

– Tại sao nói là đạo lý?

– Hai tay chấp lại, trước hết là tỏ lòng kính mến. Tay trái là dương, tay mặt là âm. Âm dương hợp nhất là Đạo.

Mỗi tay có năm ngón, mỗi ngón có một tên: ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út, gọi là năm hành. Đầu ngón cái ấn vào cung Tý. Ngón vô danh gọi là “Vô danh thiên địa chi thi.” Ngón cái là “Hữu danh vạn vật chi mẫu.” Bắt ấn Tý là Thiên khai ư Tý, mà Đạo cũng phát hiện tại đó. Bàn tay mặt cũng có năm ngón gọi là năm thường.

Ngón cái tay mặt xỏ trong tay trái. Tay trái nắm lại, rồi tay mặt bao ngoài, gọi âm trung hữu dương là Khâm, dương trung hữu âm là Ly. Trong tay trái có ngón âm, trong tay mặt có ngón dương. Âm dương hiệp một gọi là Đạo.

Xoè ra, hai ngón cái chống chữ thập, gọi âm dương giao phối mà tác thành bát quái là tám ngón: Càn, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Bát quái biến hóa vô cùng, sanh thành Càn Khôn vũ trụ.

Nhập đàn, nam nữ phân ban, bước vào chún đứng chữ Bát, là trụ trên Bát Chánh Đạo. Đưa tay lên trán là Thiên, xá xuống là Địa, để vào ngực là Nhơn. Thiên địa nhơn là tam tài chi đạo. Lạy xuống ba lần, mỗi lần ba lạy, gọi một mà ba, ba mà một, $3 \times 3 = 9$, $3 + 9 = 12$.

3 là tinh khí thần.

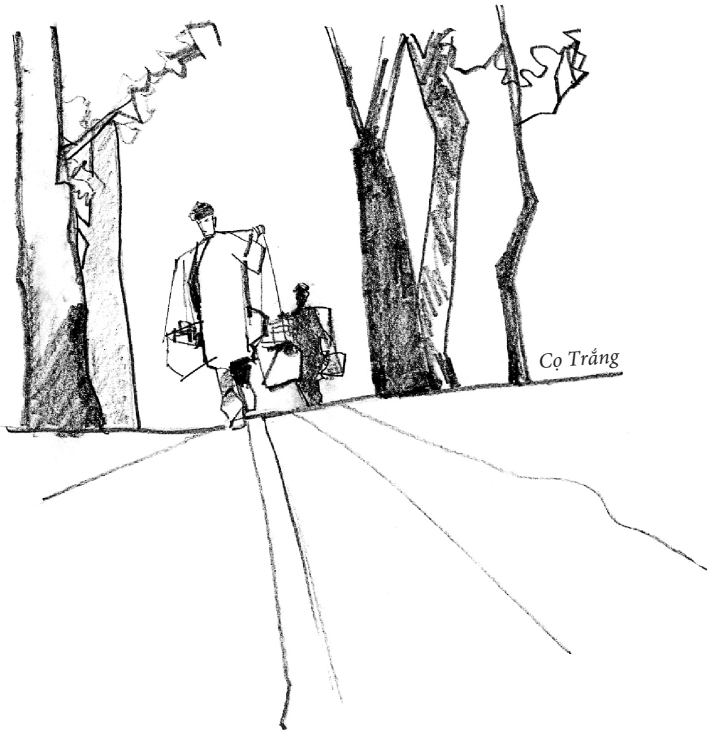
9 là Cửu Thiên khai hóa.

12 là thập nhị khai Thiên.

Mà về phần Đạo Pháp thì: tinh, khí, thần hiệp nhất, thông cửu khiếu, đắc thập nhị trùng lâu, mà phát Kim đơn nhập Thánh. Thôi. Cần nghiên cứu lại, rồi sẽ giải tiếp theo...”■

Bài học từ hai câu chuyện **trong trang sử đạo**

■ **TRẦN BỬU LONG**



TIỀN BỒI LƯƠNG VĨNH THUẬT VÀ TỬ LINH ĐỒNG TỬ

Xin thành kính hưởng nguyện về một trong những người con trọn đời trung kiên với Thầy với Đạo, tiền bối Thanh Long Lương Vĩnh Thuật (1918–1982).

Tiền bối Lương Vĩnh Thuật đến với Cao Đài từ năm mười lăm

tuổi, năm 1933. Việt Nam lúc bấy giờ là đương thời của Đại Nam Hoàng Đế Bảo Đại dưới quyền bảo hộ của Pháp. Pháp-thuộc là một giai đoạn trong lịch sử Việt Nam kéo dài 61 năm, bắt đầu từ 1884, khi Pháp ép triều đình Huế chịu quyền bảo hộ, đến 1945, lúc Pháp mất quyền cai trị ở Đông Dương.



Tiền bối Thanh Long sinh vào ngày 13-02 Mậu Ngọ (25-3-1918) tại làng Kỳ Lam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Tên tộc là Lương Tam Sách, tên đi học là Lương Hữu Thành. Tiền bối một đời dâng hiến cho Thầy cho Đạo, thể hiện trong những câu thơ tự cảm:

*Ta có gì mà thương mà tiếc
Ta có gì mà thiết mà tha
Tấm thân không cửa không nhà
Con là non nước, vợ là cỏ cây*



HÌNH TRÊN: TỨ LINH ĐỒNG TỬ.

Là một trong Tứ Linh Đồng Tử trong đoàn truyền giáo Trung Bộ đi Quảng Nam vào ngày 15-9 Giáp Tuất 1934. Tuổi đời rất trẻ, Tứ Linh gồm bốn thanh thiếu niên 14-19 tuổi, góp mặt trong “Khúc đạo đầu” đầy khắc nghiệt của bản hùng ca bi tráng trong hành trình đem đạo ra Trung... Chưa tròn năm, đầu tháng 4-Ất Hợi (1935), Kim Quy thọ trọng bệnh; 04-6 Ất Hợi, Bạch Phụng mất. Kim Quy mất 04-9 Ất Hợi. Xích Lân sau đó mất niềm tin, rời chuyển xe khai Đạo Trung kỳ.

Thánh thất Trung Thành, hơn ba năm sau, ngày 15-10 Mậu Dần (06-12-1938). Tiền bối Bạch Phụng được Thánh sắc Bạch Phụng Đồng Tử. Ngài giảng cơ, tặng cho tiền bối Thanh Long một bài thơ dài mà Ngài tạm gọi là “*Triều Tiên Lược Truyện*”, trong đó kể chuyện lên trời triều kiến Thái Sơn Tiên Trưởng và Xích My Lão Tổ... có đoạn:

*Triều Tiên mây cuộn trăm chiều
Lắt lay từng bá hiu hiu gió đùa
Cây trĩu quả, quả chua quả đắng
Cành trở hoa, hoa trắng hoa hồng (...)*

*Tháo then, mở hoát cửa Càn
Lọt lòe một đạo hào quang muôn nghìn (...)
Mối sầu canh cánh đôi bên
Nỗi QUY chuyển kiếp, LÂN quên lời thề (...)
Lỗi thề trách tại KIM QUY
Tái sinh Yên Bái, Bắc kỳ, Lý gia...*

Như vậy, bốn chỉ còn lại một, không còn Đồng Tử Tú Linh, theo thánh lệnh, tiền bối Thanh Long kết hợp với tiền bối Trần Quang Châu đạo danh Bạch Hổ tạo thành cặp Phò Loan Thanh Long – Bạch Hổ như Thiên cơ đã định:

*Bao giờ Hổ hội cùng Long
Bên ngoài sắp đặt bên trong an bài...*

Tiền bối Thanh Long rất tâm đắc nhân vật An Tiêm cùng tác phẩm “Quả Dưa Đở” của tác giả Đỗ Nam Nguyễn Trọng Thuật. Tương ngộ trong nghĩa tri âm và tình bạn vong niên, tiền bối xin phép cụ Nguyễn Trọng Thuật đổi tên mình thành Lương Vĩnh Thuật.

Tiền bối Thanh Long – Lương Vĩnh Thuật tiếp tục hành đạo ở Trung kỳ cho tới ngày về phục lệnh Thấy (08-12-1982), thọ 64 tuổi.

Có tài văn chương thi phú, tiền bối Lương Vĩnh Thuật với bút hiệu Hành Sơn, lưu lại nhiều nghiên cứu về dịch lý, y học... mà đặc biệt là *Hồi Ký Lương Vĩnh Thuật*, một tư liệu quý báu cho những nghiên cứu sử đạo Cao Đài. Hai câu chuyện dưới đây trích từ tập hồi ký này. Không xa lạ với tín đồ Cao Đài, nhưng mỗi khi nghe lại, chúng ta lại được như mới mẻ tắm gội tâm hồn và thấm đượm đức tin vào dòng sông tình thương bao la của Đức Chí Tôn.

1. CÂU CHUYỆN THỨ NHẤT

Thánh tịnh Đại Thanh, giờ Tý, 24-8 Giáp Tuất 1934. Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về truyền đạo ra Trung kỳ:

“... Ngày nay một phận sự quan hệ là truyền Đạo Trung Kỳ. Bang, Thầy sai con và Tú Linh Đồng Tử khá kíp về Trung đặng hoát khai Chơn Đạo. Con tính sao?”

(Anh Trần Công Bang bạch: Chúng con không dám trái mạng Thầy, nhưng sợ không đủ sức...).

Vẫn biết Trung là khó, các con phải chịu khó hơn ai hết, mà không sao con, chi chi cũng có Thầy. Nếu Thầy sai một con nào có tên tuổi e không khỏi điều trắc trở, vậy con chớ chối từ...”

THI

*Khó nhọc chi chi cũng vẹn lòng
Thầy giao phận sự khá làm xong
Đường trường ví có xa nghìn dặm
Thuận gió buồm trương cũng dễ hồng...*

Mạnh Tử có câu: “*Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa*” (Thuận cơ Trời không bằng lợi thế về địa lý, không gian; được địa lợi không bằng có được lòng người). Hai chữ “*Thuận gió*” là lời Thầy nhắc dạy sự gìn giữ nhân hòa giữa gian truân Trung kỳ, để hiệp với ý của Trời. Đây chính là con đường phổ độ mà Thầy đã vạch ra từ lời Thánh huấn ngày rằm tháng chín Bính Dần (1926):

*Từ đây nòi giống chẳng chia ba
Thầy hiệp các con lại một nhà
Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc
Chủ quyền chơn đạo một mình Ta.*

Khi đó, các bậc chí sĩ có tinh thần cách mạng cũng đã bày tỏ thiện cảm với đạo Cao Đài. Đơn cử là nhà cách mạng Sào Nam Phan Bội Châu (1867–1940) mừng lễ khánh thành Thánh thất với câu đối:

*“Khế bách thánh vu nhất tâm, minh tắc thành hỹ, thành tắc minh hỹ/
Đoàn tam kỳ vu nhất thể, Thiên hữu nhân yên, nhân*

*hữu Thiên yên*³(Hợp các Thánh ở một Tâm, sáng ắt thành, thành thì phải sáng/ Gom ba kỳ về một thể. Trời có trong người, mà trong người cũng có Trời vậy).

Rạng sáng ngày 15-9 Giáp Tuất (Thứ hai 22-10-1934), tại Thánh tịnh Thanh Quang, Đức Chí Tôn giáng cơ cho một bài thi, vừa điểm danh vừa tiễn chân, vừa nhắn nhủ, lại ẩn chứa một tiên tri:

*Long, con hãy nặng phần trách nhiệm
Bảng Quy, Lân, Phụng, nhắm rừng non
Lời Thầy gắng nhớ nghe con
Dấu chi đi nữa cũng còn Thầy đây.*

Sáng hôm sau, đoàn sứ giả Cao Đài lên đường về Quảng Nam thi hành sứ mạng truyền đạo Trung Kỳ. Đoàn sứ giả danh nghĩa thật lớn lao, nhưng thực tế chỉ một đoàn thanh thiếu niên vô danh gồm bảy người đứng như Đức Cao Đài phán dạy:

Trần Công Bang, 29 tuổi, quê Bất Nhị, Pháp Đàn.

Thân Đức Giang, 25 tuổi, quê Câu Nhị, Diển Ký.

Thanh Long, 17 tuổi, quê Bảo An, Đồng Tử.

Bạch Phụng, 19 tuổi, quê Bất Nhị, Đồng Tử.

Kim Quy, 16 tuổi, quê Bất Nhị, Đồng Tử.

Xích Lân, 14 tuổi, quê Bất Nhị, Đồng Tử.

Trần Quang Châu, 20 tuổi, quê Tư Phú, Độc Giả.

Tất cả đều ở huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Đoàn sứ đồ mang trên vai trọng trách gánh tân giáo Cao Đài ra Trung kỳ ngay giữa thời điểm lửa bỏng dầu sôi khi chính quyền nơi đây cấm đạo, kinh tế và đời sống nhân dân miền Trung đang hết sức khó khăn... Đây là một trang sử thi tráng lệ mà vô cùng cảm động. Chúng tôi chỉ xin kể lại đây một trong những khúc bi

1. Yên, âm khác là diên (焉), chữ dùng cuối câu, có nghĩa: Vậy.

tráng nhất trong hành trình của những tiền bối Cao Đài rất trẻ, đã dệt những nét son hào hùng vì đạo quên thân.

Hành trình đem đạo ra Trung lúc ấy như một “điệp vụ bất khả thi”, gian nan chắt ngất như núi cao, nhọc nhằn trải tựa sông dài. Có biết bao câu chuyện cảm động, những tấm gương quên mình. Chuyện về gia đình bà Mục Cửu là một thí dụ.

Chồng mất sớm, bà Mục Cửu lo chu toàn cho năm trai và một gái, các tiền bối: Lê Văn Cửu (Hương Bồn), Lê Văn Liêm (độc thân), Lê Văn Bặc (có vợ Mai Thị Lê), Lê Thị Niệm (chồng là Điển Ký Thân Đúc Giang), Lê Văn Phụng (Bạch Phụng), Lê Văn Quy (Kim Quy). Trong đó, Bạch Phụng và Kim Quy là hai trong Tứ Linh Đồng Tử, có tên trong bài Thánh thi điểm danh vừa kể của Đúc Chí Tôn.

Qua sự hướng dẫn của hai anh Trần Công Bang, Lê Văn Liêm. Cuối năm Nhâm Thân 1932, gia đình bà Mục Cửu cùng nhập môn đạo Cao Đài, trở thành những môn đồ Cao Đài đầu tiên tại Quảng Nam. Căn nhà của bà là “căn cứ địa” mở đường truyền bá nền đạo Cao Đài ra Trung Kỳ.

Đưa gia đình vào Sài Gòn năm 1933 để chuyên tâm hành đạo, rồi trở về Quảng Nam năm 1934 để sắp xếp gia sự, thì mừng ba tháng tám 1934 bà hay hung tin hai con Lê Văn Bặc và Lê Văn Liêm cùng mất một ngày. Mệt mỏi như cảm mạo thông thường mới một ngày, bất ngờ lúc 12 giờ đêm mồng 2 rạng mồng 3, sau một cơn sốt dữ dội khoảng một giờ, anh Lê Văn Liêm lìa trần. Cũng trong tình trạng đó, 12 giờ trưa ngày hôm sau, anh Lê Văn Bặc đi theo. Như vậy chỉ trong thời gian 12 tiếng đồng hồ hai anh em vĩnh biệt trần gian... (Mười hai ngày sau, 14-8 Giáp Tuất (02-9-1934) Đúc Lý Giáng Cơ tại Huỳnh Long Phủ cho biết:

“Lê Văn Liêm đắc vị: Lục My Chơn Thánh và Lê Văn Bặc đắc vị Ngọc Quế Chi Lan Thần...”

Dù khuất bóng trên đường nhân gian, Lục My Chơn Thánh và Ngọc Quế Chi Lan Thần vẫn không vắng mặt trên con đường sứ mạng, hai vị âm phù mặc trợ, nương cơ bút để luôn cận kề bên phái đoàn khai đạo Trung kỳ.

Mùa đông năm đó, cụ bà Mục Cửu nhuộm bệnh. Sau hơn tuần cảm mạo, bệnh tình không thuyên giảm, các thời y đều bất lực. Tiền bối Trần Công Bang cầu Thần Tiên xin thuốc thì Thiêng Liêng chỉ khuyên trai giới tinh tấn. Gia cang ảm đạm... lúc đó Lục My Chơn Thánh Lê Văn Liêm, về cơ khuyên nhủ mẹ, bài thi rất cảm động:

*Con Thanh Liêm khấu đầu trăm lạy
Cầu lượng Thầy năm bảy bốn ba
Trước đây thọ lệnh Bửu Tòa
Ít lời nhắn nhủ mẹ già an vui
Nơi Tiên Cung ngâm ngùi dạ ngọc
Nhìn thấy đời biết khóc cùng ai (...)
Gẫm cuộc thế phải sao chịu vậy
Luật Thiên điều cái lầy đặng đâu
Lao đao đành chịu dài dẫu
Có xa trần thế mới hầu lên tiên
Đừng chi vội than phiền hờn trách
Kiếp con người bốn vách trăm lung
Tử sinh lão bệnh chập chông
Dẫu cho trăm tuổi cũng trong luân trần
Gia đình ta chí tâm mộ đạo
Đạo còn cao khảo đảo còn nhiều
Đây Hồng Trần, đây Linh Tiêu
Cách nhau chỉ có một điều là tâm.*

Hai câu cuối. Ngẫm nghĩ, chúng ta sẽ hiểu. Cùng một sứ

mạng, một đoạn đường, nhưng kết quả lại khác nhau. Người đắc thánh côi Linh Tiêu, kẻ lại luân lạc hồng trần, vì: *“Cách nhau chỉ có một điều là tâm”*...

Thế rồi, đến ngày 20–11 Giáp Tuất, cụ bà Mục Cưu mất. Từ ngày mùng 3–8 đến ngày 21–11 chưa đầy 4 tháng nhà họ Lê dồn dập bao nỗi đau buồn, hai anh mất đến mẹ mất. Bạch Phụng, Kim Quy cố nén lòng gác qua bao nỗi đau thương để tiếp tục làm tròn sứ mạng Đức Chí Tôn giao phó.

Cuối tháng 3 năm Ất Hợi (1935), bỗng nhiên tới Kim Quy phát bệnh. Đến ngày 12–4 Ất Hợi, chị Mai Thị Lê mất sau vài tuần nhuộm bệnh. Vài ngày sau lễ khánh thành Thánh Tịnh Thanh Quang, 04–6 Ất Hợi, Bạch Phụng mất. Đến 04–9 Ất Hợi, Kim Quy cũng từ trần, hưởng dương hai mươi năm. Sau đó một tháng, bé Lê Thị Huệ (con anh Lê Văn Bặc) cũng thọ bệnh qua đời.

Thế là từ tháng 8 năm Giáp Tuất (1934) đến tháng 10 năm Ất Hợi (1935), thời gian chỉ có 14 tháng mà gia đình họ Lê 9 người đã mất đi 7, chỉ còn lại vồn vẹn có 2 người là anh Lê Văn Cưu, chị Lê Thị Niêm thì đã xuất giá. Anh Hương Bồn lại đau yếu liên miên...

Ta thường nghe “phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí”. Một gia đình trọn lòng xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, lại phải chịu nhiều mất mát như thế. Nhưng, họa phúc là cái thấy, cái biết của nhân gian. Bước qua thời gian, nhìn trở lại. Ta hiểu được phần nào tình thương vô bờ của Thầy để cứu rỗi các con của Ngài, đưa thuyền nhân sinh về bến giác.

Ngày 29–12 Ất Tỵ (20–01–1966), tại Thiên Lý Đàn, Thầy dạy:

Đông quân điểm cảnh mai hé nhụy

Viện Như Lai hoan hỉ nghinh xuân

Tam dương thoại khí vẫn vẫn

Bá hoa đua nở gót lân ra vào (...)

*Tử sinh vốn lộ trình nhân thế
Đoạt huyền vi thoát lệ tử sanh
Đài tiên ngộ Lão Trường Canh
Ngọc thêm bộ bộ khinh khinh phi phạm...*

Như vậy, cái họa ở trần gian, có khi là cái phúc của linh hồn, vì “*Có xa trần thế mới hầu lên Tiên*”, và “*Đoạt huyền vi thoát lệ tử sanh*”, như lời dạy của Đức Di Lạc Thiên Tôn:

*Qua biển khổ thì đò bỏ lại
Thoát nghiệp trần ắt phải xa trần.*²

Chúng ta có thể quên đi chi tiết trong câu chuyện này. Nhưng còn đọng lại, và sẽ mãi đồng vọng trên khắp nẻo đường phổ độ, lời Thầy thật trù mẫn thương yêu: “*Dầu chi chi nữa cũng còn Thầy đây.*”

2. CÂU CHUYỆN THỨ HAI

Bốn năm sau ngày gánh đạo ra Trung.

Hôm đó là ngày chúa nhật, 10-3 Mậu Dần (10-4-1938). Thánh thất Trung Thành được cất tạm bằng mái tranh cột tre, hàng trăm tín đồ dự đàn. Đức Chí Tôn giảng cơ. Hôm ấy có đủ mặt: Tiền bối Ngọc Chuông Pháp, Trần Công Bang, Nguyễn Quang Châu, Giáo Hữu Đán, ông Nguyễn Hồng Phong và rất đông bốn đạo. Lúc cơ đang viết, Đức Cao Đài gọi Carlos (một người Pháp lai Việt), bảo:

“Con ra mái nhà phía sau lấy phong thư và mỗi lửa đem vào cho Thầy kẻo cháy đi con. Và để vậy đem vào Thầy dạy ...”

Mọi người dự đàn đều hoảng hốt vì Thánh thất tạm bằng tranh rất dễ bắt lửa. Carlos và bốn đạo chạy ra sau, tìm thấy trên mái tranh một phong thư niêm kỹ, nối theo một dây bụi nhùi

2. Trúc Lâm Thiển Điện, 07-02 Tân Hợi (03-3-1971).

bằng giấy bạc dài độ hai tấc tây. Gắn phong bì có cột một chùm que diêm nhưng mỗi lửa đã tắt.

Khi Carlos đem vào, Thầy bảo để y phong thư còn niêm kín trên bàn, rồi dạy: “Để Thầy trả lời mấy lời thơ con T.V.T. muốn hỏi, rồi các con sẽ mở phong bì ra đọc cho cả đoàn cùng nghe.”

Rồi Thầy cho bài thi:

*Rõ thấu lời con trẻ hỏi đây
Làm cho đau đớn thừa tâm Thầy
Cơ Trời xáo trộn trên năm cõi
Mối đạo thẳng dùn chỉ một tay
Khôn dại hư nên Thầy cũng độ
Thành không vận mạng đó con này
Bóp lòng khó trả lời tâu hỏi
Lửa đốt khuyên con biết có Thầy.*

Sau khi khai phong thư, mọi người mới biết bài thơ của T.V.T. Đó là bài thơ làm theo thể Đường luật mà Đức Chí Tôn đã hạ mình, họa nguyên vận bằng bài Thánh thi trên. T.V.T. viết:

*Lòng phàm xin hỏi mấy lời đây
Nếu thiệt không trung hẳn có Thầy
Cứu thế bao nài là khổ trí
Độ đời há lại thiếu gì tay
Dùng chi những kẻ lòng tôm cá
Cơ hội ngày nay đến nỗi này
Muôn lỗi xin dùng môi lửa đỏ
Trung Thành đốt cháy ắt không Thầy.*

T.V.T.

Điều cũng cần nói thêm là Carlos, người Pháp lai, trong bốn đạo nghi là làm ở sở mật thám Pháp. Ban đầu, khi Carlos đến chùa Bảo Nghiêm gặp tiên bối Trần Đạo Quang, nhiều người

Việt thấy anh ta là tránh xa hoặc tìm cách lảng đi nơi khác vì sợ bị theo dõi... Đêm hôm đó, Thầy sai chính tay Carlos đang hầu đàn ra sau lấy mỗi lửa. Sự việc giúp cho Carlos tin tưởng Thiêng Liêng và bốn đạo càng vững lòng tin vào nền đạo mới...

Trở lại bài Thánh thi. Ta biết rằng dòng thơ mới chỉ bắt đầu nhen nhóm từ 1932. Khai sơn phá thạch là những tên tuổi như Tản Đà, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Thông, Vũ Đình Liên... Thời điểm đang diễn ra câu chuyện này, thơ Đường luật vẫn còn đậm nét trong dòng thi phú mang tính khoa cử hàn lâm. Khi họa vận, chữ cuối trong các câu thơ một, hai, bốn, sáu, tám phải trùng với chữ cuối tương ứng của bài thơ gốc. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu:

Câu ba: *Cơ Trời xáo trộn trên năm cõi.*

Năm cõi có thể hiểu theo hai nghĩa:

- Năm cõi = ngũ châu = thế giới = the whole world.
- Năm cõi: Là ngũ chi Đại Đạo: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Lời Thầy dạy:

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ chi Đại-Đạo là: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gầy chánh giáo, là vì khi trước còn vô đức khấn, khôn vô đức duyệt, thì nơn loại duy có hành đạo nội tu phương mình mà thôi.

Còn nay thì nơn loại đã hiệp đồng. Còn khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định quy nguyên phục nhứt.” (THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN, Q. 1).

Câu bốn: *Mối Đạo thẳng dùn chỉ một tay.*

Câu này vừa mang ý răn vừa kèm lời dạy.

- Răn, là chỉ một tay T.V.T. thiếu đức tin có thể đốt ra tro Trung Thành, và làm dùn mối Đạo. Lời răn này cũng là ý của câu năm-*Khôn đại hư nên Thầy cũng độ.* Lời răn tuy nghiêm huấn nhưng lại chan chứa tình thương của Lòng Thầy thương cả chúng sanh.

– Dạy, nhờ tay con, chính là nhờ tấm lòng thành của các con, để có một ngày mai Đại Đạo hồng dương. Đây cũng là ý nhấn nhủ của câu sáu – *Thành không vận mạng đó con này*.

Câu năm: *Khôn đại hư nên Thầy cũng độ; Câu tám: Lửa đốt khuyên con biết có Thầy.*

Tình Thầy bao la như trời đất, sẽ mãi tạc ghi vào tâm trí chúng ta với câu thứ năm giản dị trù mẫn và câu thứ tám hết sức ân cần sâu sắc: *Lửa đốt khuyên con biết có Thầy*.

Câu cuối có nhiều nghĩa.

– Nghĩa gần nhất: Khi con (T.V.T.) muốn đốt ngọn lửa của nghi ngờ tình Tạo Hóa, hãy hiểu: Vũ trụ mênh mông vẫn có Trời che Đất chở; Càn khôn bao la vẫn luôn có một vị Cha Trời thương khắp chúng sanh:

*Thầy mong con biết Thầy hiểu Đạo
Cho thế gian cải tạo thanh bình
Lòng Thầy thương cả chúng sinh
Trong tình tạo hóa trong tình thiên nhiên...³*

– Nghĩa xa hơn: Lòng Thầy như lửa đốt vì mong mỗi các con biết Thầy hiểu Đạo:

*Sắc thiên quang bao trùm vạn vật
Ngọc Hư cung phảng phất mùi trầm (...)
Máy tạo hóa trong màn huyền bí
Cửa càn khôn yếu lý nhiệm mầu
Mắt phàm dễ thấy đặng đâu
Gót phàm khó nổi vọng cầu vào ra.⁴*

3. Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

4. Ibid.

– Nghĩa xa hơn nữa.

Kinh Pháp Cú, phẩm 251, có chép:

Không lửa nào nóng hơn lòng tham dục

Không nặng nề nào hơn cõi hận thù

Không buộc ràng nào hơn lưới u mê

Không đắm chìm nào hơn sông tình ái

Lòng người dù tàn tro nguội lạnh, vẫn dễ dàng bốc cháy ngọn lửa của giận dữ ham muốn. Lời dạy của Đức Chí Tôn “*Lửa đốt khuyên con biết có Thấy*”, là bình tịnh thủy cứu hỏa, là thần chú cầm nang cho hành giả trên đường tu tâm luyện tánh, khi ngọn lửa của tam độc nhen nhóm.

Như vậy, chúng ta có không thuộc trọn bài Thánh thi này, thì hãy đừng quên câu cuối, để gói vào hành trang sứ mạng: *Lửa đốt khuyên con biết có Thấy*.

KẾT

Hai câu chuyện cảm động những ngày khai đạo, cũng là bài học quý trên hai con đường tu học và hành đạo mà các tín đồ Cao Đài hằng tâm niệm: Thế đạo đại đồng– Thiên đạo giải thoát.

Tự độ, là con đường tu học trong từng ngày, từng giờ. Giữa sông trần tằm tối, hay chốn phong ba trên đại dương cảm dỗ, chúng ta luôn tự nhắc: *Lửa đốt khuyên con biết có Thấy*.

Độ tha, là con đường thành thang đem đạo vào đời. Dù gặp ghềnh trắc trở, dù họa phúc đeo mang, ta vẫn nhớ: “*Dù chi chi nữa cũng còn Thấy đây*”.

Xin nguyện được in lời Đức Chí Tôn dạy vào tâm cốt và cùng nhau trở về dưới chân Thấy.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.■

kỷ niệm
năm
70 MẶT TRẬN
GIỒNG BỐM

■ CAO BẠCH LIÊN



Minh họa: Cọ Trắng.

Giồng Bóm nằm trong bán đảo Cà Mau, trước đây rất lâu cũng được hình thành từ sự bồi đắp phù sa, rồi dần dần ở sâu trong đất liền, nhường phần ven biển mới hình thành cho những hạt phù sa đến tiếp sau. Theo những người ở Giồng Bóm lâu đời kể lại, trước đây Giồng Bóm có đủ các loại cây của rừng bãi bồi ngập mặn ven biển, đặc biệt có nhiều cây Bóm nên người dân đặt tên nơi đây là Giồng Bóm. Hệ sinh thái thay đổi dần, bây giờ cây Bóm gần như tuyệt chủng, ít khi tìm thấy nó nữa.

Thoạt đầu người ta nghĩ Giồng Bóm là đất trầm tích trẻ mới bồi lắng, nhưng trong sâu thẳm, nó được cấu tạo bởi những hạt phù sa cổ từ cao nguyên Thanh Tạng trên nóc nhà thế giới vượt gần năm ngàn cây số đi qua các quốc gia Phật giáo rồi tới đây định cư, tạo nên mảnh đất này. Phải chăng đây là vùng đất thiêng được bàn tay Tào Hóa xếp đặt sẵn. Không

phải ngẫu nhiên mà Đức Trần Đạo Quang chọn mảnh đất linh thiêng này làm nơi xây dựng Tòa Thánh Ngọc Minh, cái nôi của Minh Chơn Đạo Hậu Giang.

Năm 1928, Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang chuyển cơ phổ độ về miền Hậu Giang, lập phái Minh Chơn Đạo Hậu Giang, mới xây dựng một số cơ sở thờ tự ban đầu. Đến năm 1931, Ngài chọn mảnh đất Giồng Bóm để xây dựng Tòa Thánh Ngọc Minh. Giữa đồng bằng, chung quanh là một màu xanh của lúa và cây rừng, nổi bật Tòa Thánh Ngọc Minh thật uy nghiêm và tráng lệ, là Tòa Thánh Trung ương của Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang. Lễ lạc thành được tổ chức trọng thể vào ngày Rằm tháng bảy năm Ất Hợi (1935) có hàng chục ngàn người từ các nơi về dự lễ – một điều rất mới ở vùng này. Nơi đây trở thành nơi tín ngưỡng, tu hành của hàng vạn tín đồ Cao Đài phần lớn ở quanh vùng Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá, Sóc Trăng. Cư dân đa số là nông dân nghèo khổ, chơn chất mộc mạc, rất cần một cuộc sống tâm linh. Đạo Cao Đài khai mở nơi đây để hầu an ủi vỗ về những cuộc đời bất hạnh, cứu cánh cho chúng sanh thoát khổ. Ngày sóc vọng có hàng ngàn đạo hữu tề tựu về đây hiến lễ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

Năm 1945, Cách Mạng Tháng Tám thành công, ngày 02-9-1945, Hồ Chủ tịch đọc Tuyên Ngôn Độc Lập khai sinh nước Việt Nam Độc Lập Dân Chủ Cộng Hoà trước quốc dân đồng bào và thế giới, xóa bỏ ách thống trị của thực dân Pháp.

Niềm vui độc lập chỉ được 21 ngày, thì giặc Pháp một lần nữa trở lại xâm chiếm nước ta. Nước mất nhà tan. Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn dân: *“Thà hy sinh tất cả, nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ, ai có súng dùng súng, có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng gậy gộc, cuốc, xẻng để chống lại kẻ xâm*

lược.” Từ thành thị đến thôn quê người dân Việt Nam có lương tri đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi cứu nước của Hồ Chủ tịch, đoàn kết trong Mặt Trận Việt Minh kháng chiến chống giặc, bảo vệ độc lập của Tổ Quốc.

Ngày 19, 20–11–1945 (nhằm ngày 14, Rằm tháng 10 Ất Dậu) Anh Lớn Cao Triều Phát nhân danh Hội Thánh Minh Chơn Đạo Hậu Giang triệu tập chức sắc của toàn phái Cao Đài Minh Chơn Đạo về dự cuộc hội nghị nhân ngày rằm Hạ nguơn. Anh Lớn phổ biến tình hình giặc Pháp trở lại xâm chiếm nước ta, đã tấn công Sài Gòn và các tỉnh lân cận, và kêu gọi chức sắc tín đồ toàn phái Cao Đài Minh Chơn Đạo hưởng ứng lời hiệu triệu của Hồ Chủ tịch, ủng hộ ngày Nam Bộ kháng chiến một cách thiết thực. Người tín đồ Cao Đài cũng là người con của Tổ Quốc Việt Nam không thể viện lý tu hành, làm ngơ trước kẻ xâm lược giày xéo quê hương, giết hại đồng bào, mà phải làm nghĩa vụ công dân khi sơn hà nguy biến.

Qua hai ngày hội nghị thảo luận sôi nổi, toàn thể bốn đạo đồng lòng quyết chiến đấu, vì Tổ Quốc, vì Đạo, đồng thanh quyết nghị thành lập Mặt Trận Kháng Chiến đánh Tây của Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang. Đại bản doanh Mặt Trận Giồng Bóm đặt tại Tòa Thánh Ngọc Minh với khẩu hiệu được nêu lên hàng đầu: “Cứu Nước là cứu Đạo”.

Đại hội suy cử Anh Lớn Cao Triều Phát làm Tổng chỉ huy Mặt Trận và các phó Tổng chỉ huy kiêm trưởng phó Ban chuyên môn: như Giáo hữu Trần Hữu Nam, Giáo sư Nguyễn Hiền Ngô, Đạo hữu Huỳnh Văn Hai, Giáo sư Ngô Văn Phú, Giáo sư Dương Công Hương, Đạo hữu Phạm Văn Thiệt, Giáo hữu Dương Văn Luân, Giáo hữu Huỳnh Thị Quy, Đạo hữu Nguyễn Thị Quyên, Đạo hữu Phan Thị Lợi... và nhiều vị chức sắc, tín đồ khác trong các Ban chuyên môn của Mặt trận. Trong thời gian gấp rút đã

huy động được hàng ngàn chức sắc tín đồ, hình thành được 18 trung đội chiến đấu.

Các chiến sĩ áo trắng với vũ khí thô sơ: tầm vông vạt nhọn, giáo mác, vũ khí tự tạo và tấm lòng nhiệt thành, tất cả từ Tổng chỉ huy cho tới chiến sĩ đều tự nguyện cạo đầu và tuyên thệ: sống anh dũng, thác lưu danh, sanh tướng tử thần, xả thân vì Tổ Quốc vì Đại Đạo. Không khí trong Tòa Thánh tuy khẩn trương nhưng vẫn giữ được vẻ trang nghiêm của một Thánh đường tôn giáo, tiếng chuông vẫn điểm đều đều khoan nhặt, tiếng đọc kinh trầm ấm vẫn vang lên theo thời cúng hàng ngày. Từ chỉ huy tới chiến sĩ đều giữ đúng trai giới. Bộ phận trực ban luôn tuần tra canh gác sẵn sàng chiến đấu.

Sau khi giặc Pháp chiếm Sài Gòn và các tỉnh Miền Đông, chúng đánh xuống các tỉnh Miền Tây, hầu như ít gặp sự kháng cự, nếu có thì lẻ tẻ yếu ớt. Sau khi chiếm một loạt các tỉnh, chúng chiếm tới thị xã Bạc Liêu, thị trấn Vĩnh Lợi, Giá Rai, Cà Mau. Thừa thắng, chúng đánh lấn ra các vùng lân cận nhanh chóng kiểm soát các vùng nông thôn và chúng chú ý tới Giồng Bóm. Các chiến sĩ Giồng Bóm đã nhiều lần phục kích chặn đánh chúng trên đường tiếp tế, và càn quét. Chúng ba lần tiến công vào Mặt Trận Giồng Bóm. Các chiến sĩ áo trắng đã chiến đấu anh dũng kiên cường bảo vệ mặt trận cho đến phút cuối cùng.

Tuy có lòng quyết tâm, chiến đấu quyết liệt đến cùng, nhưng cuộc chiến đấu không cân sức trong nhiều ngày, phía giặc đông áp đảo, vũ khí hiện đại có máy bay tàu chiến yểm trợ. Các chiến sĩ của ta vũ khí có hạn lại thô sơ, đến trận cuối cùng xấp lá cà từ sáng cho tới trưa thà hy sinh chứ không một người đầu hàng giặc.

Thấy không còn khả năng bảo vệ mặt trận, Anh Lớn Tổng Chỉ huy ra lệnh rút lui để bảo toàn lực lượng.

Sau này tôi có dịp gặp người chiến sĩ Giồng Bóm tên là “Hai Y”, ông kể lại rằng:

“Lúc giặc đã tràn vào Tòa Thánh, các anh cứu cá bảo vệ Anh Cả đã hy sinh gần hết, vài anh còn lại đều bị thương. Tôi thấy Anh Cả cũng bị thương nên tôi kể vai để công Anh, nhưng Anh nói hiên đệ cứ rút lui trước đi, tôi phải là người sau cùng rời khỏi nơi này. Tôi van Anh phải để tôi công anh đi khỏi mặt trận, vì Anh đã là thương binh rồi, hơn nữa Anh cần phải sống, Đạo còn cần Anh. Nói xong tôi xúc đại Anh lên lưng kịp chạy khỏi mặt trận dưới làn đạn truy đuổi của quân thù.”

Giồng Bóm thất thủ, Tòa Thánh Ngọc Minh bị hư hại nặng nề, hơn một trăm chiến sĩ hy sinh. Về phía giặc hơn một trăm tên đến nợ máu.

Mặt Trận Giồng Bóm là một trong những trận đánh lớn ở Miền Tây trong những ngày mở đầu của cuộc kháng chiến Nam Bộ. Tuy trang bị vũ khí thô sơ nhưng lòng quyết tâm và ý chí chiến đấu của các chiến sĩ áo trắng thật dũng cảm kiên cường, gây xúc động mạnh mẽ cho các chi phái Cao Đài, các tôn giáo bạn và trong nhân dân.

Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, người Cao Đài bị người đời nhìn bằng cặp mắt nghi kỵ: “Cao Đài phản động”, “Cao Đài phản quốc”, “Cao Đài bán nước” do một số người Cao Đài câu kết Nhật, với Pháp... Thì Trận Giồng Bóm là một sự minh chứng hùng hồn cho mọi người thấy rằng người Cao Đài cũng yêu nước và cũng dám hy sinh cho Tổ Quốc, làm nên niềm tự hào cho người tín hữu Cao Đài.

Từ đó, trong suốt những giai đoạn lịch sử kế tiếp, người tín hữu Cao Đài tự tin đồng hành tiến bước cùng dân tộc. Dư âm của Trận Giồng Bóm oai hùng còn vang mãi trên dòng lịch sử

dân tộc nói chung, trong lòng người Cao Đài nói riêng, cũng là tiền đề để Cao Đài Cứu Quốc 12 phái thống nhất ra đời góp phần cho công cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Các Liệt Sĩ Giồng Bóm phần lớn đã được chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa công nhận Liệt Sĩ, nhưng quan trọng là được các Đấng Thiêng Liêng giáng đàn điểm danh sắc phong Trung Liệt Thánh tử vì Đạo.

Do hoàn cảnh chiến tranh kéo dài, khó khăn tiếp nối khó khăn. Mấy mươi năm Tòa Thánh Ngọc Minh trở thành phế tích hoang vắng. Mấy năm sau khi hòa bình lập lại, tén đổ trong vùng dựng tạm một ngôi Thánh thất bằng cây, lá trên nền cũ của Tòa Thánh Ngọc Minh để cho đạo hữu có chỗ đi về cúng lễ nhớ đến cội nguồn. Bên cạnh Thánh thất là đài tưởng niệm liệt sĩ đơn sơ trăm mặc.

Người Cao Đài Minh Chơn Đạo vẫn luôn canh cánh trong lòng vì Liệt Sĩ Giồng Bóm chưa có nơi thờ phượng, nên đã quyết tâm góp sức xây đền Trung Liệt Thánh, tuy còn giản dị đơn sơ nhưng nói lên được tấm lòng đoàn hậu tấn đối với tiền nhân. Ngày 14 tháng 3 Bính Tuất (2006) lễ khánh thành đền Trung Liệt Thánh, cũng là ngày kỷ niệm sáu mươi năm Mặt Trận Giồng Bóm: 14 tháng 3 Bính Tuất (1946) – 14 tháng 3 Bính Tuất (2006). Dù chỗ ăn chỗ nghỉ còn tạm bợ đơn sơ, nhưng hơn ba ngàn đạo hữu từ xa xôi tề tựu về mừng ngày khánh thành đền Trung Liệt Thánh thật đồng vui.

Đã ba lần Hội Thánh Minh Chơn Đạo có văn bản đề nghị chính quyền tỉnh Bạc Liêu và Bộ Văn Hoá xem xét công nhận Mặt Trận Giồng Bóm là di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp, nhưng đều không được chấp thuận. Hội Thánh Minh Chơn Đạo Hậu Giang cũng như bốn đạo rất nản lòng.

Ngày 15 tháng 11 năm 2010, tôi thảo bức thư gửi Ông Võ Văn

Dũng – Bí thư Tỉnh Ủy kiêm Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, trình bày về Mặt Trận Giồng Bóm, xin xem xét công nhận là Di Tích Lịch Sử Kháng Chiến Chống Pháp.

Kết quả, niềm mong đợi của tín hữu Minh Chơn Đạo đã được đáp ứng. Di Tích Mặt Trận Giồng Bóm được chính quyền tỉnh Bạc Liêu công nhận. Ngày 14 tháng 3 năm Tân Mão (16-4-2011), tại Thánh thất Ngọc Minh-Giồng Bóm, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bạc Liêu tổ chức lễ công nhận “*Di Tích Lịch Sử Trận Giồng Bóm*” nhân kỷ niệm lần thứ sáu mươi lăm năm Mặt Trận Giồng Bóm, cũng đúng vào dịp kỷ niệm lễ lạc thành Thánh thất Ngọc Minh với đầy đủ Tam Đài thể hiện Thánh Thể của Đức Chí Tôn vào ngày 13 tháng 3 năm Tân Mão (16-4-2011)

Tại buổi lễ, Bà Lê Thị Ái Nam – Tỉnh Ủy Viên, phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bạc Liêu đã trao Quyết Định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bạc Liêu công nhận Di Tích Lịch Sử Trận Giồng Bóm cho Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, đồng thời công bố thành lập Ban Quản lý bảo tồn di tích lịch sử theo quy định chung của nhà nước. Ủy Ban Nhân Dân huyện Giá Rai và Ủy Ban Nhân Dân xã Phong Thạnh Tây trực tiếp bảo vệ khu di tích này.

Sau ngày đó cho đến nay, người trong Đạo cũng như ngoài đời biết đến Mặt Trận Giồng Bóm nhiều hơn, đánh giá đúng đắn hơn giá trị lịch sử và ảnh hưởng của Trận Giồng Bóm đối với người đạo Cao Đài trong thời kỳ khó khăn của lịch sử đất nước.

Sáu mươi lăm năm mới có một ngày vui trọn vẹn để người người tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo tự hào ôn lại quá khứ hào hùng của thế hệ cha, anh với nỗi lòng rưng rưng tưởng nhớ những người đã hy sinh nằm lại nơi chiến địa máu xương, chôn thân vào lòng đất mẹ, để vun bồi cho mảnh đất này đâm chồi nảy

lộc xanh tươi. Anh linh của những Trung Liệt Thánh vẫn luôn phảng phất âm phò mặc trợ các thế hệ tiếp nối...

Người còn sống tản mát trên các miền của đất nước tiếp tục cuộc sống đời thường. Tuy mỗi người sống mỗi nơi, cuộc sống có khác nhau, nhưng kỷ niệm Trận Giồng Bóm năm xưa vẫn còn hằn sâu trong ký ức của họ. Năm 2006, kỷ niệm sáu mươi năm tại Thánh Thất Ngọc Minh – Giồng Bóm, số cựu chiến binh về dự lễ còn rất ít, các cụ chân yếu mắt mờ nhưng còn cố gắng nhờ con cháu đưa đến, các cụ nói cố gắng đi lần cuối. Có cụ dự không hết cuộc lễ đã phải ra về vì không đủ sức khỏe, như nữ chiến sĩ và là thương binh Trương Thị Vân, gần chín mươi tuổi hiện ở Cần Thơ. Ông Đào Hồng Giỏi gần chín mươi tuổi cũng ở Cần Thơ, tuy tuổi cao sức yếu vẫn cố gắng về dự lễ. Cụ Nguyễn Thiện Hương về dự lễ nửa đường phải quay trở lại vì lên huyết áp. Còn cụ Hai Y sống ở đảo Hòn Nghê năm nay 93 tuổi, rất muốn về dự lễ kỷ niệm sáu mươi lăm năm Mặt Trận Giồng Bóm và lễ công nhận di tích lịch sử Mặt trận Giồng Bóm, cái ngày mà cụ mong đợi lâu lắm rồi, sáu mươi lăm năm mới có một ngày, nhưng không còn đủ sức để vượt biển.

Tháng 1 năm 2011, các vị chức sắc của Hội Thánh Minh Chơn Đạo và Ban Cai Quản Thánh Thất Ngọc Minh tha thiết đề nghị gia đình cho rước di cốt của vị Tổng Chỉ Huy Mặt Trận Giồng Bóm để thờ phượng. Một đề nghị mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến. Cuộc đời của Người lúc sống đã vất vả lận đận lắm rồi, lúc chết đã ba lần cải táng di dời, lần cuối cùng là hỏa thiêu, di cốt được ổn định cho tới ngày nay nơi nghĩa trang thành phố Hồ Chí Minh. Có lẽ nào lại quấy rầy Người một lần nữa? Chẳng còn ai khác ngoài tôi là người duy nhất quyết định; tôi thắm cầu nguyện cha tôi, chỉ bảo cho tôi có một quyết định đúng đắn.

Ngày 10 tháng 3 năm Tân Mão; gia đình và Đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tập đoàn Giáo Sĩ làm lễ tiễn đưa Người và Đại diện Hội Thánh Minh Chơn Đạo rước di cốt Người về Giồng Bóm. Tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo hân hoan chào đón người anh thân thương, vị Tổng Chỉ Huy Mặt Trận về lại chiến trường xưa để Người hội ngộ cùng với các Trung Liệt Thánh.

Ngày nay, nhân dân ở quanh vùng này thường đến phòng thuốc Nam của Thánh thất Ngọc Minh xin thuốc trị bệnh, mỗi lần đến xin thuốc đều đến lễ Trung Liệt Thánh, họ tin có được sự âm phù mặc trợ của Trung Liệt Thánh nên bệnh chóng khỏi.

Sắp tới đây ngày 14 tháng 3 năm Bính Thân (20-4-2016) kỷ niệm bảy mươi năm Mặt Trận Giồng Bóm. Chúng ta – những người hậu tấn, ôn lại một thời hào hùng, oanh liệt của các bậc cha, anh, để tiếp bước tiền nhân bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, hoàng kha mỗi Đạo. Xin thấp nén tâm hương cho những người quên mình vì Đạo.■

NHÂN NGÀY 14 THÁNG 3 NĂM BÍNH THÂN (2016) • KỶ NIỆM 70 NĂM MẶT TRẬN GIỒNG BÓM.



THI

Đạo lý vô cùng rộng khắp nơi,
Không riêng khuôn sáo ở trong đời,
Muốn tìm đạo lý nhìn tâm nội,
Ánh Đạo bên trong sẽ chói ngời.

■ ĐỨC QUAN THẾ ÂM, CHƠN LÝ ĐÀN, 01-4 NHUẬN GIÁP DẪN (22-5-1974).

■ THIÊN CHÍ

về lý tưởng xây dựng **TÔN GIÁO TOÀN CẦU**



1. LÝ DO CỦA XU THẾ XÂY DỰNG TÔN GIÁO TOÀN CẦU

Trong lịch sử nhân loại, từ mấy ngàn năm, do nhu cầu tâm linh của con người, các tôn giáo đã lần lượt được các Giáo chủ sáng lập, truyền bá rộng rãi trên thế giới. Nhưng với bản sắc của nguồn gốc địa phương, bản sắc văn hóa của từng dân tộc, nền giáo lý và các nghi thức đặc thù, giữa các tôn giáo có nhiều dị biệt, khiến cho tín đồ của tôn giáo này không

thông cảm, thậm chí không chấp nhận các tôn giáo khác. Tệ hại hơn nữa, kỳ thị lẫn nhau, dẫn đến tranh chấp hay chiến tranh tôn giáo.

Mặt khác, trên đà phát triển đa tôn giáo, người ta nhận thấy mỗi tôn giáo đều có ít nhiều yếu tố tích cực góp phần cải thiện đời sống thực tiễn và nâng cao tinh thần hướng thượng. Từ đó nảy sinh khuynh hướng kết liên tôn giáo hầu khắc phục mặt tiêu cực đồng thời phát huy mặt tích cực, để có đủ năng lực toàn diện phụng sự con đường tiến hóa của nhân sanh. Thế là xu thế xây dựng tôn giáo toàn cầu nở rộ từ các nhà lãnh giáo đến các nhà xã hội nhân văn. Tuy nhiên, khái niệm “tôn giáo toàn cầu” và “toàn cầu hóa tôn giáo” lại có nhiều tranh luận.

2. VẬY THẾ NÀO LÀ TÔN GIÁO TOÀN CẦU?

Trong thực trạng tôn giáo thế giới ngày nay, thử nghĩ có thể thành lập “Một tôn giáo toàn cầu”? Xin nhấn mạnh chữ “Một”. Nếu chỉ có một, một tôn giáo duy nhất được gọi là tôn giáo toàn cầu, điều đó không thể khả thi. Vì trên thực tế tôn giáo thế giới là đa tôn giáo. Mỗi tôn giáo (TG) có một Giáo chủ riêng, nền giáo lý riêng và có thể là quốc giáo của một nước nào đó. Liệu tổng thể đa tôn giáo có thể tôn xưng một TG nhất định là tôn giáo toàn cầu? Câu trả lời là không thể.

Vậy ta hãy phân tích 2 chữ “toàn cầu”: Toàn cầu là toàn thế giới. Vậy nghĩa thứ nhất, TG toàn cầu có phải là TG của toàn thế giới?

– Nghĩa thứ hai, là nghĩa “religion universelle” (tôn giáo phổ quát).

Các tự điển lớn trên thế giới có khuynh hướng dùng cụm từ “Religion universelle” với nghĩa “Tôn giáo phổ quát”.

– Vậy có thể hiểu nghĩa thứ hai này là “tôn giáo phổ quát”, nghĩa là tôn giáo khả dĩ truyền bá đến mọi người. Còn từ ngữ “tôn giáo toàn cầu” nghiêng về *không gian* toàn hành tinh. Tóm lại, ta nên chọn cụm từ “tôn giáo phổ quát” (religion universelle) hơn là “tôn giáo toàn cầu” để bị hiểu lầm.

3. VÀ LÀM THẾ NÀO ĐỂ TIẾN TỚI TÔN GIÁO PHỔ QUÁT?

Trước hết phải khẳng định, trên mặt bằng đa tôn giáo của thế giới hiện nay, không thể chọn một tôn giáo nhất định làm tôn giáo phổ quát hay tôn giáo toàn cầu. Mà chỉ có thể xây dựng một nền giáo lý phổ quát. Khảo sát định hướng đó, có thể lần lượt kể đến những luồng gió mới như:

a. Đại sư Swami Vivekananda 1863–1902, nhà Vedanta Ấn giáo nổi tiếng từng tuyên bố:

“Có phải thật sự là tất cả những tôn giáo trên thế giới đối nghịch với nhau? Tôi không muốn đề cập tới các hình thức bên ngoài bao phủ những tư tưởng lớn. Tôi không muốn bàn tới những đền đài, văn tự, nghi lễ, kinh sách khác biệt của mỗi tôn giáo. Tôi muốn nói tới cái hồn sâu kín nơi mỗi một tôn giáo.” [...] *“Tôi tin rằng các tôn giáo không mâu thuẫn với nhau mà bổ khuyết cho nhau. Có thể nói như vậy, là mỗi tôn giáo chiếm giữ một phần của chân lý vĩ đại và hiến dâng tất cả tinh lực để sống và biểu hiện cái phần đặc biệt này của chân lý. Vậy những cố gắng của họ tương trợ với nhau và không loại trừ lẫn nhau, đó là nguyên tắc. [...]”*

b. Chủ trương liên tôn giáo của Công đồng Vatican II:

Công đồng Vatican II đề cập đến khía cạnh tích cực của nhiều tôn giáo, nhìn nhận có yếu tố chân lý và thánh thiện, trong đó: *“Giáo hội Công giáo không hề phủ nhận những gì*

là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo hội xét thấy những phương thức hành động, những lối sống, những huấn giáo và giáo thuyết kia, tuy có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo hội duy trì, nhưng vẫn thường có ánh sáng của Chân lý vốn hằng chiếu soi cho hết mọi người.” (NA, 2) (8). Giáo hội Công giáo luôn cổ vũ việc xây dựng một cuộc sống chung hài hòa trong xã hội, mời gọi tín đồ của mình hợp tác với tín đồ các tôn giáo khác trong việc thăng tiến các giá trị tinh thần, luân lý cũng như văn hóa xã hội.¹

c. Sau đây là trích dẫn bài diễn văn của Ông S.N.Goenka vào thứ Ba, ngày 29 tháng 8 năm 2000 tại đại sảnh đường Liên Hiệp Quốc cho những người tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ về Hòa bình Thế giới:

“Khi nào có bóng tối thì cần đến ánh sáng.

Ngày nay, với rất nhiều đau thương gây ra bởi xung đột tàn khốc, chiến tranh và đổ máu, thế giới rất cần đến hòa bình và hòa hợp. Đây là một thử thách lớn lao cho những nhà lãnh đạo tôn giáo và tinh thần. Chúng ta hãy chấp nhận sự thử thách này...”

d. Hội thảo về Di sản đa dạng tôn giáo:

Trong 2 ngày 25&26-9-2013, Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với phái đoàn Liên minh Châu Âu tổ chức hội thảo quốc tế về các vấn đề tôn giáo theo chủ đề “*Giá trị di sản của đa dạng tôn giáo Việt Nam và những đóng góp đối với xã hội Việt Nam*” tại khách sạn Candeo, Hà Nội.

1. (NGÔ QUỐC ĐÔNG (*)) ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ CÔNG ĐỒNG VATICAN II, Tạp chí nghiên cứu TG).



ẢNH: ĐẠI BIỂU CÁC TÔN GIÁO THAM DỰ HỘI THẢO VỀ GIÁ TRỊ DI SẢN ĐA TÔN GIÁO TẠI HÀ NỘI

Đại biểu tôn giáo Cao Đài đã phát biểu trong cuộc Hội thảo quốc tế nói trên như sau:

Khảo sát giá trị di sản đa tôn giáo tại Việt Nam, có thể nêu ra các đặc điểm:

1. Trước tiên là giá trị di sản xây dựng con người có “*luân lý đạo đức*” trong xã hội. Khảo sát đa dạng tôn giáo ở vùng Tây Nam Bộ (Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo...) ta dễ thấy giá trị di sản “*tu nhân – học Phật*”² được ứng dụng phổ biến cho toàn thể tín đồ. Tinh thần Ngũ giới cấm³ là giới luật rất căn bản trong Phật giáo, vẫn tìm thấy bàng bạc trong Luật Hồi giáo, trong 10 điều răn Thiên Chúa giáo, không thay đổi trong Cao Đài, trong Minh Sư, Minh Lý, và trong thực tế sống đạo của tín đồ các tôn giáo bản địa Việt Nam.

2. Giá trị di sản thứ hai là giá trị “*an sinh xã hội*”.

2. TS. Nguyễn Thanh Xuân, Một số tôn giáo ở Việt Nam, Nxb Tôn Giáo, 2012, tr. 371–393.

3. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không rượu thịt, không nói dối.

3. Giá trị thứ ba là giá trị văn hóa tâm linh.
4. Giá trị thứ tư là giá trị truyền thống *Tam giáo đồng nguyên*.
5. Giá trị di sản nhân bản.

Nhân bản là bản vị con người. Trong tổng thể đa tôn giáo, đương nhiên các tôn giáo đều tôn thờ Đấng Thiêng Liêng tối cao theo những đức tin riêng. Nhưng cái làm cho đa tôn giáo có một di sản chung là giá trị nhân bản.

e. Cộng đồng Tôn giáo Baha'i tổ chức Buổi tọa đàm “Ngày hòa hợp tôn giáo toàn cầu”:



Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thiết lập “tuần lễ hòa hợp tôn giáo toàn cầu” vào tuần lễ đầu tháng Hai hàng năm, qua Nghị quyết GA 11013 ngày 20-10-2010.

Nhằm hiện thực hóa tinh thần của Nghị quyết, Cộng đồng Tôn giáo Baha'i tại thành phố Hồ Chí Minh đã có sáng kiến tổ chức buổi gặp gỡ giữa các vị trách nhiệm một số tôn giáo với chủ đề của năm nay là “*Phát triển đời sống Tâm Linh*” vào lúc 9g00, ngày 02-02-2016, tại số 45 Nguyễn Phi Khanh, P. Tân Định, Quận 1.

Hiện diện tại buổi tọa đàm có đại diện các tôn giáo: Baha'i,

Cao Đài, Công giáo, Islam, Minh Lý Đạo. Về phía chính quyền có vị đại diện Ban Tôn Giáo TP.HCM, và phường sở tại.

Trước khi vào nội dung, Ban tổ chức (BTC) đã mời từng tôn giáo lần lượt cầu nguyện theo niềm tin đặc thù của tôn giáo mình.⁴

f. Ban Mục vụ Đối thoại liên tôn Tổng giáo phận TP.HCM:



ẢNH: HỘI NGỘ LIÊN TÔN 2015: BỒI ĐẮP VĂN HÓA GẶP GỠ THÀNH LẬP

Ban Mục vụ Đối thoại liên tôn TGP TP. HCM do Đức Hồng Y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn thành lập ngày 05-12-2009, theo tinh thần của Tuyên ngôn *Nostra Aetate* và hướng dẫn của Hội đồng Tòa Thánh về Đối thoại liên tôn.

ĐƯỜNG HƯỚNG

1. Ban Mục vụ Đối thoại liên tôn quy tụ những Kitô hữu tha thiết và muốn dẫn thân trong việc tìm hiểu, gặp gỡ các tín đồ thuộc tôn giáo khác, theo hướng dẫn của Hội Thánh Công giáo, nhằm thực hiện giáo huấn của Công đồng Vatican II (*Nostra Aetate*).

4. <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20160204/33815>.

2. Học hỏi giáo huấn và kinh nghiệm của Hội Thánh về đối thoại liên tôn, đồng thời tìm hiểu giáo thuyết và thực hành của các cộng đồng tôn giáo lớn đang có mặt trong giáo phận.

3. Thăm viếng, tiếp xúc và trao đổi với các tín đồ tôn giáo khác để xây dựng tình bằng hữu-huynh đệ, gia tăng hiểu biết lẫn nhau và nếu có thể được, cộng tác với nhau trong lĩnh vực từ thiện và ích lợi cộng đồng.

4. Tổ chức và linh hoạt các cuộc gặp gỡ liên tôn. Đây cũng là cơ hội để trao đổi kinh nghiệm sống đạo và chia sẻ niềm tin Kitô giáo cho các người khác đạo.

5. Sưu tầm và chia sẻ kinh nghiệm gặp gỡ liên tôn cũng như hiểu biết về các tôn giáo khác. Phổ biến thời sự và tài liệu liên quan đến mục vụ đối thoại liên tôn.

g. Hội nghị Phật giáo Quốc tế về Hòa bình thế giới tại Sitagu, Sagaing, Myanmar:

Trong hai ngày 23 & 24-01-2016, các diễn giả đại diện cho 51 quốc gia đã lần lượt trình bày các tham luận và chia sẻ với Hội nghị các kinh nghiệm, kiến giải của mình về chủ đề “Hòa bình thế giới”. Thượng tọa Pháp Tông, đại diện cho Việt Nam, đã đóng góp vào Hội nghị đề tài *“Five Buddhist moral principles to live a healthy life: a foundation to build a peaceful life of mankind”* (Năm nguyên tắc đạo đức để sống đời sống an lành: Một nền tảng để xây dựng hòa bình nhân loại). Bài tham luận này đã thu hút được sự quan tâm của khá nhiều đại biểu và quan sát viên nên sau đó đã có một số vị tìm gặp diễn giả bày tỏ lòng hoan hỷ và tán thán.

Hội nghị kết thúc vào chiều tối ngày 24-01-2016 với Tuyên bố 14 điểm về Hòa bình thế giới được đại biểu của 51 quốc gia đồng ký vào văn bản.

Xin trích dẫn 2 điểm trong tuyên bố chung của Hội nghị:

Điểm 4: Chúng tôi dứt khoát bác bỏ tất cả các hình thức chủ nghĩa cực đoan và ủng hộ sự ôn hòa, trung đạo dẫn đến hòa bình. Chúng tôi cam kết rằng, chỉ có được hành động và lời nói phi bạo lực bằng cách thực hiện nghiêm túc lời dạy của Đức Phật, đồng thời công nhận các giá trị hòa bình tiềm ẩn trong mọi truyền thống tôn giáo.

Điểm 7: Ban đặc quyền cho bất kỳ một cộng đồng văn hóa, tôn giáo, dân tộc hay xã hội nào chỉ có thể gây ra lòng sân hận, sợ hãi và nghi ngờ. Vì vậy chúng tôi quyết tâm truyền bá lời dạy của Đức Phật về lòng khoan dung và hòa bình, cổ vũ sự hiểu biết sâu hơn và có tính xây dựng hơn giữa các tôn giáo khác nhau, đồng thời vun đắp tâm hồn đồng cảm và tình yêu thương như một kim chỉ nam cho hòa bình.

h. Đạo Cao Đài nêu lên yêu cầu “Quyền pháp Đạo” và “Thực thể Đạo cứu thế” làm Giáo thuyết phổ quát:

– **Quyền pháp đạo** vượt lên trên giáo điều tôn giáo nhằm thực hiện kỳ được công năng chuyển hóa nội tâm con người lẫn các đối tượng tín ngưỡng và tôn giáo: *“Trong hiện tình nhân loại phân tranh chiến đấu, đó chính là sở vật thực tại đang biến dưỡng. Một là nếu như quả trứng không ngòi, thế giới này sẽ tự hủy diệt. Hai là nếu có điểm quyền pháp thì thế giới này sẽ tạo một Thiên đàng thuần chánh. [...]*

“Nếu không làm được Đông thành Xuân, phàm tục thành Tiên Thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng, chính là chưa đạt được quyền pháp đó.

Quyền pháp không giao riêng cho ai, cho xã hội nào, cho tôn giáo nào. Quyền pháp có vẫn có, tùy tâm ý mà đạt định, tùy sứ mạng mà nhận lãnh.

– **“Thực thể Đạo cứu thế”**: Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng

Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể “Đạo cứu thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.⁵



ẢNH: CÁC HỘI THÁNH VÀ TỔ CHỨC CAO ĐÀI CHÚC XUÂN ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC TP.HCM

Như thế, các tôn giáo muốn đạt được hiệu quả thực tiễn cứu độ nhân loại, phải lột xác tôn giáo để nhắm vào giá trị cứu độ phổ quát gọi là Đại Đạo. Nên chính nền giáo lý Cao Đài thường nhấn mạnh sự phân biệt “Cao Đài tôn giáo” và “Cao Đài Đại Đạo”. Đùng hiểu “Đại Đạo” là tôn giáo lớn về tổ chức hay số lượng tín đồ rất cao. Từ đó, phương châm “*Cao Đài không phải Cao Đài mới thật là Cao Đài*” là cẩm nang hành đạo của Cơ Quan nói riêng và toàn đạo Cao Đài nói chung.■

5. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

những mẩu chuyện

TÙ CƠ BÚT

■ ĐẠT TƯỜNG TRÍCH LỤC

ĐÊM 17 THÁNG 11 ẤT SỬU (01-01-1926)

Có ông bà Đốc Phủ Chỉ, theo Thiên Chúa giáo, đến nhà ông Cao Quỳnh Cư muốn xem thử cơ bút nên nói với ông:

“Xin cho tôi để thử trên bàn cầu cơ hình Đức Cha Jesus và một cây Thánh giá. Nếu Đức Cao Đài Thượng Đế thiết thì mới giáng cơ được, bằng Quý Vương thấy hai vật báu ấy tự nhiên phải tránh.”

Ông Cư bằng lòng cho thử, đoạn ông Cư cùng ông Tắc ngồi vào hai bên bàn để phò Ngọc Cơ.

Trước hết có Thánh Pierre giáng cho 4 câu thi:

SAINTE PIERRE

*Thiên đường giữ cửa góc trời Tây,
Truyền Đạo cho dân biết mặt Thấy,
Cứu chuộc đã gần đôi ngàn tuổi,
Cao Đài phó thác dắt dìu bây.*

Tiếp theo Đấng Thượng Đế giáng cơ như vậy:

“THẤY. Các con có hiểu Jesus là ai chẳng?

Trước Ta đổ máu cho loài người vì thương yêu. Nay Ta đến cứu loài người cũng vì thương yêu. Bây đủ thương yêu Ta dường ấy chẳng? Ta cần bây biết ăn năn hầu cứu chữa bây.”

CẦU XIN THUỐC

Con gái ông Phan Lê Tấn Sang ở Phan Thiết, đau hai bên gò má sưng lớn, cô này cầu Thầy xin thuốc. Thầy cho bài thi rồi dặn coi bốn chữ đầu mà cầu thầy thuốc.

THẤY.

CẦU y càn huyết bệnh từ vương,

TRẦN thế biết Ta hỏi mỗi đường,

VĂN chất chưa hay Trời nhỏ phúc,

ĐÔN rằm người bệnh khỏi tai ương.

Người con gái ấy lên Docteur Trần Văn Đôn chích thuốc ít
bữa mạnh.

"PHỔ CÁO CHÚNG SANH" CÁCH XƯNG HÔ TRONG CAO ĐÀI

Chư vị Tiên Khai Đại Đạo ghi lại những lời này trong dịp đi phổ
độ Nhơn sanh lần đầu tiên ở lục tỉnh Nam kỳ và miền Đông Nam
bộ như sau:

*“Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật mỗi khi giáng cơ đều xưng là đạo
hữu với các chư môn đệ Nam phái Nữ phái của Ngọc Hoàng Thượng
Đế, còn chính mình Ngài lại xưng là Thấy của chúng sanh và hằng
dạy rằng: Sự khiêm từ nhịn nhục hạ mình là hạnh yêu dấu của Ngài.*

*Khi chư thiện nam tín nữ vừa nghe trong môn đệ gọi Ngọc
Hoàng Thượng Đế là Thấy thì ái ngại điều phạm thượng, song đã
có Thánh ngôn chính mình Ngài dạy vậy, xin hãy an lòng.*

*Có hai đạo hữu: Tương, Kinh, vẫn trước khi nhập môn thì đã
thọ nghĩa thầy trò cùng vị Lão thành pháp danh là Đạo Quang
nơi chùa Minh Đường (Hạnh Thông Tây).*

*Nhằm ngày 21 tháng 8 năm Bính Dần, Ngọc Hoàng Thượng Đế
giáng cơ tại chùa ấy dạy việc, luôn dịp Ngài có để lời rằng:*

*“Tương, Kinh, hai con phải lay Đạo Quang trước mặt Thấy, rồi
từ đây gọi là Anh mà thôi, còn Thấy duy có một Thấy.”*

*Thánh Ngôn ngày mồng 5 tháng 9 năm Bính Dần có dạy rằng:
“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát
Ma Ha Tát, giáo đạo Nam phương.*

Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình đặng độ rồi như sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên và Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm vị tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhượng là thế nào. Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ.

Hạnh khiêm nhượng là hạnh của mỗi đứa con phải noi gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng...”

Ngài Nguyễn Văn Kinh khi đó đã thọ phong phẩm Giáo Sư vào ngày mùng 8 tháng 6 Bính Dần và ngài Nguyễn Văn Tương thọ phong phẩm Thượng Chương Pháp vào ngày 24-7 Bính Dần trong khi Thầy chưa Thiên phong ngài Trần Đạo Quang vào bất cứ phẩm bậc nào!■

THEO TÀI LIỆU CỦA TÂY NINH - THỜI KHAI ĐẠO.



THÁNH GIÁO

THI

Thuyền từ lướt giữa sông mê,
Gọi người trần thế quay về bến căn.
Mây chiều tám hướng bủa giăng,
Chim khôn tìm ổ mới rằng chim khôn.
Cõi trần tai nạn dập dồn,
Hỡi người người muốn bảo tồn tánh linh.
Trường đời là chỗ khai minh,
Con đường tiến hóa siêu sinh cõi Trời.

■ ĐỨC QUAN ÂM BỒ TÁT, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-11 GIÁP DẦN (28-12-1974).

THỬ TÌM HIỂU

*nghệ thuật thuyết trình
và nói chuyện Đạo*



DIỄN THUYẾT, LÀ MỘT NGHỆ THUẬT

Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng đã được phát triển từ thời Hi Lạp cổ đại. Plato, Aristote, và Socrates đã từng ghi chép lại kinh nghiệm hùng biện để phân luận với các giáo sư triết học.

Ralph Waldo Emerson nhận định: “Yêu cái đẹp là thưởng thức. Tạo ra cái đẹp mới là nghệ thuật.”¹

1. “Love of beauty is taste. The creation of beauty is art.” Ralph Waldo Emerson (1803–1882) là nhà viết tiểu luận, nhà thơ, triết gia người Mỹ.

Nghệ thuật hùng biện là cái đẹp mang tính chinh phục. Đó là sự chinh phục tai và mắt, để thính giả như đang nghe một nhạc khúc hay, khán giả như được ngắm cả rừng xuân. Là nghệ thuật, vì không có công thức thành công nào là chuẩn mực với mọi diễn giả. Sự thành công là một nghệ thuật riêng đầy sáng tạo với mỗi diễn giả và từng bài nói chuyện khác nhau. Nghệ thuật, vì đó là cuộc hoán chuyển những tâm đắc của người nói, thành những khoảnh khắc thường thức và chiêm ngưỡng cho khắp cử tọa, đem ánh sáng hiểu biết và nốt nhạc hân hoan dâng tặng người nghe.

Khi chuẩn bị bước lên bục giảng thuyết, diễn giả gửi trọn tâm trí mình vào từng bài nói chuyện khác nhau, như người nghệ sĩ nhập thần theo từng tấu khúc, vai diễn. Khán thính giả bên dưới có thể sẽ quên những điều được nghe và thấy trong buổi nói chuyện, nhưng sẽ nhớ mãi những cảm xúc mà bạn có thể đem lại trong một buổi “diễn xuất” thành công.

Nếu kỹ thuật giúp cho sự hiểu biết; Khoa học dẫn đến những phát hiện; Thì nghệ thuật đưa con người vào những rung động. Nghệ thuật nói chuyện đạo chạm vào những cảm xúc trong sâu thẳm tâm thức và tâm linh. Nhắc gọi lòng nhân ái, sự chia sẻ, và “*khêu từng đuooc tuệ trong nhân bản*”.²

Trong bảy bộ môn nghệ thuật mà ta từng biết: Văn học, âm nhạc, hội họa, điêu khắc, kiến trúc, sân khấu, điện ảnh, không thấy có nghệ thuật nói chuyện. Nhưng thuyết trình dường như bao gồm cả bảy bộ môn nghệ thuật. Một bài nói chuyện sinh động cần có bài viết văn chương, với những minh họa có nhạc có

2. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Giáp Dần (06-5-1974): “*Ta đến trần gian với tấc lòng/ Lòng thương sanh chúng cảnh nguy vong/ Khêu từng đuooc tuệ trong nhân bản/ Soi sáng đêm đen rọi ánh hồng.*”

thơ, và niềm say sưa của diễn giả với đề tài, để hóa thân vào bài nói như một nghệ sĩ.

Vậy, chúng ta hãy thử cùng tìm hiểu, để vũng vàng trên sân khấu diễn thuyết, chúng ta cần chuẩn bị những gì?

1. CHỌN ĐỀ TÀI THUYẾT TRÌNH

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn có lời dạy: “*và cũng nên đề đặt ở các đề tài thuyết trình...*”³

Dè dặt, có nghĩa là phải hết mực cẩn thận.

• ĐỀ TÀI NÊN PHÙ HỢP HOÀN CẢNH, THỜI GIAN



Hoàn cảnh bao gồm hoàn cảnh chính trị, xã hội, cơ đạo, vùng miền... Phật giáo gọi đó là khế cơ, khế duyên.

Năm 2005, tại đại học Stanford. Khi được mời phát biểu tại lễ tốt nghiệp, Steve Jobs đã có một cách mở lời rất phù hợp

với không khí sinh viên, khá khiêm tốn, lại pha chút hóm hỉnh: “Tôi chưa từng tốt nghiệp đại học. Thú thật, đây là lần tôi được tiếp cận gần nhất với việc này...”⁴

• PHÙ HỢP VỚI KHÁN THÍNH GIẢ

Đó là sự phù hợp với trình độ hiểu biết người nghe, để phần nào thỏa mong đợi của đông đảo cử tọa. Ta không nhất thiết chỉ quan tâm tới trình độ học vấn của số đông cử tọa. Trình độ học

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

4. “I never graduated from college. Truth be told, this is the closest I’ve ever gotten to a college graduation.”

vấn đôi khi không song hành với hiểu biết đạo học. Trước một cử tọa trí thức, những lý giải đạo lý mang tính khoa học sẽ đi vào lòng người nghe hơn. Nắm vững và hài hòa giữa khoa học và đạo lý, khéo léo cho người nghe hiểu rằng “*Khoa học sẽ giúp người đạt địa, Đạo lý sẽ giúp người thông thiên. Thế gian không còn là biển khổ, sông mê.*”⁵

– Từ ngữ vùng miền. Khi đến một vùng miền nào đó, nếu diễn giả khéo dùng từ ngữ địa phương, thì đó là cách tiếp cận người nghe, gần gũi và dễ tạo sự đồng cảm. Tác giả Đơn Tâm, trong Nghệ Thuật Thuyết Trình và Giảng Đạo, có kể lại: “Nhà văn Nguyễn Hiến Lê (1912–1984), gốc miền Bắc, sống và viết văn trong Nam, mỗi khi viết xong bài thì đưa cho vợ đọc trước. Bà là người Long Xuyên, làm cô giáo. Nếu bà chê chỗ nào khó hiểu, chữ nghĩa xa lạ với đồng bào trong Nam...thì ông vui vẻ sửa lại. Thành thử ai cũng khen văn ông trong sáng, dễ hiểu.”

• CÂN NHẮC GIỮA NHU CẦU BUỒI THUYẾT GIẢNG VÀ SỞ THÍCH SỞ TRƯỜNG CỦA MÌNH KHI CHỌN ĐỀ TÀI.

Đây là hai ưu tiên luôn cần dẫn đo để hài hòa. Thí dụ triết học lý luận là sở đoản của bản thân, mà ta lại ráng đưa vào bài viết, sẽ trở thành sự tra tấn cho cả hai phía nghe và nói. Khi chọn một đề tài mà bạn dốc ra mọi nhiệt tình tìm hiểu viết lách, thỏa nhu cầu của người nghe, đồng thời đáp ứng yêu cầu của không gian, thời điểm diễn thuyết (thiên thời–địa lợi–nhân hòa), là chúng ta đang có khởi đầu rất quan trọng để thành công.

– Đề tài nên bằng hoặc thấp hơn trình độ đạo học và tâm đức của mình. Đây cũng là sự chân thành cần thiết mà chúng tôi sẽ đề cập nhiều hơn ở phần sau, đó là cách mà hành giả không tự huỷ

5. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–7 Giáp Dần (01–9–1974).

hoặc mình và mang bánh vẽ đến người nghe. Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy: “*Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải lập ra để làm một ống loa phát ngôn cho lời này lẽ kia, hay làm những việc đi đây đi đó rồi thôi đâu. Mà mục đích chánh của nó là không đem bánh vẽ cho mọi người, phải đem thức ăn thật đến cho mọi người no.*”⁶

2. THUYẾT VÀ GIẢNG

A. THUYẾT KHÁC VỚI GIẢNG

Cho nên, khi đọc kỹ lời dạy của Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt: “*Toàn thể tín đồ, hoặc nhưn sanh chưa nhập môn cầu Đạo, mỗi tháng hai ngày sóc vọng, sau những buổi lễ nghi cúng bái, được nghe một thời thuyết giáo lý đạo...*”⁷

Thuyết (說) là nói, khác với giảng (講) là giải thích. Chũ thuyết gồm chũ ngôn (言) là lời nói, ghép với chũ đoái (兌) là trao đổi. Còn chũ giảng cũng là chũ ngôn (言) ghép với chũ cấu (構) là chỗ kín đáo.

Đọc kỹ lời dạy của Đức Lê Đại Tiên vào hai thời điểm khác nhau, ta sẽ nhận ra khác biệt nhỏ:

1. Tháng 4-1965, Đức Lê dạy: “... *Mỗi tháng hai ngày sóc vọng(...) được nghe một thời thuyết giáo lý đạo...*”

2. Hơn một năm sau, tháng 6- 1966, Đức Lê Đại Tiên lại nhắc riêng các giáo sĩ: “*Năm vững nghệ thuật thuyết trình và giảng đạo.*”⁸

Như vậy, Thuyết có nghĩa là trình bày một đề tài, trong đó có sự lý luận logic với tư duy, quan điểm của thuyết trình viên dựa trên cơ sở đạo lý hay lời dạy của Thiêng liêng; còn Giảng đạo là

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).

7. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 03-3 Ất Tỵ (05-4-1965).

8. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Bính Ngọ (03-6-1966).

giải thích để người nghe hiểu rõ ý nghĩa lời dạy trong kinh, hay Thánh ngôn, Thánh giáo, người giảng không phải lý luận.

B. NÓI, KHÁC VỚI ĐỌC

– Bài viết chuẩn bị cho buổi diễn thuyết khác với một bài viết mang tính nghiên cứu. Khi đọc, bạn có thể đọc tới đọc lui để suy gẫm. Nhưng người nghe ở diễn đàn không có nhiều thời gian như vậy. Sự lãnh hội và thích thú phải đến ngay lập tức theo câu nói và thần thái diễn giả. Do đó, khi chuẩn bị cho bài viết, chúng ta tự nhắc: Mình viết để nói, không phải để đọc.

Oliver Goldsmith viết: “Thuật hùng biện chân chính không có nghĩa là trình bày những điều vĩ đại theo phong cách hoành tráng, nhưng là nói về chúng theo cách đơn giản và dễ hiểu”⁹.

– Đạo trưởng Thiên Vương Tinh, một diễn giả đàn anh của Cơ Quan, nhấn nhủ: “Đừng nói trước thính giả, mà nói với thính giả”¹⁰. Chúng tôi còn nhớ trong một buổi ngồi dưới hàng khán giả, khi một đạo huynh ở Cơ Quan rời bục thuyết trình, bước xuống gần khán giả và thao thao bất tuyệt trong cuộc nói chuyện đối mặt với cử tọa, thì bên cạnh chúng tôi có nhiều tiếng trầm trở tán thưởng...

Thuyết trình rất khác với đọc diễn văn. Dù bài chuẩn bị kỹ, phải thuộc, nắm ý vững lời, có thể tự cắt dài ngắn tùy theo thời gian.

– Âm lượng, giọng nói và cách nói.

Trong một bài thuyết trình, âm lượng luôn là một yếu tố quan trọng rất cần có sự đúng mực. Nếu đến sớm trước, diễn giả nên thử qua âm thanh. Quan sát âm lượng và độ vang khi

9. Goldsmith Oliver, Of Eloquence, 1759.

10. Đơn Tâm, Nghệ Thuật Thuyết Trình Và Giảng Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2010, tr.13.

xướng ngôn viên nói trước đó cũng là cách đánh giá âm thanh, để có thể điều chỉnh trước khi lên bục giảng. Độ vang (echo) của micro nên là tối thiểu, để giọng nói trung thực và truyền cảm. Thử trước âm thanh, để chúng ta tránh gõ lên micro hay “a lô, a lô” ngay khi có lời đầu tiên. Chúng tôi đã nhìn thấy một diễn giả kinh nghiệm thử micro một cách khéo léo khi sửa lại khoảng cách cần thiết của dụng cụ tăng âm này, bằng một cái vuốt nhẹ nhàng.

Gerald Bauer¹¹ nhận xét: “Giọng nói là gương mặt thứ hai”. Gương mặt, vì đó là khác biệt rất riêng của mỗi diễn giả, và sẽ tạo ra cảm giác dễ nhìn, duyên dáng hay ngược lại. May thay, gương mặt thứ hai này có thể chỉnh sửa mà không cần đến dao kéo của bác sĩ thẩm mỹ.

Một giọng nói đều đều như rô- bô, sẽ không khác khúc à ơi mẹ ru con ngủ. Đạo trưởng Thiên Vương Tinh nhắc rất khéo: “Giọng nói hãy huyền ảo như đoạn đường từ Nha Trang đi Sông Cầu với đèo núi và hoa rừng cỏ lạ...” Bạn bị cuốn hút khi ngồi trước màn ảnh với Tom Cruise và Điệp Vụ Bất Khả Thi hay đọc những dòng mê hoặc của James Hadley Chase (1906–1985, tác giả truyện trinh thám nổi danh người Mỹ với những tác phẩm được cho là chỉ cần “đọc trong một hơi thở”) chính nhờ tiết tấu hư ảo, biến hóa và khó đoán trước.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “*Vị giảng viên thuyết trình hãy đem hết tinh thần chú tâm vào hội trường...*”¹² Khi chú tâm như thế, ta sẽ biết khi nào nên nhấn, nên nhẹ, khi nào nên sôi nổi khi nào nên du dương, khi nào cần ngắt dừng một chút.

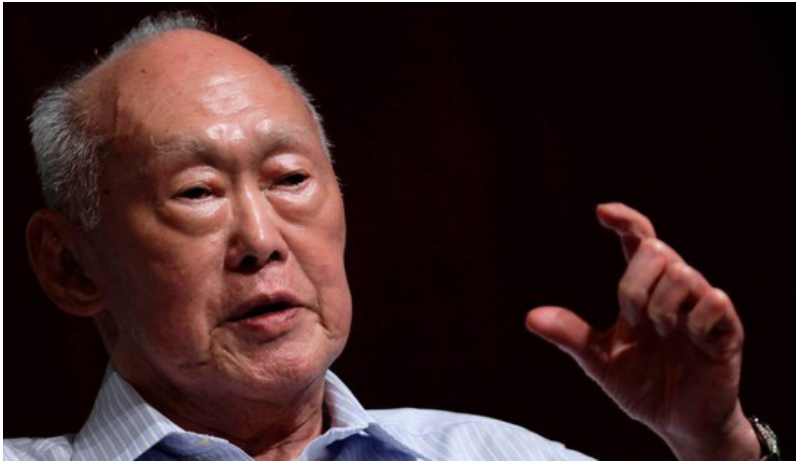
11. Gerald Bauer (1988–1967), một nhà viết tiểu luận và phê bình người Pháp.

12. Trúc Lâm Thiền Điện, 07–4 Canh Tuất (11–5–1970).

C. NÓI VỚI SỰ CHÂN THÀNH VÀ CHIA SẺ, VÀ KHÔNG QUÊN CHỨT HÀI HUỐC

Không phải trước diễn đàn đông đảo, hay một cử tọa uyên bác mới cần có sự chân thành hết mực. Dù để chỉ chạm được vào một vài nội tâm một cách sâu sắc, là ta đã bước đến thành công cùng với sự chân thành của mình. Nên Đức Chí Tôn căn dặn: “*Con không còn tìm ăn những bánh vẽ và trao bánh vẽ cho kẻ khác cùng ăn.*”¹³

Cựu thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu từng nói: “Tôi không nói rằng tất cả mọi thứ tôi làm là đúng nhưng tất cả mọi thứ đều dành cho một mục đích cao quý.”



Ông khuyên mọi người sống cần kiệm, thì chính ông luôn giữ gìn cuộc sống đơn giản. Quý vị có thể cảm nhận điều này qua hình ảnh với trang phục của ông trên đây.

Khi chú tâm và tin tưởng vào mục đích cao quý trong bài nói chuyện đạo, ta sẽ quên đi mọi thứ thuộc về cái tôi. Khi đó, sự chân

13. Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

thành trở thành chìa khóa thành công cho câu chuyện đạo. Bạn khuyên mọi người ăn chay? Làm sao có sự chí thành khi bạn chưa trọn giữ như thế. Bạn khuyên yêu thương, hòa ái, nhẫn nhục mà hành động, nét mặt và cử chỉ hàng ngày nói lên điều ngược lại, thì dù một diễn viên Hollywood cũng không diễn xuất nổi sự chân thành.

Một trong thập đại đệ tử của Phật Thích Ca, tôn giả Phú Lô Na có lời khuyên: *“Người nói đạo không làm gì trái với lời Phật dạy. Không nên khuyên người bố thí mà tự mình cất dành tiền bạc. Nói với tín đồ ngũ dục là nguy ách, mà bản thân lại hay đắm chìm, khuyên tránh xa tam độc, mà tánh tình lại luôn nóng giận...”*¹⁴

Đầu tháng 6/2013, chủ tịch Microsoft Bill Gates đã quay lại Đại học Harvard để phát biểu tại lễ tốt nghiệp của các sinh viên và nhận bằng Tiến sỹ danh dự Harvard. Khi còn đang ở đại học lừng danh này, ông nghỉ học nửa chừng để theo đuổi đam mê của mình. Trước bục diễn thuyết, ông mở đầu bài diễn văn thật hóm hỉnh: *“Tôi đã từng đợi giây phút này 30 năm qua, giây phút mà tôi có thể nói với cha mình rằng: ‘Cha ạ, con đã hứa với cha rằng rồi con sẽ quay lại trường và nhận bằng mà!’”*

Trong cả bài diễn văn nổi tiếng và đầy chân thành này, Bill Gates quên hết cái-tôi, ông dành hầu như toàn bộ lời diễn thuyết cho thế giới đau khổ chung quanh mình, rồi kết lời: *“Tôi hy vọng những bạn sinh viên tốt nghiệp hôm nay sẽ trở lại sân trường Harvard này 30 năm sau để chia sẻ những gì bạn đã làm với tài năng và nhiệt huyết của mình...”*

Những chia sẻ giản dị và hóm hỉnh của Bill Gates hôm ấy để lại ấn tượng tuyệt đẹp về công bằng và tình thương cho hơn ba mươi ngàn người trực tiếp theo dõi...

14. Trích “Mười đại đệ tử của Phật”, Huỳnh Yên Trầm My, Nxb Đà Nẵng, tr. 267.

Quên đi cái-tôi, là cách mà nam diễn viên Leonardo DiCaprio nhận được thật nhiều tán dương khi phát biểu trong buổi nhận giải Oscar 2016 nam diễn viên xuất sắc nhất với phim “The Revenant”: “Ê-kíp chúng tôi đã phải di chuyển xuống cận cực nam để đi tìm tuyết. Khí hậu đang thay đổi là điều có thật (...) Chúng ta cần ủng hộ các nhà lãnh đạo khắp thế giới, những người không nói thay cho những kẻ phá hoại môi trường, mà cho toàn thể nhân loại. Cho hàng tỉ tỉ cư dân chịu biết bao thiệt thòi từ biến đổi khí hậu này. Hãy vì con cháu của chúng ta, vì tất cả những tiếng nói ngoài kia có thể đang bị chìm đi bởi những tham vọng khác nhau. Cảm ơn các bạn về giải thưởng Oscar tuyệt vời. Hãy để chúng ta cùng trân trọng hành tinh này, cũng như trân trọng chính buổi tối hôm nay.”¹⁵

Đức Quan Thế Âm có lời dạy: “Lòng thành kính tạo nên bầu không khí hiền hòa, hiện lên bao khuôn mặt vui tươi thuần hậu...”¹⁶

Nền Pythagore¹⁷ định nghĩa: “Tiếng nói là hơi thở của tâm hồn”. Cũng như câu ngôn ngữ Thụy Sĩ: “Ngôn từ tốt đẹp chỉ là anh lùn bên cạnh một người khổng lồ, là sự gương mẫu.”

15. Our production needed to move to the southern tip of this planet just to be able to find snow. Climate change is real (...) We need to support leaders around the world who do not speak for the big polluters, but who speak for all of humanity, for the indigenous people of the world, for the billions and billions of underprivileged people out there who would be most affected by this. For our children’s children, and for those people out there whose voices have been drowned out by the politics of greed. I thank you all for this amazing award tonight. Let us not take this planet for granted. I do not take tonight for granted.

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-6 Quý Sửu (18-7-1973).

17. Triết gia, nhà toán học Hy Lạp, sinh khoảng năm 580 đến 572 TCN-mất khoảng năm 500 đến 490 TCN.

Nhưng, sự chân thành không phải là sự thiệt thà “khai báo”.
Thí dụ như:

+ Tôi không muốn đứng đây, mà tại vì... không ai nhận nên tôi phải ráng (!!)?

+ Cả tuần qua tôi bận xây nhà, người cậu lại bệnh nặng, tôi phải vừa nuôi bệnh, vừa ho khạc vừa viết bài (!!).

+ Nhiều việc đầu năm quá, lại sắp vào khóa tịnh, bài viết lập cập chắc có nhiều sơ sót, xin quý vị niệm tình đồng đạo...(??).

- Hài hước, trong chừng mực và thông minh, chính là món trang sức tô điểm cho bài diễn thuyết. Một chút khôi hài sẽ làm ấm khán phòng với những nụ cười thích thú, những cảm giác thú vị, và làm chùng bớt không khí đang căng cứng, khô khan. Món quà này đòi hỏi bạn phải đem đến một cách tinh tế và khéo léo. Bạn cần chú ý đến chất giọng, cường độ âm tiết sao cho phù hợp với giai khúc hài hước này.

Shakespeare, tác giả của những kịch bản thông minh và hóm hỉnh, có lời nhắc rằng: “Sự hài hước càng ngắn gọn càng tốt”. Chúng ta cũng lưu ý thêm: Sự hài hước phải phục vụ cho mục tiêu, cho thông điệp đang trình bày.

Tiếng Việt hết sức đa dạng và phong phú. Sự hóm hỉnh đôi khi chỉ nằm trong cách sử dụng ngôn từ, sao cho một chút lạ, một chút thơ, hòa vào nhau để tạo ra nhiều chút ấn tượng.

3. DIỄN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI VIẾT, CHUẨN BỊ TRỢ CỤ

A. DIỄN TRÌNH THỰC HIỆN

1. Dự thảo đề tài.
2. Sưu tập tài liệu tham khảo.
3. Viết đề cương.
4. Viết mở đầu + kết luận.

5. Chuẩn bị trợ giảng cụ (máy chiếu, đèn laser...).

6. Tập thuyết trước.

7. Nhờ một người bạn quay phim lại.

B. TRỢ CỤ THUYẾT GIẢNG

– PowerPoint và máy chiếu: Từ năm 1995 Việt Nam mới có Internet. Nhưng giờ đây, hần ai cũng biết bộ phần mềm văn phòng nổi tiếng của Microsoft Office với Microsoft PowerPoint. Phần mềm này cho phép bạn tạo dựng những Slide (lát cắt) thể hiện những chủ điểm, thông điệp đi kèm với những hiệu ứng. MS PowerPoint thường được dùng để xây dựng bài giảng điện tử, thuyết trình, thậm chí là để quảng cáo, làm phim hoạt hình và trình diễn ảnh. Đối thủ chính của PowerPoint là Adobe Flash, nhưng PowerPoint thì cực kỳ dễ sử dụng và hiệu chỉnh. Còn Flash thì chỉ dành cho người sử dụng hiểu biết về nó mà thôi.

Dùng PowerPoint, nhưng có khi chúng ta quên cái nghĩa rất gần của từ power point: là Điểm nhấn, hay chủ điểm. Chúng ta sẽ điểm qua một số lỗi thường gặp của PowerPoint và máy chiếu:

+ Khô khan: Vì nhiều trang lật với quá nhiều chữ trên màn hình. Hạn chế lỗi này bằng những ưu tiên hình ảnh hơn là chữ viết. Màn hình nhiều chữ sẽ là tấm biển báo trên đường đi của diễn đàn, rằng diễn giả chưa thật nhập tâm và thuộc bài. Nếu cần, một sổ tay sẽ hữu ích hơn khi ta cần không – quên một số trích dẫn...

+ Lòe loẹt: Màu sắc quá nhiều sẽ làm loạn sự chú ý của khán giả trên màn hình. Hạn chế lật trang tới mức tối thiểu cũng là cách tránh bớt sự lòe loẹt về cách trình bày.

+ Ôm đồm: Phần lớn bài viết nằm hết trên trang chiếu. Chữ “điểm nhấn” không còn ý nghĩa. Cả diễn đàn, trong giây lát, trên dưới trước sau cùng “hô biến” thành độc giả, rồi hè nhau “đọc thiệt”(!).

– Giấy cứng: Giấy cứng là một công cụ tuyệt vời, đa năng, rất thích hợp để sử dụng trong những khán phòng nói chuyện đạo với số lượng khán giả 40–80. Giấy cứng nằm tên tay diễn giả, để cử tọa vẫn gắn mắt với thần thái và cử chỉ người nói. Nhà hùng biện Sarah Lloyd–Hughes chia sẻ: “Viết hoặc vẽ trên giấy cứng đem lại một chút bí ẩn và cuốn hút đến khán trường, đồng thời lại nhân văn và chân thực hơn máy chiếu.”

4. RÈN TÂM HẠNH, ĐỨC KHIÊM TỐN KHI NÓI CHUYỆN ĐẠO

Nói chuyện Đạo, là duyên lành và ân phước thật trọng quý mà không phải ai cũng có thể muốn là được. Bởi không chỉ có căn cơ và được ơn, người nói Đạo luôn phải tự un đức tâm ý và tôi luyện đức hy sinh, hạnh quên mình:

*Lấp biển đời non nhiều kẻ muốn
Quên mình độ thế mấy người toan.*¹⁸

Chúng ta cùng đọc lại lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

*“Vị giảng viên thuyết trình đem hết tinh thần chú tâm vào hội trường, vào dự thính viên và tất cả các thính giả, giải thích thật rõ ràng, dễ hiểu dễ nghe để mọi người thấu hoạch được cái lý tất yếu của buổi thuyết trình, mới xứng đáng công lao diễn giả...”*¹⁹

Xứng với công lao diễn giả, là xứng với thời gian và sự lắng nghe của đông đảo quý đạo hữu cùng chư vị nhơn sanh.

Đức Lý Giáo Tông dạy: “Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ

18. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–02 Canh Tuất (21–3–1970).

19. Trúc Lâm Thiền Điện, 07– 4 Canh Tuất (11–5–1970).

người đời kém về mặt tinh thần lại càng phúc đức, công quả trọng đại hơn.”²⁰

Nói chuyện Đạo, là góp phần quan trọng cho công cuộc phổ thông giáo lý: “Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi hay nhỏ tuổi; Không luận là Hội Thánh hay Tòa Thánh; Cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”²¹

– Khi chuẩn bị nói chuyện Đạo, là lúc chúng ta học hỏi, trau dồi tác phong đạo hạnh. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “Có tác phong đạo hạnh để cảm hóa người đời.”²² Đó cũng là điều–kiện–cần để một ngày “ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng”²³, hay “Vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng Trời Đất.”²⁴

Đức Đông Phương Chương Quán nhắc nhở:

“Đã chấp nhận quày chân lại, thì dầu là nấc thang đầu tiên, hành giả cũng phải thận trọng từ sự sống, ăn, mặc, ở. Dù thiếu, giàu nghèo, đều phải giữ tiết độ tri túc, an phận tùy duyên để nội tâm được bình thản. Từ tư tưởng, hành động, ngôn ngữ đều

20. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 23– 12 Kỷ Dậu (30– 01– 1970).

21. Trúc Lâm Thiền Điện, 17–7 Canh Tuất (18–8–1970).

22. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–01 Đinh Tỵ (19–3–1977).

23. Đức Lê Đại Tiên, Nam Thành Thánh thất, 14–02 Kỷ Dậu (31–3–1969).

24. Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01–5 Kỷ Dậu (15–6–1969).

phải khiêm tốn từ hòa, mà không mất vẻ đoan trang nghiêm chỉnh.”²⁵

Nếu trong đời sống hàng ngày thiếu khiêm tốn, lời nói kém nghiêm trang cẩn thận, thì trước bực thuyết trình, ta không sao che giấu được lòng tự mãn và nét khinh bạc. Nên người xưa có câu: “Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi” (Việc gì giấu kín rồi cũng hiện ra, việc gì nhỏ nhoi rồi cũng hiển bày).

Đức Quan Thánh Đế Quân tặng cho hành giả một bảo bối:

“Đức tính khiêm tốn, tinh thần phục thiện là món bửu bối quý giá vô cùng để giúp người tu thân hành đạo có được những cử chỉ khả ái, tác phong dễ thương, tư cách đức độ, việc làm nhân từ khả dĩ gây được bầu không khí hiền hòa với những người đối diện.”²⁶

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “Bản Tăng dặn dò chư đạo hữu phải luôn luôn tập lòng thanh tịnh, tư tưởng thanh cao hướng thượng, hằng nghĩ điều đạo đức, hằng nói lời đạo đức, giúp đời cứu chúng, nhứt là phải cẩn hạnh cẩn ngôn để hiểu câu họa tòng khẩu xuất.”²⁷

Khi thử đặt kính lúp vào ba chữ “nói chuyện đạo”, chúng ta sẽ nhận ra: Một trong những bí quyết tạo nên sức hấp dẫn cho bài nói chuyện, chính là luôn có những câu chuyện đạo sinh động và dễ nhớ. Không có những câu chuyện thú vị ấy, bài nói chuyện dễ trở thành khúc hát ru, mà quan khách có khi buộc phải dùng những liều thuốc ngủ ngoài mong đợi! Những câu chuyện kể trong bài nói chuyện sẽ giúp gắn kết giữa diễn giả với

25. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

26. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971).

27. Minh Lý Thánh Hội, 07-01 Quý Sửu (09-02-1973).

khán trường, kết nối từng cá nhân vào đề tài, và ghi khắc ý Đạo lên bộ nhớ của từng khán giả.

– Nhưng khác biệt lớn nhất giữa một buổi diễn thuyết thông thường và một buổi thuyết đạo là ở chỗ nào?

Đó, chính là cảm giác được Ổn. Ổn Lành ấy ban trải cho cả người nói đạo, lẫn người nghe đạo:

Lòng thành như thiết như tha

*Lòng thành cảm ứng liên tòa chứng minh.*²⁸

Năm xưa, khi đàm đạo với tôn giả Phú Lô Na, đệ nhất thuyết pháp trong thập đại đệ tử của Phật Thích ca, mấy vị tỳ kheo đã hỏi:

– Tôn giả, nơi ngài đến hóa độ, rừng rậm hoang vu cũng trở thành thánh địa trang nghiêm. Những thính giả âu lo ham muốn bỗng trở nên an ổn, tĩnh lặng và thành khẩn, nhờ đâu ngài có được oai đức như thế?

Phú Lô Na từ tốn đáp:

– Tôi nào có sức gì. Trước mỗi lần thuyết pháp, tôi luôn hướng về Đức Phật cầu nguyện, xin từ quang của Đức Thế Tôn che chở nhiếp hộ, cho tôi hoàn thành sự nghiệp tịnh hóa nhân gian, tôi không cần mọi người biết Phú Lô Na, chỉ mong biết đến Chân Lý và tình thương...

– Xin hỏi, nếu có thể tóm lược những bí quyết giảng đạo, Ngài có thể gom thành những điều gì?

– Những lời dạy của Phật, có mười đức bố giáo:

1. Khéo biết (học hiểu tận tường) pháp nghĩa.
2. Có khả năng thuyết giảng.
3. Không sợ sệt đám đông.
4. Biện tài (tài biện luận, lý giải) vô ngại.

28. Bài Kinh Cúng Đức Quan Âm Bồ Tát.

5. Kết hợp nhiều phương tiện.
6. Khế pháp khế cơ (phù hợp với nhân duyên và cơ duyên).
7. Tâm hạnh oai nghi.
8. Dũng mãnh tinh tấn.
9. Thân thể tráng kiện và lòng nhiệt huyết.
10. Thành tựu oai lực.

Đức Đông Phương Chưởng Quản trong một lần làm đàn, Ngài ban bài thơ như bản phác họa cho bức tranh tiên, cũng là chiếc cắm nang vô giá cho diễn giả trước bực thuyết Đạo:

*...Rao rao nhạc gió trên ngàn
Trầm hương bát ngát, bút loan phi đằng
Chơn thân hiển hóa thượng thăng
Hiệp huyền linh điển phú văn độ đời.²⁹*

Trên đường phổ độ, khác với diễn giả trên trường đời, hành giả luôn cần có những giọt cam lồ ân phúc, những liều thuốc tiên bồi bổ cho huệ mạng mà thiên tịnh nghiêm cần sẽ đem tới. Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch căn dặn:

“Tham thiên tịnh luyện là phương tiện thiết yếu giúp phân nghiên cứu viết lách được dễ dàng thông suốt...”. Hay:

“Có lưu ý, có mong vọng, có thiết tha, có thực hành tìm kiếm làn sóng điện (Thiên điển) là chắc chắn sẽ gặp và toại nguyện. Lòng có trống không, ý có thiết tha với các Đấng trọn lành, chắc chắn sẽ được cảm ứng hộ trì và tiết động được sự cứu rỗi.”³⁰

Và lời Đức Mẹ dạy:

Đạo mẫu huyền nhiệm lắm con ôi!

29. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).

30. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 24-3 Kỷ Dậu (10-5-1969).

*Chúng quả rồi con sẽ độ đời
Luyện kỹ công phu đừng gián đoạn
Mới mong vững bước cuộc đời.*³¹

5. KẾT LUẬN

– Chuẩn bị bài viết chu đáo cẩn thận với văn chương rõ ràng dễ hiểu, để nói, không phải đọc. Dùng ngôn từ của khán giả, không phải của diễn giả.

– Trước và trong khi nói chuyện đạo, diễn giả gìn công phu, giữ tâm hạnh, đức khiêm tốn quên mình, để đón Thiên điển ngự vào ý tứ, phong cách, cả giọng nói, lời ngâm.

– Xin ghi nhớ lời Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy giản dị mà thâm diệu:

*“Hãy lấy lòng Thánh nhân mà un đức lòng mình.”*³²

– Trước bực giảng, hay trên đường sứ mạng, có chư vị tiền bối đi trước đã, đang và sẽ luôn cận kề bên cạnh tấm–lòng–thành, như lời nhắn nhủ ân cần của Đức Quảng Đức Chơn Tiên: *“Chư hiền gia tăng nguyện lực cho đến tối đa thì sẽ có sự cảm ứng với Thiêng Liêng.”*³³

– Người nói chuyện đạo, luôn yêu thương nhưn sanh trong tình trăm họ, ước mong có ngày Đại Đạo hồng dương, thiên hạ thái bình. Nguyện lòng tầm tơ, mong tao ngộ nghĩa tương tri trong tâm hồn khán giả.

Kìa bên dòng sông giác ngộ, một Thiển sư tiên phong đạo cốt, râu tóc bạc phơ, trên chuyến đò chiều rao gọi *“Nước biếc sông*

31. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Kỷ Mùi (10-5-1979).

32. Minh Lý Thánh Hội, 02- 01 Giáp Dần (24- 01- 1974).

33. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-10 Nhâm Tuất (26-12-1982). Thế danh: Trần Văn Quế, Thánh danh Huệ Lương (1902-1980).

*xanh một chiếc đò/ Ai qua bẻ ngạn giúp đưa cho*³⁴, rồi cất giọng ngâm thâm trầm nhẩn nhủ:

*Thời xưa đã lắm kẻ ra đi
Một gánh san hà một túi thi
Gõ phách hát câu an chiến quốc
Nhịp cần đợi vó hội tương tri
Non sông gởi gắm tình trăm họ
Đạo pháp mong chờ nghĩa nhứt vi³⁵
Nhà hết tầm tơ cho xứng phận
Gian lao đã có Đấng Từ Bi.³⁶*

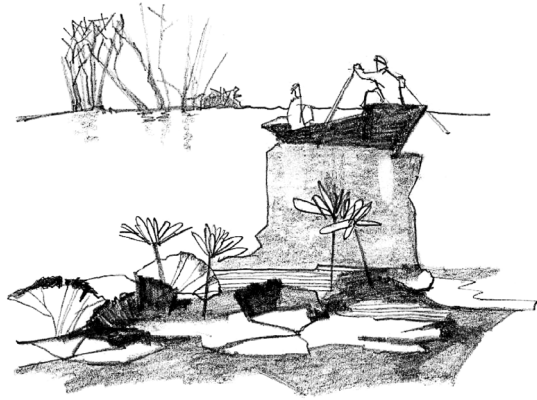
Xin kính nguyện được sự phù trì của Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng với trọn lòng thành.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ĐƠN TÂM, NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH VÀ GIẢNG ĐẠO, NXB TÔN GIÁO, 2010.
2. SARAH LLOYD- HUGHES, BÍ QUYẾT TỎA SÁNG TRƯỚC CÔNG CHÚNG, NXB TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA.
3. CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, THÁNH GIÁO SƯU TẬP 1966- 1974, NXB TÔN GIÁO, 2011.
4. GOLDSMITH OLIVER, OF ELOQUENCE, 1759. TÀI TỪ INTERNET [HTTPS://EN.WIKIPEDIA.ORG/WIKI/ELOQUENCE](https://en.wikipedia.org/wiki/Eloquence) NGÀY 22- 03- 2016.
5. HUỖNH YÊN TRẦM MY, MƯỜI ĐẠI ĐỆ TỬ CỦA PHẬT, NXB ĐÀ NẴNG, 2007.
6. ĐÀO DUY ANH, HÁN- VIỆT TỪ ĐIỂN, NXB TRƯỜNG THI, 1957.■

34. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 09-11 Kỷ Dậu (17-12-1969).
35. Nghĩa (義): Việc nghĩa, tình nghĩa. Chữ này cũng có nghĩa là ý nghĩa. Nhưng xét câu đối bên trên, thì dịch là tình nghĩa có lẽ đúng hơn; Nhứt (nhất) 壹, chữ dùng trong văn tự, nghĩa giống chữ nhất (一): Chuyên nhứt; Vi (爲):Việc làm. Nghĩa nhứt vi: Nghĩa cử của việc làm với tâm chuyên nhất.
36. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 21-7 Mậu Thân (14-8-1968).

*cho hay
quả đất
vẫn xoay vòng*



■ **THIỆN CHÍ**

Khai bút gửi bạn phương xa

1. *Cho hay quả đất vẫn xoay vòng
Anh ở bên Tây, tôi ở Đông
Bên thức trở trăm đời biển loạn
Bên này ngủ mộng giấc xuân sang.*

2. Cho hay quả đất vẫn là tròn
Chớ bảo xa gần, cách nước non
Tiếng nhạc, câu kinh, niềm ước vọng
Bên này, bên đó một lòng son.
3. Cho hay quả đất vốn là nhà
Biển rộng, non cao, đất của ta
Chung sống anh em từ vạn thuở
Ai ngăn biên giới để tình xa?
4. Cho hay quả đất vẫn xoay vòng
Trang trái tình người khắp núi sông
Kỳ thị mới thành cơn máu lửa
Cho hay ân oán vẫn xoay vòng.
5. Ra đi từ một khối tình anh
Mang điểm tâm linh đến thế trần
Nếu nhớ xây đời, đời thánh đức
Nhân hòa muôn thuở mới bình an!
6. Hỡi ai tri kỷ, bạn tri âm
Xa cách mà lòng chẳng cách ngăn
Tình nước, tình dân, tình thế giới
Hành tinh mới thật đất lành chung!
GIAO THỪA ẤT MÙI-BÍNH THÂN 2016. ■

NGUYÊN TIÊU

■ PHỤC NGUYÊN

Cho những Nguyên Tiêu xa xứ

1. Sáng

Sáng sớm vào tu thấy lạnh nhiều

Ngó tờ lịch rớt

Ô!

Nguyên Tiêu

Thời gian trôi mãi dòng xa xứ

Soi xuống lòng không bóng tịch liêu.

Nhìn nhánh đào phai gió rét ùa

Hốt nhiên chợt nhớ xuân quê mùa

Mỉm cười nhắm mắt tôi mừng tượng

Buổi cúng Thiên Quan Tứ Phước xưa.

■

Và thấy làn sương vương vấn cây

Ngõ như lá phướn tung trời mây

Ngàn thông réo rắt mà nghe tưởng

Bài Nguyện Cơ Quan dâng cúng Thầy.

■

Sáng sớm Cali giờ khắc tịnh

Mà nghe quê cũ ở quanh mình

Càng thêm hiểu

Giữ tâm an định

Thì chẳng không – thời với tử – sinh.

Quán chiếu rằm xưa vui cửa Đạo
Nhìn ra rừng úa đáng mai gầy
Thì ra
không- sắc
do tâm tạo
Hiểu lý
Nên dừng cuộc tỉnh say.

■

Tịch lặng tinh mơ thưởng thức trà
Hương thiền lan tỏa trong mai hoa
Ngoài hiên nắng đã tan băng tuyết
Vô niệm bùng tâm trung vỡ òa.

2. Trưa

Trầm thơm thoang thoảng chùa trưa
Và hoa bưởi
Vấn vương chưa
Xứ người
Tâm thành ánh Đạo vàng tươi
Uyên nguyên lá bối
Nét cười Phật xưa
Trưa thiền hoa rải như mưa
Trong hương thấp thoáng đường đưa về trời
Đào nguyên dòng chảy chơi vơi
Tam quan Thánh thất dường nơi Niết Bàn

Khi lòng hành giả khinh an
Hành hương về chốn Nê Hoàn Ma Ha
Vòng Châu tịch chiếu Lăng Già
Bóng câu dù đã Thiên tòa hoa khai.

3. Tối

Nú trắng quan họ đêm rằm
Tôi tìm lại chỗ diệu tâm Cao Đài
Tìm trong bản thể Như Lai
Càng thêm rõ lý có Thầy trong con
Cùng nguyên tâm tấm lòng son
Với Quyền pháp Đạo giữ tròn Trung Dung
Nên chi nguyệt sáng muôn trùng
Thiên Quan Tứ Phước con cung kính gìn
Chính là mở cửa Huỳnh Đình
Thầy
Con
Đạo
Pháp
Chiếu Minh không lời
Nguyên Tiêu trăng sáng rạng ngời
Bởi Thầy-con
Với Đạo-Đời
Không hai.

NGUYỄN TIÊU BÌNH THÂN 2016 ■

học Phật

QUA THÁNH HUẤN CAO ĐÀI

■ PHỤC NGUYÊN

*Cảm tác từ tinh thần đồng tông Tam Giáo qua lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo, trong Thánh Huấn Hiệp Tuyển (Quyển 2, Bài “Tai hại của sự bỏn xẻn” và “Kết quả của sự bỏ thí”, Huệ Đông Thiên, ngày 03-5 Tân Sửu – Năm Đại Đạo thứ 36 [15-6-1961]).
Trao đến các em Thiếu Đồng trong cửa Đạo.*

Giờ trang Thánh Huấn Chơn Kinh
Có lời Phật với đức tin Cao Đài
Giáo Tông Đại Đạo giải bày
Dụng xưa điển tích
Dạy nay tu hành
Phật Nho Lão dấu khác danh
Cũng đều nhất lý Tam Thanh tương đồng
Qua câu chuyện cũ hiểu thông
Tam Kỳ tổng tướng ba Tông một nhà
Để tin kính
Để nhận ra
Uyên nguyên lý giữa ta bà hình danh
Ơn Trên mặc khải chỉ rành
Chiếu minh soi rõ ngọn ngành chơn tu

1. ĐỪNG NÊN BỎN XẼN

A.

Trần gian đến sống để làm gì
Nào chỉ gom tiền của cóp ky
Thu hết
Chẳng bao giờ thấy đủ
Không màng nhân thế lúc tai nguy

■

Ích kỷ e rằng lâm ác đạo
Mặc ai đói khổ riêng làm giàu
Bất nơn tích góp
Nhân gây tạo
Quả báo luân hồi tránh được sao

■

Thánh Huấn Chơn Kinh cũng đã răn
Giáo Tông Đại Đạo dụng kinh văn
Nhắc câu chuyện xảy ra thời Phật
Thức tỉnh nhân sanh ngộ lẽ Hằng.

■

B.

Thuở ấy
xưa hồi Đức Thích Ca
Một hôm Người khát thực gần xa
Ngang qua xóm gã Đồ Đẽ ở
Nhằm lúc anh ta đã vắng nhà

■

Chó của Đồ Đẽ ăn trước sân

Ngẩng lên gặp Phật
sủa vang rân
Ngài rầy
Đã sút sa như thế
Mà chẳng chừa tham si với sân

■

Nghe quở
Chó kia quày bước đi
Buồn thiu dường có nghĩ suy gì
Chủ về chẳng thiết ra săn đón
Mà khóc
thành ra gã lạ kỳ

■

Đồ Đẽ gọi mãi mới chui ra
Rầu rĩ còn
vương mắt lệ nhòa
Kính ngọc gã chưa hề thấy thế
Nên tìm hỏi thử ai thăm nhà

■

Hàng xóm cho hay lúc sáng ngày
Thế Tôn khát thực ở nơi đây
Gã kia vội vã đi tìm Phật
Để hỏi Ngài
Sao lạ thế này

■

– Bạch Đức Thế Tôn đã dạy gì
Mà con chó nhỏ quá sấu bi

■

Phật dùng huệ nhãn
Soi cho gã
Thấy
chó là cha
vừa chết đi

■

Ông rất giàu nhưng chẳng giúp ai
Thi ân bố đức bỏ ngoài tai
Tâm còn bòn xén
Luôn ôm giữ
Nên phải đọa thân chó thế này

■

Chẳng tin người hỏi thử xem sao
Nó đã từng chôn của ở đâu
Chó sẽ vì người mà chỉ lại
Kho tàng kiếp trước giấu nơi nao

■

Vâng lời Phật dạy
Gã về ngay
Tìm chó
Nói
Người ở kiếp này
Vốn đã là cha ta thuở nọ
Xin vì tôi hãy để gia tài

■

Nghe xong
Chó chạy vô gặm sà
Bươi móc
Hấn đào theo
Gặp vàng

■

Càng thắm thía kinh xưa đã dạy
Luân hồi bởi thắt mối dây oan

■

C.
Bởi khởi lòng tham mà chẳng ngăn
Sân si tâm Đạo nhạt phai dần
Ngộ ra tri túc nên thường túc
Bố đức giúp đời nghiệp giảm lần

■

Xưa Phật đã khuyên đừng bỏn xén
Nay Cao Đài cũng dạy thi ân
Tam công hành giữ cho tròn vẹn
Lục đạo luân hồi thoát chuyển luân

■

Bác ái từ bi tâm mở rộng
Ắt lòng bỏn xén tiểu trừ xong
Thế nhân thương xót như mình vậy
Chắc hẳn trần gian sẽ đại đồng

■

Mở tâm phụng sự giúp nhân loài
Là điều Đạo vốn dạy xưa nay
Tam công cũng chính Ba La Mật
Phật tông nhất lý với Cao Đài

2. BỤM CÁT CÚNG DƯỜNG

A.

Khi cúng dường lòng trọn hiến dâng
Chân thành vô kỷ quý khôn ngần
Chơn Kinh Thánh Huấn từng khuyên dạy...
Phật đã chứng tâm trẻ
Một lần...

B.

Thuở ấy
Gần nơi Xá Vệ Thành
Khu vườn Kỳ Thọ
Phật du hành
A Nan thị giả ôm bình bát
Cùng với tăng đoàn khát thực quanh

■

Trên nẻo thiền hành đấm trẻ ngồi
Chúng bươi đất cát ở ven đồi
Đắp nên thành quách cùng kho lẫm
Dụng cát làm lương gạo
Nghịch chơi

■

Lúc Đức Phật qua chúng ngược nhìn
Một trò tâm thiện phát thành linh
Hai tay cung kính em gom cát
Lòng tưởng gạo lương
Trọn đức tin

■

Em cúi quỳ bên chân Thế Tôn

Dâng lên bụi cát với lòng son
Thế Tôn nhận lấy
Và ban phước
Hoan hỉ chứng minh công đức tròn

■

Ngài đã hài lòng nhận nắm cát
Y như khi tiếp lễ quân vương
Rồi kêu thị giả đem tô trát
Lên vách phòng cho trọn cúng đường

■

A Nan vâng lệnh tiến hành ngay
Nhưng thắc mắc xin Phật giải bày

– Bạch Thế Tôn

Sao hoan hỉ vậy
Chỉ là bụi cát
Trẻ trao tay

■

Phật thuyết
Tuy là vốc cát thôi
Nhưng trong chơn tánh Đạo tâm ngời
Đời sau
Trẻ ấy
Vua A Dục
Khanh tướng
Những trò dự cuộc chơi!

■

Vua ấy sẽ hoàng Đạo của ta
Xây muôn Tam bảo khắp gần xa

A Nan vẫn tiếp
Sao như thế
Chút cát lại nên bao chánh tòa

■

Ngài dạy
Thiện căn chẳng tức thời
Thuở xưa Ca Diếp Phật ra đời
Trẻ từng là vị vua sùng Đạo
Hộ pháp
Gieo nhân lành khắp nơi

■

Và kiếp này em khởi thiện tâm
Dâng ta vốc cát
Hưởng ân thâm
Quả nhân đâu chỉ qua hình tướng
Lòng trọn thành nên Đạo nẩy mầm

■

C.
Đức Phật đã không hề biệt phân
Tâm Ba La Mật dụng làm nhân
Tín hành công đức trong vô ngã
Quả sẽ như sen
Nở trắng ngần.

■

Tam Kỳ Phổ Độ mở Cao Đài
Gồm ý Đạo xưa Phật dạy bày
Càng thấy Tam tông là nhất lý
Phật ngôn nào khác với lời Thầy.■

VIÊN CHỐNG ẨM

■ CÔNG HUY

Băng đi một thời gian, nay tôi tình cờ sức nhớ lại lọ thuốc quý mà tôi đã mua cho ba tôi và hỏi:

- Ba uống thuốc hết chưa và thấy khỏe không?
- Uống hết rồi, nhưng viên cuối cùng có gói giấy, viên đó mới công dụng hơn mấy viên kia, uống nó vô thấy khỏe liền...!!?

Tôi giật mình và hiểu ngay đó là viên chống ẩm mà ông mới khen. Nghĩa là sau khi uống hết thuốc chưa kịp phát huy tác dụng. Ông uống luôn viên chống ẩm đúng lúc các viên thuốc kia có hiệu nghiệm. Tôi im lặng một lúc rồi tự trách mình không dặn kỹ. Chuyện đã rồi, tôi không nói gì thêm vì sợ làm ông thêm lo lắng. Tôi nói qua loa:

- Vậy tốt, chúc Ba khỏe nhe.

Câu chuyện này đã xảy ra từ lâu, bỗng dưng trở thành chuyện thời sự và có giá trị vô cùng ở hiện tại. Vì hiện nay trong sinh hoạt tu học trong Giáo Hội đang xảy ra tình trạng một số ít tín hữu rủ nhau chuyển qua tu theo pháp môn mới. Những huynh tỷ thân thương ngày nào đã từng cùng tôi sớm khuya tịnh luyện nay không còn đồng hành nữa, bỏ lại tôi với bao kỷ niệm vui buồn, lòng bỗng thấy trống vắng nhớ nhung và tiếc nuối chi lạ. Tôi chưa kịp hình dung pháp môn mới như thế nào thì nhận được bao điều khen ngợi và rủ rê. Nào là thiêng liêng huyền bí, nào là bí pháp mới truyền, nào là cơ hội cuối cùng, nào là rất phù hợp với tôi và nhất là sự so sánh cao thấp và mẫu nhiệm giữa các pháp môn tịnh luyện... Càng nghe tôi càng buồn và nhớ lời dạy của Đức Quán Pháp Thiên Tôn:

*Đạo vốn vô hình lại chẳng hai,
Càng bàn, càng nói, lại càng sai,
Nếu quên nguồn gốc âm dương hiệp,*

*Uống phí công phu những tháng ngày.*¹

Việc thay đổi pháp môn nửa chừng của quý huynh tỷ, tôi không có ý kiến vì đó là sự chọn lựa riêng tư, chỉ chúc cho họ mau đạt thành ý nguyện. Nhưng sự thành nguyện đó đừng nhằm lẫn như Ba tôi là do viên chống ẩm làm hết bệnh. Hoặc giả không nằm ngoài tâm lý nôn nóng của đời thường, muốn mau mau đạt thành kết quả nên “Không đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng.” Do đó khi thấy cái gì mới là chấp nhận ngay mà quên của báu mà mình đang thọ hưởng.

Trung Tông có pháp nhiệm mầu,

Có Thầy chỉ lối có đầu có đuôi.

Nhờ may duyên ta đã bước được vào nấc thang đầu, từng khổ luyện qua bao tháng ngày đã thuần thục lại bỏ dở không đi tiếp đến nấc thang cuối cùng.

Đức Ngô Đại Tiên cũng dạy:

Đường tu phải lắm công phu

Công phu giữ được, muôn thuở rờ ràng.

Tôi tiếc cho cái tình đồng đạo, tình huynh tỷ đã dày công vun đắp xưa nay, bây giờ ít có cơ hội gặp nhau nên cũng nhạt phai dần. Tôi cũng lo lắng cho pháp môn chúng ta đang thọ hưởng mà chưa thấy hết giá trị tiềm tàng của nó. Có thể so sánh với chuyện uống thuốc của Ba tôi vì:

1. Giá như trước đó tôi hướng dẫn cách sử dụng thuốc, chỉ dẫn tận tình và chu đáo hơn, chứ không để mặc kệ chỉ đưa thuốc là xong, thì sẽ không xảy ra chuyện sai lầm đáng tiếc này.

2. Nếu tôi không phát hiện sớm sẽ xảy ra nhiều chuyện tai hại không lường hết:

1. Tam Thừa Chơn Giáo, quyển 3, phẩm Thượng Thừa, bài 19: “Sơ quan sơ chúng”.

– Ông sẽ giới thiệu cho nhiều người khác cùng uống loại thuốc này nhưng chỉ cần uống viên chống ảm là hết bệnh ngay.

– Nhà bào chế, bác sĩ cho toa sẽ bị mất uy tín vì người dùng không tuân theo đúng chỉ dẫn thời gian và liều lượng sử dụng.

– Người dùng thuốc theo cảm tính, chủ quan, nôn nóng, không kiên trì thực hành đúng theo chỉ dẫn sẽ đổ thừa cho thuốc kém. Lại vội vã đi tìm thuốc khác. Như thế làm người bệnh “tiền mất tật mang.”

– Gây xáo trộn, nửa tin nửa ngờ giữa người bệnh “cùng giường” với nhau chỉ vì nghe theo lời giới thiệu miệng.

Thiết nghĩ: “Hãy đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng” rất quan trọng mà mấy ai chịu đọc kỹ vì chủ quan, nôn nóng và khinh lờn thứ ta đang có.

Nhân chuyện này cũng nên đọc kỹ pháp môn mình đang thọ luyện.

Đức Hải Triều Thánh Nhơn dạy:

... Ngồi mà luyện Linh châu mới biết

Lòng được yên khí huyết được đều

Hồn mình bay bổng cao siêu

Kể tai nghe được Thiên điều dạy khuyên.

Khuyên ta quay về miền thanh tịnh

Dạy ta nhiều phép kín độ đời

Công phu nhờ đó tỏ ngời

Tâm ta nương đó, đất trời huyền thông.

Lần lần chuỗi đòai vòng thì biết

Biết lần lần hơn thiệt chẳng sai

Biết ta trong pháp Cao Đài

Không hơn không thiệt, không ngoài không trong.

Châu đã tỏ phá vòng u ám

Châu đã minh thông cảm mạng Trời
Châu lòng lặng bật tâm hơi
Thì thân nào sợ đất trời đảo điên.
Muốn cho giấc được yên được dứt
Thì phải lo điều tức điều thân
Mình mà làm chủ được thân
Khác chi muôn tạ hòn cân nhích bằng.²
Như vậy chúng ta còn gì mà “sợ đất trời đảo điên.”
Đức Ngô Đại Tiên dạy về Linh Châu³ như sau:
Giữ sao tâm được không không
Tham sân chớ để nó lỏng vào trong
Đường tu phải quyết một lòng
Tứ thời gắng giữ cho xong cho tròn
Ngoài ra những sự mất còn
Chớ cho vọng thức nó lòn khuấy ta
Một lòng cầu khẩn thiết tha
Giữ tâm thanh tịnh để mà tiếp ơn
Nếu mà dễ dãi khinh lờn
Mà lòng dấy loạn linh đờn khó thành.
(...)
Pháp môn cứ giữ cho y
Cái ngày kết quả khó gì ở đâu
Hễ là thọ nhiệm pháp mẫu
Bền tâm chớ ngại mau lâu ngày thành.
Vậy chúng ta tự xem lại mình có rơi vào “Dễ dãi khinh lờn” để

2. Thánh Thất Trung Thành, 13-3 Bính Ngọ (03-4-1966).

3. Tịnh đường ngày 8-6 ĐĐ 38

(XEM TIẾP TRANG 206)

ÂN ĐỨC CHÍ TÔN

■ CHÍ THẬT



THƠ

Muôn kiếp các con chịu lạc đường,
Thấy vậy Thầy luống động lòng thương,
Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật,
Lập Đạo không thành chịu tội ương.¹

LÝ CẢI MƠN

Lòng Thầy thương đàn con yêu dấu,
Giáng thế canh khuya bao lời nhủ khuyên cùng con. Ước mong
sao càng tu tiến thoát nơi đọa đày.
Vì nhân sanh chẳng màng lợi danh,

1. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo.

Chung sức nhau xây Đài Cao,
Cho thỏa lòng Từ Phụ chờ trông.

VỌNG CỔ

1. Thấy là Chúa Tể Càn Khôn bỏ vị ngôi xuống phàm cứu thế, công
cực khổ Thầy đâu có nệ miễn sao con giác ngộ biết... tu... hành.

Hồi tâm hướng thiện trở lại đường lành.

Thế gian trọng trực vật chất hữu hình, tan biến bỗng bẽnh như
áng mây trôi.

Mang lấy kiếp nạn khổ mãi luân hồi, lòng Thầy đau xót đứng
ngồi không yên dạ.

Thầy vì thương con nên phải từ bi, trăm đắng ngàn cay hạ mình
độ thế.

THƠ

CAO Tiên xuống thế độ nguyên căn,

ĐÀI bửu rước ai đã thoát trần,

GIÁO dục đời mê ra trí huệ,

CHỦ tâm phân định luyện tu căn.²

2. Nay Đức Chí Tôn lập thành Đại Đạo, độ rỗi toàn linh thoát
cảnh luân hồi.

Cộng nghiệp chúng sanh phải chịu quả nhồi.

Hiện tình thế sự ngày nay diễn biến, bao nhiêu tấn tuồng nhân
quả diễn ra.

Không phải do sự chấp định của Thầy, mà do luật công bình tự
nhiên của Đạo.

Thương xót nguyên căn lạc nơi cõi thế, thương lấy nhân loài
chìm trong bến mê.

THƠ

2. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo.

*Thầy nhỏ ơn lành xuống thế gian,
Ban thêm chén thuốc tình mơ màng,
Biết đường đạo đức là chơn lý,
Thì ráng lo tu nhập Niết Bàn.³*

VỌNG CỔ

5. Ân Đức Chí Tôn bủa tràn khắp năm châu bốn biển, mở lượng khoan dung dang tay từ ái ban rải tình thương cho thế giới... thanh... bình.

Phục đáo linh căn về chốn thiên đình.

Tình Tạo Hóa đức háo sanh của Thầy, ban đều vũ trụ bao phủ càn khôn.

Muôn loài vạn vật chung một bầu trời, sống trong phép mầu của Đấng Hóa Công.

Con đã nhìn thấy trời cao che chở, con hãy ngắm xem đất nở hoa màu.

LÝ SÂM THƯƠNG

Ân Chí Tôn khai minh, Đài Cao ngời trong nhân thế.

Thương chúng sanh bơ vơ, Thầy đem tình thương phát ban.

Đời còn nhiều gian nan, lòng từ bi cứu an muôn loài.

Hồng ân Thầy chứa chan, đàn con thơ vững tâm tu hành.

(TRỞ VỀ VỌNG CỔ)

6. Ân Đức Chí Tôn chan hòa khắp chốn, đón rước sanh linh hội hiệp cùng Thầy.

Kỳ ân xá Thầy khai chánh pháp,

Mở rộng đường thân nạp thiện duyên,

Sông mê sẵn bát nhã thuyền,

Khôn ngoan của Thánh nhà Tiên trở về.⁴■

3. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo.

4. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–12 Quý Sửu (22–01–1974).

ĐẬU HŨ CUỐN LÁ LỐT

■ BẠCH TUYẾT

NGUYÊN LIỆU (CHO 5 NGƯỜI ĂN)

- 2 miếng đậu hũ chiên;
- 2 củ hành tây;
- 300 gr nấm bào ngư xám hoặc nấm rơm;
- 2 muỗng súp hành tỏi băm;
- 2 muỗng súp sả băm;
- Lá lốt 1 bó, lựa loại lá lớn.

CÁCH LÀM

Lá lốt lật từng lá rửa sạch, xóc cho ráo nước. Đậu hũ lạng đôi rồi cắt từng miếng khoảng 5mm. Hành tây cắt múi cau. Nấm rửa sạch, xé miếng vừa. Bắc chảo lên bếp, cho 3 muỗng dầu ăn vào, cho hành tỏi băm vào, hơi vàng, cho sả băm nhuyễn vào, đợi vàng, cho hành tây và nấm vào xào cho tới khi nấm đã ráo nước, kể cho đậu hũ vào, cho một muỗng súp bột nêm và 1 muỗng cà phê đường cùng một ít tiêu vào trộn đều cho thấm, tắt lửa chờ nguội.

CÁCH CUỐN LÁ LỐT

Sắp miếng lá bẻ lạng ra ngoài, cho nhân đã xào vào, gấp mép 2 đầu lại cuốn vào, dùng tăm ghim cho dính lại. Cứ làm 3 cuốn là một ghim, cho tới khi hết.

Bắc chảo lên bếp, cho ít dầu vào, chờ nóng, cho lá lốt đã cuộn vào chảo chiên 2 mặt, cho lá héo có màu xanh và thơm là được.

Ăn kèm với lá lốt có bánh hỏi và xà lách rau sống, khế, chuối chát, dưa leo và nước mắm chanh tỏi ớt hoặc mắm nêm chay tùy ý thích của mỗi người.

CÁCH LÀM MẮM NÊM CHAY

- 2 muống súp mắm đậu;
- 1 góc tư trái khóm đã gọt vỏ, băm nhỏ;
- 1 muống sả băm nhuyễn.

Bắc chảo lên bếp, cho một muống súp dầu ăn vào. Dầu nóng, cho tỏi băm nhuyễn vào cho thơm, cho khóm vào xào cùng với một muống đường cát. Cho mắm đậu vào xào cho đều, cho nước sôi vào vừa sệt. Nấu sôi, nêm lại vừa ăn, bắc xuống. ■

Viên chống ảm

(TIẾP THEO TRANG 201)

“Lòng đầy loạn linh đơn khó thành” không. Nếu biết rồi thì chắc rằng sẽ không “Ngại mau lâu ngày thành.”

Và cũng nên đọc kỹ trước khi chuyển từ pháp môn cũ sang pháp môn mới như “Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng” qua lời dạy của Ông Trên như sau:

Cơ Trời mầu nhiệm lắm con ôi!

Trí óc phàm đầu thấu đặng Trời!

Trời đất có không, không vẫn có,

Có không ai rõ đặng như lời.⁴

Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy:

“Bản Đạo lấy làm lo sự nghiệp Trung Tông Truyền Giáo một mai rồi không khỏi công cuộc dở dang gặp một cơn thử thách, nếu chú phạm sự không hết dạ nhiệt thành, lớn nhỏ chung tay xây đắp mà giữ vững cơ đồ thì mong gì đạt thành nguyện lực.”⁵ ■

4. Thánh Thất Trung Quang, 30-02 ĐĐ 14 Kỷ Mão (19-4-1939).

5. Trung Hưng Bửu Tòa, 04-5 ĐĐ 33 Mậu Tuất (20-6-1958).

THEO DÒNG ĐẠO SỰ

■ THANH HIỂN

02-12 ẤT MÙI (11-01-2016) Thánh tịnh Đại Thanh Gò Vấp tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 15 ngày lạc thành Thánh sở.

06-12 ÂM (15-01-2016) Cơ Quan tiếp phái đoàn khởi “Tổ chức Liên giao các Hội thánh và tổ chức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” đến cùng đi chúc xuân Vụ Công tác Tôn Giáo phía Nam Ban Tôn Giáo Chính phủ.

08-12 ÂM (17-01-2016) Thánh thất Trung Minh tổ chức Lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Đạo trưởng Bảo Pháp Thanh Long. Cùng ngày Thánh tịnh Thanh Liên Đàn tổ chức lễ kỷ niệm 81 năm thành lập.

09-12 ÂM (18-01-2016) Thánh tịnh An Phước Bến Tre tổ chức lễ khánh thành Tam Đài.

Cùng ngày Thánh thất Tân Túc (Bình Chánh) tổ chức lễ An Vị nhà tu Trung Thừa.

11&12-12 ÂM (20&21-01-2016) CQPTGLĐĐ tiếp phái đoàn Tổ chức Liên giao các Hội thánh và tổ chức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến chuẩn bị đi chúc xuân các cấp chính quyền và tôn giáo bạn.

17-12 ÂM (26-01-2016) CQPTGLĐĐ tiếp phái đoàn UBND, UBMTTQ Q.1 TP.HCM và các ban ngành đoàn thể đến chúc xuân.

18-12 ÂM (27-01-2016) Phái đoàn CQPTGLĐĐ đi chúc xuân UBMTTQ TP.HCM, UBND-UBMTTQ phường Nguyễn Cư Trinh.

Cùng ngày, Thánh thất Nhựt Chánh Bến Lức Long An (Hội Thánh Ban Chính Đạo) tổ chức lễ đón nhận danh hiệu “Cơ sở thờ tự văn hóa”.

19-12 ÂM (28-01-2016) Phái đoàn CQPTGLĐĐ đi chúc xuân UBMTTQ Q.1 TP.HCM.

Cùng ngày, Cơ Quan tiếp phái đoàn Ban Tôn giáo TP.HCM và phái đoàn Tin Lành đến chúc xuân.

20-12 ÂM (29-01-2016) Phái đoàn CQPTGLĐĐ dự buổi họp với Ban Tôn giáo Chính phủ tại Minh Lý Thánh Hội.

Cùng ngày Cơ Quan tiếp Ban Tôn Giáo Chính phủ (Vụ Cao Đài) đến chúc xuân.

25-12 ÂM (01-02-2016) Phái đoàn CQPTGLĐĐ đi chúc xuân Ban Tôn Giáo TP.HCM, UBND Q.1.

Cùng ngày, Cơ Quan tiếp phái đoàn Đảng Ủy-UBND-UBMT cùng các ban ngành đoàn thể phường Nguyễn Cư Trinh Q.1 TP.HCM đến chúc xuân.

01, 02 & 03-01 BT (8, 9 & 10-02-2016) Nhân viên Ngoại giao vụ chia làm bảy đoàn đi chúc xuân 37 Thánh thất Thánh tịnh trong thành phố và tỉnh Tiền Giang.

06-01 BT (13-02-2016) Thánh thất An Thạnh Long An và Thánh thất An Phú Đông Cần Giò tổ chức lễ cầu an.

08-01 BT (15-02-2016) Thánh thất Tân Sơn Nhì cử hành trang trọng lễ khánh đản Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế trùng dụng kỷ niệm 90 năm thành lập Thánh sở. Dịp này, CQPTGLĐĐ theo đề nghị của Ban Cai quản Thánh thất, cử Đạo huynh Chí Thật, Vụ Phó Ngoại giao vụ, thuyết minh giáo lý đề tài “Có nhân hòa xuân mới thành xuân”.

12-01 BT (19-02-2016) Thánh tịnh Ngọc Linh tổ chức lễ kỷ niệm Đại Lễ Hoa Đài lần thứ 57.

22 & 23-01 BT (29&30-02-2016) Hội Thánh Cao Thượng Bửu Tòa tổ chức lễ kỷ niệm 64 năm thành lập trùng dụng 56 năm ngày đăng tiên của Đức Chơn Sắc cùng lễ ra mắt tân Ban Cai Quản nhiệm kỳ V 2016-2021.

26-01 BT (4-3-2016) Chiếu Minh Tự Vĩnh Long thuộc Hội Thánh Cao Đài Thượng Đế tổ chức lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng lại Thánh sở.

27-01 BT (5-3-2016) Thánh thất Trung Tín Vũng Tàu (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) và Thánh thất Định Thủy Bến Tre (Hội Thánh Ban Chính Đạo) tổ chức lễ khánh thành.

04-02 BT (12-3-2016) Thánh thất An Phong Đồng Tháp (Hội Thánh Tây Ninh) tổ chức lễ khánh thành.

15-02 BT (23-3-2016) CQPTGLĐĐ tổ chức lễ Khánh đản Đức Thái Thượng Đạo Tổ trùng dựng Đại hội Thường niên tổng kết một năm hành đạo của Cơ Quan.

Cùng ngày, Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 46 trùng tu Thánh tịnh.

17-02 BT (25-3-2016) Hội thánh Minh Chơn Đạo Cà Mau tổ chức Đại hội Đại biểu Nhơn sanh nhiệm kỳ 2016-2021

19-02 BT (27-3-2016) Hội Thánh Tiên Thiên tổ chức lễ khánh thành Tổ Đình Tòa thánh Châu Minh (Bến Tre), cùng với kỷ niệm 90 năm khai đạo Cao Đài, đồng thời tiến hành Hội nghị Khối Liên giao các Hội Thánh và Tổ chức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lần thứ 9.

Cùng ngày, Thánh thất Trung Hiến tổ chức lễ kỷ niệm Thành lập Thánh sở.

23-02 BT (31-3-2016) Phái đoàn Thánh thất Cao Đài Thủ đô Hà Nội do Đạo Huynh Đầu Họ Đạo – Lễ Sanh Thượng Mai Thanh (Lê Xuân Mai) dẫn đầu đến thăm CQPTGLĐĐ.

29-02 BT (6-4-2016) Thánh tịnh Bắc Đầu Cung Bạc Liêu tổ chức lễ Khai cơ trí thạch.

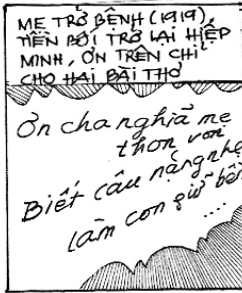
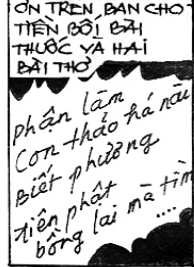
12-3 BT (18-4-2016) Thánh tịnh Thiên Trước Cần Thơ tổ chức lễ kỷ niệm Tri ân Tiên bối. ■

NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU: MÔN ĐỆ



ĐẦU TIÊN CỦA CAO ĐÀI (KỶ 2)

■ LỜI: BÙU LONG • VẼ: CỌ TRẮNG



(CÒN TIẾP)

(*) CÒN GỌI LÀ TÒA BỐ, HAY DINH THAM BIỆN (INSPECTION DE TÂN AN).

(**) TẠM DỊCH: NƯỚC CHẢY HOA TRÔI, TRỜI CÒN VƠI MỘT NỬA.

PHƯƠNG DANH QUÝ HUYNH, TỶ, ĐỆ, MUỘI CÔNG QUẢ ẤN TỔNG KINH SÁCH

Trong niên trình Ất Mùi 2015, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã ấn tổng các sách sau đây:

1. *Cao Đài Giáo Lý*
 - Năm 2015: các số 129, 130, 131, 132, 133 (Photocopy).
 - Năm 2016: số 134 (Xuân Bính Thân 2016), in 500 quyển.
2. *Cao Đài Giáo Sơ Giải*, tác giả: Đạo Trưởng Huệ Lương, in 1000 quyển.
3. *Tiểu sử Ngũ Giáo Thánh Nhơn và Đức Khương Thái Công*, tác giả: Đạo Trưởng Huệ Lương, in 1000 quyển.
4. *Tìm hiểu Tôn Giáo Cao Đài*, tác giả: CQPTGLĐĐ, in 1000 quyển.
5. *Lịch sử Đạo Cao Đài: Khai Đạo và Truyền Đạo 1920–1938*, tác giả CQPTGLĐĐ, in 500 quyển.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo xin chân thành cảm ơn quý đạo hữu đã chung tay công quả ấn tổng (từ 04-4-2015 đến 17-3-2016):

1. ĐT Nguyễn Thị Bàng	500.000đ
2. ĐT Hồ Kim Bác Ái	500.000đ
3. ĐT Phan Thị Lùng	100.000đ
4. Họ Đạo Trung Nam	500.000đ
5. ĐH Nguyễn Thanh Vân	1.000.000đ
6. Thánh Thất Lộ Đò	200.000đ
7. Đạo tâm Ấn danh	100.000đ
8. ĐH Tâm ở Orlando Florida hồi hướng cho Trần Thanh Vân	6.465.000đ
9. ĐT Lê Thị Kiều Nga	500.000đ
10. ĐH Ấn danh ở Bến Tre	100.000đ
11. ĐH Phạm Hoàng Huy	500.000đ
12. ĐH Trần Phước Thọ	100.000đ
13. ĐT Mướt	100.000đ
14. ĐH Nguyễn Cao Bằng	50.000đ
15. ĐT Ấn danh	120.000đ
16. ĐT Trần Minh Nguyệt	100.000đ
17. Lễ Sanh Hương Lịnh	1.000.000đ
18. ĐT Nguyễn Thị Xuân Hương	200.000đ

19. Đạo tâm Ấn danh	50.000đ
20. ĐT Lê Minh Nguyệt	1.100.000đ
21. ĐT Lê Thị Thanh Loan	100.000đ
22. ĐT Ngọc Loan	100.000đ
23. ĐH Huỳnh Công Khanh	500.000đ
24. ĐT Đại Cơ Bác	1.000.000đ
25. Đạo tâm Ấn danh	21.000.000đ
26. ĐT Võ Thịnh Oanh	100.000đ
27. ĐT Nguyễn Thị Lệ Trân	500.000đ
hồi hương công đức cho bà ngoại	
28. ĐH Đạt Chánh	2.000.000đ
29. Đạo tâm Ấn danh	10.000.000đ
30. ĐT Huỳnh Thị Phương Thảo	100 USD
31. Gia đình ĐT Huỳnh Anh	20.000.000đ
32. Gia đình ĐT Huỳnh Thị A	500.000đ
33. ĐH Trần Ngọc Như An	1.000.000đ
34. Đạo tâm Ấn danh – Thùng công đức tại Thư Viện	7.047.000đ
35. ĐT Lương Thị Phương Thảo	1.000.000đ
36. ĐH Nguyễn Phan Hoàn Nguyên và ĐT Nguyễn Phan Anh Thủy	200.000đ
37. Cố ĐH Đạt Nguyễn	1.000.000đ
38. Gia đình Tu Sinh Ngô Thị Thảo	1.000.000đ
39. Gia đình ĐT Diệu Thuận	500.000đ
40. Dòng họ Trần–Bùi–Lê–Nguyễn	1.000.000đ
41. ĐT Lê Thị Bích Liên	100.000đ
42. Gia đình ĐH Chơn Đạo	500.000đ
43. Gia đình ĐH Cao Trường Nhơn	1.000.000đ
44. Gia đình ĐH Huệ Nhẫn	500.000đ
45. Gia đình ĐH Hoàn Nguyên	200.000đ
46. ĐT Tạ Thị Chung	100.000đ
47. ĐH Đặng Văn Châu	200.000đ
48. Gia đình cố ĐT Nguyễn Thị Hồng Anh	500.000đ
49. Ông Bà Đoàn Châu Bái	1.000.000đ
50. Gia đình cố Đạo Trường Ngọc Huệ Chơn	1.500.000đ
51. ĐT Thanh Dung	2.200.000đ

52. ĐH Thái Ngọc Thành	3.000.000đ
53. ĐH Đạt Trí	500.000đ
54. ĐT Ngô Thị Thùy Quyên	200.000đ
55. ĐT Trần Ngọc Ánh	2.500.000đ
56. ĐH Ngô Văn Hai	200.000đ
57. ĐT Trần Ngọc Như Quỳnh	300.000đ
58. ĐH Chơn Đạo	50.000đ
59. ĐT Ngô Thị Huệ	50.000đ
60. ĐT Vũ Thị Thêm	200.000đ
61. Họ Đạo Vĩnh Nguyên Tự	500.000đ
62. Giáo Sĩ Hoàng Mai	500.000đ
63. ĐT Ẩn danh	1.500.000đ
64. ĐH Thiện Chí	200.000đ
65. ĐT Liên Anh	50.000đ
66. Gia đình ĐH Chí Nghĩa	100 USD
67. ĐT Đoàn Thị Xuân Diệu	500.000đ
68. ĐT Lê Thị Thanh Hiền	300.000đ
69. ĐT Lê Thị Bích Thuận	100.000đ
70. ĐT Nguyễn Thị Xuân Hương	100.000đ
71. ĐT Nguyễn Thị Tuyết Hương	100.000đ
72. ĐH Lê Minh Đức	1.100.000đ
73. Cố ĐT Mai Thị Hạnh	300.000đ
74. ĐT Lâm Thị Mai Trinh	1.100.000đ
75. Họ đạo An Thạnh	2.050.000đ
76. ĐH Phan Trần Đức Dũng	1.000.000đ
77. ĐH Huỳnh Văn Minh	1.000.000đ
78. ĐH Lê Minh Huệ	1.000.000đ
79. ĐT Thủy Tuyền	500.000đ
80. ĐT Huỳnh Ngọc Trúc Anh	500.000đ
81. ĐT Nguyễn Thị Trúc Thảo	500.000đ
82. ĐT Võ Thị Hạnh	100.000đ
83. Lớp Bồi Dưỡng Giáo Lý Cấp I Cơ Quan	4.100.000đ
84. ĐT Thanh Vân	100.000đ
85. ĐH Lê Minh Trí	1.000.000đ
86. ĐH Lê Chí Thật	200.000đ

87. ĐT Diệu Bảo	50.000đ
88. ĐT Nguyễn Thị Hồng	600.000đ
89. Quý Huynh Tỷ Lê Minh Hiến, Công Bình, Ánh Ngọc	1.000.000đ
90. ĐH Nguyễn Hữu Ngọc Trúc	400.000đ
91. Cố Đạo Trưởng Huệ Chiếu Quang	3.000.000đ
92. Gia đình ĐH Lê Văn Đẹp	500.000đ
93. Cố ĐH Lê Văn Hưởng	100.000đ
94. ĐT Nguyễn Tú Anh	500.000đ
95. ĐH Nguyễn Vạn Hưng	1.000.000đ
96. ĐT Trần Thị Hồng Loan	500.000đ
97. Cố ĐH Phan Văn Long	200.000đ
98. ĐH Đặng Văn Châu	200.000đ
99. Đạo tâm Ấn danh	200.000đ
100. Đạo tâm Ấn danh	500.000đ
101. Gia đình ĐH Chí Vĩnh	200.000đ
102. Đạo tâm Ấn danh	5.000.000đ
103. ĐH Lâm Đăng Tuấn	2.250.000đ
104. Đạo tâm Phan Quỳnh	300.000đ
105. ĐH Hà Văn Đỗ	200.000đ
106. ĐT Nguyễn Thị Thu Trang	1.500.000đ
107. ĐT Nguyễn Thị Hoài	500.000đ
108. ĐT Nguyễn Thị Thu Hiền	500.000đ
109. Gia đình Phạm Thị Trang, Nguyễn Hữu Ngọc Trúc, Nguyễn Thị Dung	1.500.000đ
110. ĐH Mai Ngọc Hân	1.000.000đ
111. ĐT Huỳnh Thị Có và Thảo Vy	400.000đ
112. ĐH Nguyễn Văn Xem	200.000đ
113. ĐH Bùi Văn Đế	400.000đ
114. ĐH Nguyễn Thanh Sơn	200.000đ
115. Đạo tâm Tám Gấm	500.000đ
116. Cố ĐT Phan Thị Bàng	300.000đ
117. Đạo tâm Ấn Danh	200.000đ
118. ĐT Nguyễn Thị Định	2.000.000đ
119. ĐH Trần Văn Sơn	100.000đ

120. Quý Huynh, Tỷ Võ Thành Tư và Mai Thị Bến	300.000đ
121. Quý ĐT Võ Thị Thanh và Võ Thị Thu Cúc	200.000đ
122. ĐT Nguyễn Thị Minh Giang	500.000đ
123. ĐT Võ Thị Hạnh Diệu	200.000đ
124. ĐH Phạm Trung Quốc	1.000.000đ
125. ĐH Trần Văn Minh	100.000đ
126. ĐT Phạm Thị Thới	100.000đ
127. ĐT Nguyễn Thị Ánh	1.000.000đ
128. Đạo tâm Ấn Danh	100.000đ
129. ĐH Ngô Tấn Thành	100.000đ
130. ĐT Dư Thị Bảo Hòa	1.000.000đ
131. ĐT Thái Thị Kim Ánh	4.000.000đ
132. ĐH Ngô Thanh Quang	200.000đ
133. ĐT Công Thị Út	200.000đ
134. ĐT Đoàn Thị Nghiêm	500.000đ
135. Đạo tâm Ấn Danh	200.000đ
137. ĐH Nguyễn Văn Hiếu	100.000đ
138. Huynh Tỷ Thiện Quang, Thiên Hương	600.000đ
139. ĐT Quỳnh Như	1.000.000đ
140. ĐH Lê Hồng Phong	100.000đ
141. ĐH Trần Lý Toàn	200.000đ
142. ĐT Mỹ Lan	100.000đ
143. ĐH Huệ Trang	50.000đ
144. Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc	800.000đ
145. ĐT Lê Thị Ngọc Hương	500.000đ
146. Cổ ĐT Nguyễn Thị Chích	100.000đ
147. ĐH Phan Nguyễn Ngọc Huy	500.000đ
148. Gia Đình Đạo Trưởng Đạt Chơn	200.000đ
149. ĐT Ngô Thị Gia	50.000đ
150. ĐH Nguyễn Anh Tuấn	500.000đ
151. ĐT Nguyễn Phan Anh Thy	100.000đ
152. ĐH Nguyễn Phan Hoàng Huy	100.000đ
153. ĐT Huỳnh Hoa	100.000đ
154. Quý tỷ Hồ Kim Bắc Ái, Công Bình	500.000đ
155. ĐT Nguyễn Thị Nhàn	100.000đ

TỔNG CỘNG:

156.432.000 VNĐ + 200 USD



Lễ Bái mạng niên trình 2016 của các cấp nhân viên CQPTGLĐĐ



Đại lễ Tổng kết Kỷ niệm 90 năm Khai Đạo Cao Đài 2016

Sách ấn tống. Không bán.